



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
Tạp chí PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY
Phát hành vào đầu mỗi tháng

TỔNG BIÊN TẬP

Hòa thượng Thích Thiện Tâm

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP

Thượng tọa Thích Bửu Chánh
Đại đức Thích Thiện Minh

TRÌNH BÀY

TN. Quang Minh
Khánh Dương

PHÁT HÀNH

Liên hệ: Lê Hiền Anh Tân
ĐT: 0909027777

QUẢNG CÁO

Liên hệ: Nguyễn Thị Thùy Linh
ĐT: 0933773366

TÒA SOẠN

Chùa Bửu Quang
171/10 Quốc Lộ 1A, P.Bình Chiểu,
Q.Thủ Đức, TP. HCM
ĐT: (+848) 37290248 - 0903870370
Email: tapchiphatgiaonguyenthuy@gmail.com

GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG BÁO CHÍ

số 760/GP-BTTTT
ngày 28/05/2010 của Bộ TTTT

CHẾ BẢN VÀ IN TẠI

Xí nghiệp in Nguyễn Minh Hoàng
100 Lê Đại Hành, P.7, Q.11, TP. HCM

Trong số này

* Lá thư Tòa soạn	03
-------------------	----

1. TIÊU ĐIỂM

- Khuông Việt Đại sư - HT Thích Đức Nghiệp	04
- Kinh nghiệm GD của PG Thái Lan - HT Thiện Tâm	07
- Hoằng pháp với người dân tộc - Tk Siêu Minh	10

2. KINH TẠNG

- Kinh Tất cả các lậu hoặc - HT Thích Minh Châu	12
- Dụ ngôn về hạt giống - Tuệ Siêu	14

3. LUẬT TẠNG

- Tìm hiểu nghi thức Bố tát - HT Hộ Tông	15
- Nội quy Ban Tăng sự	18

4. THIỀN HỌC

- Tìm hiểu Pháp môn tu thiền - Nguyễn Minh Tấn	19
--	----

5. LUẬN TẠNG

- Pháp Hỷ trong đời sống - Đại đức Thiện Minh	21
---	----

6. SUY NGẪM

- Những vết đinh - Lang sưu tầm	23
---------------------------------	----

7. ĐỐI THOẠI

- Gặp gỡ TT Bửu Chánh - Minh Thạnh Nguyễn Lạc	24
- Kế hoạch tổ chức Hội thảo Hoằng pháp	27
- Chương trình tổng thể	28
- Ý Lan tranh cát và một chữ "Thôi kệ" - Quang Duyên	29

8. VĂN HÓA

- Tết Nguyên tiêu - TT. Giác Trí	30
- Duyên nghiệp - TS. Vũ Gia Hiền	33
- PGNT có tôn thờ thần linh - TS Thái Văn Chải	34
- Vì sao gọi là Chùa - Tạ Đức Tú	36
- Vài nét về PG Myanmar - Như Trí	39

9. VĂN THƠ

- Ngủ trong kinh Tạng - Tk Định Phúc	41
- Đạo tràng Giác Bảo Hoa - Quang Duyên	43
- Khánh thành - Hiền Khánh (Hoa Huệ)	45
- Kính mừng đại lễ - Tố Ngọc	45
- Uống trà ngày xuân - Thiện - Bằng	46
- Tiễn sư Chơn Tịnh - Hiền Khánh (Hoa Huệ)	46

10. VĂN HỌC PĀLI

- Đại hội kết tập kinh điển lần thứ 5 - TK. Suvijjo	47
---	----

11. ẨM THỰC - DƯỢC THẢO

- Vai trò của chất xơ - Lê Khắc Chiếu	48
---------------------------------------	----

12. THEO DÒNG

- Lễ hội đón mừng năm mới - Chơn Minh	49
- Hội nghị lần thứ 3 UBTW MTTQVN - PV. PGNT	51
- Lễ truy điệu và trà tỳ nhục thân - GHPGVN	51
- Cư sĩ Phạm Kim Khánh từ trần - Hoa Cúc	53
- Buổi họp mặt đầu năm TC PGNT - ĐĐ. Phước Định	54
- Ngài viện chủ chi nhánh - PV. PGNT	55
- Lễ hội cúng đèn - ĐĐ. Phước Định	56
- Chùm ảnh Phật sự - Lê Hà	57

Lá Thư Tòa Soạn

Vừa qua ngày 22 tháng 2 năm 2011 tại Tòa soạn Tạp chí Phật giáo Nguyên thủy đã có buổi họp mặt của Ban Biên tập với các phòng ban và các cộng tác viên. Trong buổi họp, Ban biên tập cũng như các thành viên đã đề xuất nhiều ý kiến, nhằm mục đích giúp cho Tạp chí ngày càng đa dạng và phong phú về nội dung cũng như hình thức.

Về nội dung, cuộc họp đã thống nhất mỗi số đều có những mục căn bản như: Kinh, luật, luận, văn hóa, suy ngẫm v.v... nhằm phục vụ cho nhiều đối tượng độc giả; cũng như mục Tiêu điểm là những bài viết, những cuộc Hội thảo của Giáo hội tổ chức trong tháng đó, để cho phật tử, độc giả biết thêm những thông tin của Giáo hội. Như trong tháng 3 này Tạp chí có bài viết về 2 sự kiện hoạt động của Giáo hội là "Hội thảo Hoằng pháp toàn quốc năm 2011 tại Bình Dương" và "Hội thảo Quốc sư Khuông Việt" người có công với Phật giáo Dân tộc.

Đặc biệt trong cuộc họp đầu năm, tiêu chí mà Ban Biên tập đề ra là thành lập ngay Ban Từ thiện Xã hội để hoạt động có lợi ích thiết thực tốt đời, đẹp đạo, vì Tạp chí là cơ quan ngôn luận dễ dàng đi thâm nhập thực tế, cùng lên tiếng kêu gọi, giúp đỡ cho những hoàn cảnh đáng thương, giúp đỡ cho trẻ em nghèo hiếu học, xây dựng nhà tình thương, ủng hộ đồng bào bị lũ lụt thiên tai v.v... Nhân đây Ban Biên tập Tạp chí cũng kêu gọi sự tham gia ủng hộ của các mạnh thường quân, các nhà từ thiện trong và ngoài nước cùng tham gia, đóng góp và hoạt động với Ban Từ thiện Tạp chí Phật giáo Nguyên thủy cho được qui mô và hiệu quả lâu dài.

Tạp chí Phật giáo Nguyên thủy



KHUÔNG VIỆT ĐẠI SƯ

Với Dân Tộc và Phật Giáo Việt Nam

Để chào mừng Đại lễ 1000 năm, ngày Quốc sư Khuông Việt viên tịch 1011 - 2011 (tức 15 - 2 Tân Hợi, 15 - 2 Tân Mão), Đại học Quốc gia Hà Nội phối hợp với Học viện Phật giáo Việt Nam tại Hà Nội, cùng tổ chức Hội thảo Khoa học Quốc tế tại Hà Nội vào tháng 3 năm 2011. Tạp chí Phật giáo Nguyên Thủy trích đăng bài viết của Hòa thượng Thích Đức Nghiệp Phó Thư ký ban Thường trực Hội đồng Chứng minh Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam



HT. Thích Đức Nghiệp

* Thân thế của Quốc sư Khuông Việt (933-1011)

Theo sách Thiền Uyển Tập Anh, thì Quốc sư Khuông Việt trụ trì chùa Phật Đà, làng Cát Lợi, quận Thường Lạc, Quốc sư thuộc thế hệ thứ tư, Thiền phái Vô Ngôn Thông. Ngài xuất thân từ làng Cát Lợi, họ Ngô, thuộc dòng dõi Ngô Thuận Đế, tức Ngô Quyền và tên Ngài là Ngô Chân Lưu, Ngài có hình tướng vĩ nhân, ý chí cao siêu, tính tình hòa dịu. Lúc nhỏ, Ngài theo học đạo Nho; khi lớn, Ngài quy y Phật. Thế rồi, Ngài cùng bạn học trụ trì đến tham học với Thiền sư Vân Phong ở chùa Khai Quốc, tức chùa Trấn Quốc ở Hồ Tây - Hà Nội ngày nay, đồng thời Ngài cũng được thụ Cụ túc giới ở đó.

* Nếp sống tu dưỡng của Ngài

Do vậy, trong thời gian đó, Quốc sư đã đọc hết tất cả kinh điển Phật giáo và quán triệt ý nghĩa chủ yếu của Thiền tông. Về bản thân thì Ngài có giới đức trang nghiêm, trí tuệ trong sáng, trên hoằng dương Phật đạo, dưới hóa độ và cứu giúp nhân dân, nhằm thực hành vô ngã, vị tha, đưa mọi người đạt đến đỉnh

HT. Thích Đức Nghiệp

Phó Thư ký ban Thường trực HĐCM GHPGVN

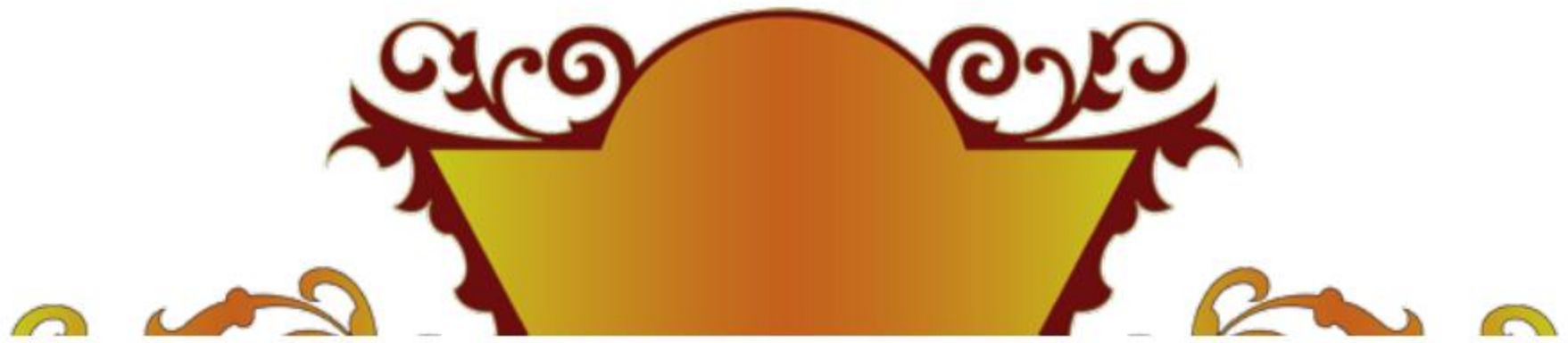
cao giác ngộ, giải thoát, nghĩa là đạt tới hạnh phúc, tự do và bình đẳng xã hội.

* Sự nghiệp xây dựng Đất nước và phát triển Đạo Pháp

Theo quan điểm xuyên suốt của Phật giáo, thì Đạo pháp và Dân tộc luôn phải song hành, bởi lẽ Đất nước có độc lập, hưng thịnh, thì Phật giáo mới tồn tại, phát triển.

- Xây dựng đất nước

Năm 40 tuổi, tiếng lành về đạo đức và học thức của Quốc sư Khuông Việt đã lừng lẫy khắp cả nước và vang dội tới cả triều đình, nên Ngài được vua Đinh Tiên Hoàng mời vào cung để đàm luận việc đạo, việc



nước. Ngài giải trình và đối đáp mọi việc đều thông suốt và hợp ý vua. Bởi vậy, nhà vua rất kính phục và phong chức Tăng Thống, chức vị đứng đầu Phật giáo cả nước cho Ngài. Năm sau, niên hiệu Thái Bình, vua lại ban cho Ngài ngôi vị Khuông Việt Thái sư. Vì thế, Ngài tham dự việc nước như một vị tể tướng của triều đình, thường cùng nhà vua bàn luận những việc trọng đại, đối nội, đối ngoại và thay vua tiếp đãi các Quốc khách.

Đến đời vua Lê Đại Hành, Quốc sư Khuông Việt lại được vua kính trọng hơn nhiều, bao nhiêu việc nước ở triều đình như việc quân sự, chính trị Ngài đều tham dự và đặc biệt, được vua mời vào tư vấn.

Năm Thiên Phúc thứ bảy (986), sứ thần nhà Tống là Lý Giác sang sứ nước ta. Bấy giờ, Pháp sư Đỗ Thuận cũng có tiếng tăm lừng lẫy. Nên vua sai Pháp sư cải trang làm người lái đò để đón tiếp Lý Giác ở trên sông Giang Khúc. Lý Giác thấy Pháp sư thông minh xuất sắc, giỏi về văn chương, thơ phú bèn làm một bài thơ tặng:

Hán âm:

Hạnh ngộ minh thời tán thịnh du,
Nhất thâm lưỡng độ sứ Giao Châu.
Đông đô tái biệt tâm lưu luyến,
Nam Việt thiên trùng vọng vị hưu,
Mã đạp yên vân xuyên lãng thạch,
Xa từ thanh chướng phiếm trường lưu.
Thiên ngoại hữu thiên ưng viễn chiếu,
Khê đàm ba tịnh kiến thêm thu.

Dịch nghĩa:

May gặp minh quân giúp việc làm,
Một mình hai lượt sứ miền Nam.
Mấy phen qua lại lòng thêm nhớ,
Muôn dặm non sông mắt chưa nhàm.
Ngựa đạp mây bay qua suối đá,
Xe vòng núi chạy tới dòng lam,
Ngoài trời lại có trời soi rọi,

Văng nguyệt trong in ngọn sóng đầm

(HT. Mật Thể)

Vua Lê Đại Hành đưa bài thơ này cho Quốc sư Khuông Việt xem có ý gì không. Ngài tâu:

Câu thứ bảy, sứ Tàu có ý tôn vinh Bệ hạ ngang hàng với vua của họ.

Kế đó, vua Lê Đại Hành bèn nhờ Quốc sư Khuông Việt làm một bài thơ đáp lại để tiễn đưa sứ thần Lý Giác về Tàu. Ngài vâng lệnh vua, rồi làm một bài thơ theo điệu Tống Vương Lang Qui như sau:

Hán âm:

Tường quang phong hảo cảm phạm trường
Thần tiên phục đế hương
Thiên lý vạn lý thiệp thương lương
Cửu thiên qui lộ trường
Nhân tình thâm thiết đôi ly trường
Phan luyện sứ tinh lang
Nguyên tương thâm tương ý vị Nam cương
Phân minh tấu ngã hoàng.

Dịch nghĩa:

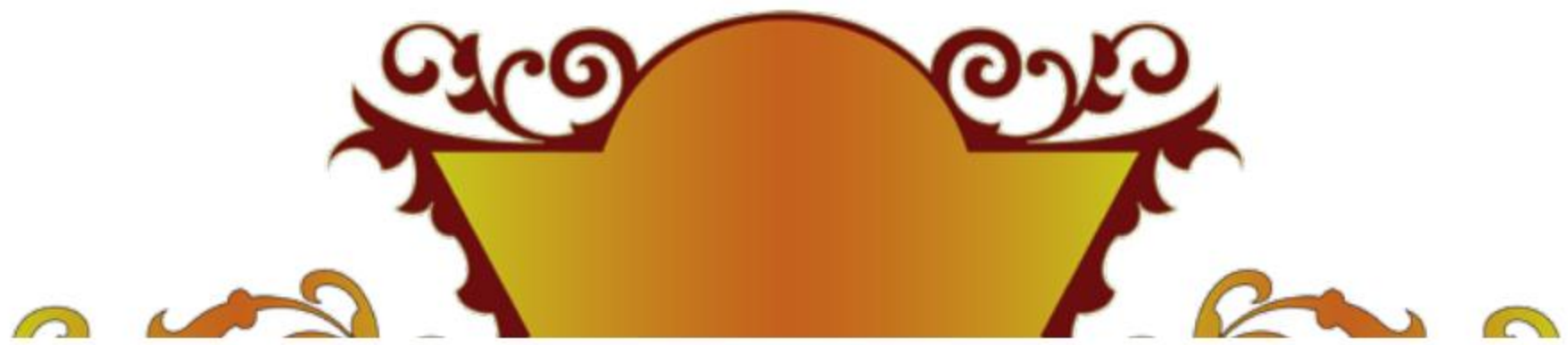
*Gió hòa phấp phới chiếc buồm hoa
Thần tiên trở lại nhà
Đường muôn nghìn dặm trải phong ba
Cửa trời nhắm đường xa
Một chén quan hà dạ thiết tha
Thương nhớ biết bao là
Nỗi niềm xin nhớ cõi Nam Hà
Bày tỏ với vua ta.*

(HT. Mật Thể)

- Phát triển Đạo pháp

Sau đó, Quốc sư Khuông Việt lấy cơ tuổi cao sức yếu, Ngài xin vua cho nghỉ việc tại triều đình, rồi Ngài trở về quê nhà xây một ngôi chùa thờ Phật, hiệu là Phật Đà tự trên núi Du Hý, làng Cát Lợi, quận Thường Lạc, Ngài trụ trì ở đó, đồng thời Ngài lại mở trường dạy học. Do vậy, các học trò ở bốn phương





tìm về học Ngài rất đông, bởi lẽ ngôi chùa Phật Đà của ngài không chỉ là một thắng cảnh tâm linh, nhằm tu dưỡng thân tâm hướng thiện, mà còn là trung tâm giáo dục văn hóa nhân văn, để hoằng dương Phật Pháp, lợi lạc quần sinh và an sinh xã hội.

Biết rằng trong các lớp học trò của ngài, có Thiên sư Đa Bảo, là một học giả xuất sắc đương thời. Một hôm, Thiên sư được vào tư thất của Ngài để hỏi:

- Thế nào là mục đích của sự học đạo?

- Ngài đáp: Mục đích của sự học đạo là nhằm đạt tới Phật tính bình đẳng, vô ngã vị tha, nhiệm màu như chân không diện hữu và chân như phổ biến.

- Đa Bảo hỏi thêm: Làm sao duy trì được?

- Ngài nói: Ông không thể nắm bắt được.

- Đa Bảo giải trình: Thế là Hòa thượng nói rõ rồi.

- Ngài hỏi: Vậy ông hiểu thế nào?

- Đa Bảo hét lên một tiếng. Tiếng hét trong Thiên tông của các vị Thiên sư là một ẩn dụ để ám chỉ sự trực ngộ, trực giác hay hiểu rõ một vấn đề nào đó mà không cần đến lời nói hay khái niệm để trình bày, vì thế, trong Thiên sông có câu:

Tâm hành, Ngôn ngữ Đạo đoạn

Nghĩa là: Các vị Thiên sư đắc đạo, không cần dùng con đường bằng ngôn ngữ và khái niệm, để giáo hóa các học trò nữa, thông thường, chỉ dùng gậy Thiên (Thiên bổng) và Tiếng hét (Thiên hát). Thí dụ: Đức Sơn bổng và Lâm Tế hát. Nghĩa là: Gậy của Thiên sư Đức Sơn và Tiếng hét của Thiên sư Lâm Tế, nhằm kích thích sự trực ngộ và phá chấp những lời nói, khái niệm cũng như định kiến của Thiên sinh.

Sau cùng, trước khi tạ thế, nhập Niết bàn, vào niên hiệu Thuận Thiên thứ hai nhà Lý, ngày 15 tháng 2 năm Tân Hợi, tức năm 1011, Quốc sư Khuông Việt cho gọi Thiên sư Đa Bảo đến và chỉ dạy:

Hán âm:

Mộc trung nguyên hữu hỏa
Nguyên hỏa phục hoàn sanh
Nhược vị mộc vô hỏa
Toàn toại hà do manh?

Dịch nghĩa:

*Trong cây vốn có lửa
Tia lửa mới sáng lò
Nếu bảo cây không lửa
Cọ sát làm sao phát sinh?*

Nói xong, Quốc sư ngôi kiết già, viên tịch. Ngài hưởng thọ 78 tuổi.

Quốc sư Khuông Việt, ở đây, Ngài dùng ẩn dụ cây và lửa để chỉ bảo Thiên sư Đa Bảo. Vì cây ám chỉ con người; còn lửa ám chỉ Phật tính bình đẳng, phổ biến và bất diệt, sẵn có nơi con người và Phật tính cũng là Lửa thiêng. Theo huyền thoại Hy Lạp, thì chính Prometheus đã lấy lửa thiêng (Le Feu Sacre) của Zeus, thiên thần tối cao, mang về cho nhân loại, do đó, loài người mới có nếp sống văn minh tiến bộ, cũng như Lửa của Heraclite, nhà triết học Hy Lạp, trước công nguyên 550, là nguyên lý của vũ trụ, luôn chuyển động, tạo ra vạn vật và nhân sinh. Chúng ta thấy: ý nghĩa về lửa đã được nói rõ trong cuốn De La Nature, về Thế giới Thiên nhiên, của nhà triết học Heraclite.

Nói ngắn gọn, Quốc sư Khuông Việt muốn nói cho Thiên sư Đa Bảo biết rõ về vấn đề sống chết, qua bài kệ nêu trên, rằng:

Vấn đề sinh tử của con người chỉ là một tiến trình chuyển hóa từ dạng này sang dạng khác, không có vấn đề chết là hết, càng không có vấn đề tồn tại vĩnh hằng, mà phải luôn chuyển động tiếp nối. Nghĩa là, không nên bi quan hay lạc quan vì sống chết là quy luật tất yếu và phải tích cực tiến lên hoàn thiện, cũng như nước, theo quan điểm của Lavoisier, phải luôn chuyển biến từ dạng hơi sang dạng cứng, rồi sang dạng lỏng, cứ tuần hoàn mãi như vậy. ■



Nhằm thực hiện chương trình Xã hội hóa Giáo dục, và giới thiệu đạo đức Phật giáo cho sinh viên và học sinh ở Việt Nam hiện nay. Tạp chí Phật giáo Nguyên thủy trân trọng giới thiệu bài dịch sau đây của Hòa thượng Thích Thiện Tâm

Kinh nghiệm Giáo dục của Phật giáo Thái Lan^[*] [Buddhism and Education The Thai Experience]

HT Thích Thiện Tâm (dịch)

Phật giáo đã có mặt tại Thái Lan gần 1.000 năm qua; tại đây các nhà sư có vai trò đặc biệt quan trọng trong nhiệm vụ giáo dục đạo đức cho nhân dân. Nói chung, đời sống tinh thần của người Thái thể hiện rất rõ nét những đức tính từ bi, thân thiện và nhu hòa của Phật giáo.

Tuy vậy, nếu như chỉ quan tâm đến khía cạnh trang bị kiến thức Phật giáo mà thiếu kết hợp hài hòa kiến thức khoa học của thời đại trong một xã hội phát triển thì cũng sẽ dễ bị rơi vào tình trạng mê tín dị đoan và lối sống của dân chúng khó có thể cải thiện một cách tốt đẹp.

Vua Rama V (1868 -1910), một vị minh quân của Thái Lan, ý thức rằng nếu không có đủ trình độ kiến thức thì người dân dễ bị chủ nghĩa thực dân đế quốc phương Tây thống trị. Từ nhận thức ấy, đức vua đã bắt đầu chú ý đến việc cải cách giáo dục trong nước.

Hai trường đại học Phật giáo, Mahamakuta và Mahachula, là hai trường Đại học danh tiếng của Thái Lan, do đức vua phát tâm xây dựng cúng dường để

đào tạo Tăng tài cho Phật giáo.

Sau khi học tập và tốt nghiệp tại hai trường này, các sư được bổ nhiệm đến giảng dạy tại các trường trong nước, thường các trường này được xây dựng trong khuôn viên chùa. Các sư sẽ phụ trách giảng dạy các môn học như: Đạo đức Phật giáo, tiếng Thái, Toán học, Lịch sử; nhờ vậy mà đời sống của nhân dân không ngừng được cải thiện và nâng cao. Dưới thời đại trị vì của đức vua Rama, Thái Lan đã hình thành một hệ thống giáo dục Quốc gia khá hoàn chỉnh, đem đến sự thịnh vượng cho đất nước Thái Lan nên đức vua rất được nhân dân kính trọng và tri ân.

Vấn đề Giáo dục hiện nay của Thái Lan

Mặc dù nền giáo dục của Thái Lan đã được cải tiến từ thời đức vua Rama V, nhưng hiện nay chính phủ vẫn chưa thực hiện được hoàn toàn chủ trương quá trình bắt buộc học tập theo hệ giáo dục chính quy đối với tất cả học sinh.

Vì nhà nước vẫn còn quá đề cao đến vai trò giáo dục chính quy do nhà nước tập trung quản lý, cùng với tình trạng gia tăng dân số quá nhanh đòi hỏi

Trường Đại học Mahachulalongkorn

xã hội cần phải phát triển hệ thống giáo dục không chính quy nhằm đáp ứng yêu cầu tất yếu khách quan của sự phát triển giáo dục; chẳng hạn, cần phải xây dựng những Trung tâm giáo dục mầm non, mẫu giáo tại các chùa hoặc xây dựng mô hình những trường học dạy vào những ngày Chủ Nhật do Phật giáo trực tiếp quản lý v.v...

Vì lẽ, rất rõ ràng là chỉ có những gia đình giàu có hoặc khá giả mới có điều kiện cho con em của mình đến học tại những ngôi trường dạy tốt. Trong lúc đó, có nhiều trẻ em nhà nghèo, dù ở ngay tại Bangkok cũng phải bỏ học ở nhà phụ giúp cha mẹ lao động vất vả để kiếm sống qua ngày. Hình ảnh của nhiều trẻ em lang thang bán báo, bán hoa trên đường phố là hình ảnh rất quen thuộc đối với nhiều người thường được gặp tại Bangkok. Tương tự như vậy, ở ngoại ô Thủ đô Bangkok hoặc tại những vùng quê, vùng nông thôn hẻo lánh có nhiều trẻ em, trai cũng như gái, phải lâm vào cảnh thất học vì ở nhà phụ giúp cha mẹ lao động trên các đồng ruộng hoặc chăn trâu, cắt cỏ để nuôi sống bản thân và gia đình; các em không sao có cơ hội để được đến trường học tập.

Vai trò của Chính phủ và các nhà sư

Nhằm chuẩn bị cho trẻ được đến trường và tạo cơ hội học tập, xóa mù chữ cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, Bộ Giáo dục đã bắt đầu thực hiện sáng kiến xây dựng những trung tâm dự bị tiền học đường tại các chùa (Temple Preschool Centres) từ năm 1963. Dự án này đã được sự nhiệt tình hưởng ứng và tích cực hỗ trợ của Giáo hội Phật giáo; qua đó, Giáo hội cho phép bất cứ chùa nào trong nước cũng được phép mở trường để dạy học cho con em trong vùng. Các nhà sư trở thành giáo viên dạy cho các em trước khi các em đủ tuổi đến trường công lập. Kết quả của dự án này rất được dân chúng hoan nghênh, ủng hộ và được công nhận là rất thành công.

Trung tâm dự bị tiền học đường tổ chức tại các chùa được xem là cơ sở an sinh xã hội, được chính quyền quan tâm và tích cực hỗ trợ. Chính phủ kêu gọi mọi người dân, bất luận ai, ở lứa tuổi nào cũng nên siêng năng đến chùa để tu tập và rèn luyện đạo đức cho bản thân. Ở đó chắc chắn sẽ đem lại nhiều lợi ích lớn lao cho cộng đồng. Vì chùa, đặc biệt là Trung tâm giáo dục tại chùa là nơi có các chức năng hoạt động tiêu biểu như sau

1. Là trung tâm hoạt động dựa trên nền tảng của một cơ sở từ thiện xã hội, ở đây sẽ cung cấp mọi dịch vụ miễn phí cho tất cả mọi người.

2. Là trung tâm giáo dục được thành lập tại bất cứ ngôi chùa nào trên cả nước.

3. Trẻ em từ 5 đến 8 tuổi hoặc người trưởng thành đều có thể đăng ký theo học.

4. Bất kỳ người lớn tuổi không biết chữ đều được khuyến khích đến chùa ghi danh theo học.

5. Các vị sư trở thành thầy giáo. Các Phật tử tại gia có thể được mời làm trợ giảng cho các sư.

6. Trẻ em sẽ được dạy dỗ trước khi vào học tại các trường phổ thông theo chương trình của nhà nước, đồng thời ở đây đặc biệt quan tâm rèn luyện đạo đức và hạnh kiểm cho các em.

Từ năm 1988, các Trung tâm dự bị tiền học đường tại các chùa được chuyển thành Trung tâm tiền học đường cho học sinh tại chùa (the Centre of Preschool Children in the Temple). Trung tâm được mở rộng để nhận trẻ em từ 3 đến 6 tuổi vào học.

Ngoài các dự án trên, còn có một số dự án khác dành cho trẻ em nghèo thất học do các nhà sư thực hiện. Điển hình như dự án của Thượng tọa Khamkhian Suvanno, một vị sư tu thiền tại khu rừng Sukhato thuộc đông bắc Thái Lan.

Ngài Khamkhian Suvanno thành lập Trung tâm vào năm 1978 nhằm chăm sóc giáo dục trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vì hằng ngày cha mẹ của các em phải vất vả làm việc đồng áng. Đa số dân chúng ở đông bắc Thái Lan đều là những bần nông nên phải đưa con cái họ gửi vào trung tâm giáo dục các chùa trước khi họ ra đồng làm việc, vì ở nhà không có ai chăm sóc chúng. Có vài trường hợp do vì suốt ngày các em ở nhà chờ đợi cha mẹ làm xong công việc đồng áng trở về, không ai trông nom các em, nên các em lêu lổng chơi đùa vào những lúc trời mưa nắng bất thường nên các em bị bệnh và có em phải chết. Trước cảnh thương tâm như thế nên Thượng tọa Khamkhian đã phát tâm thành lập Trung tâm chăm sóc và giáo dục trẻ em tại chùa để có nơi tập hợp các em về chăm sóc và dạy dỗ. Tại đây các em được dạy cách đọc và viết tiếng Thái. Ban đầu, trung tâm chỉ có 20 em và do chính đích thân ngài Khamkhian trực tiếp chăm sóc nuôi dạy các cháu. Hằng ngày các cháu được ăn những thức ăn do Phật tử phát tâm đem đến cúng chùa. Các em cũng thường được bồi dưỡng thêm sữa đậu nành hoặc xúp hầm thịt. Trung tâm phục vụ ăn uống hoàn toàn miễn phí cho bất cứ ai đến chùa. Từ ít năm sau khi Trung tâm được xây dựng, có nhiều người tình nguyện xin làm công quả để phụ giúp quý sư chăm sóc và dạy dỗ các em. Được gửi con em mình vào học tại chùa nên

cha mẹ rất yên tâm vì hằng ngày con cháu của họ được Trung tâm chăm sóc dạy dỗ chu đáo trong lúc họ phải vất vả lao động trên ruộng đồng.

Ngoài con số 2.554 trung tâm tiền học đường được xây dựng tại các chùa trên cả nước, Chính quyền và Giáo hội Phật giáo còn hợp tác xúc tiến dự án xây dựng nhiều trường học vào ngày chủ nhật do Phật giáo quản lý. Đây là loại trường Phật giáo có nguồn gốc xuất phát từ kinh nghiệm của Phật giáo Sri Lanka, bắt đầu có mặt vào năm 1986. Trường giảng dạy nhiều kiến thức Phật học và ngôn ngữ. Từ năm 1953-1957, Ngài Bimaladharma làm việc tại trường Đại học Phật giáo Mahachulalongkorn Bangkok đi du lịch Sri Lanka; tại đây Ngài tận mắt thấy việc giảng dạy đạo đức Phật giáo và văn hóa cho học sinh tại trường học vào ngày chủ nhật do Phật giáo quản lý. Ngài rất hoan hỉ và đánh giá cao hiệu quả hoạt động giảng dạy và học tập cũng như sự thành công vượt bậc của trường. Đây là mô hình hoạt động giáo dục kiểu mẫu trong công tác chăm sóc và giáo dục cho trẻ em tại Sri Lanka cần nên học tập. Từ suy nghĩ ấy, khi trở về nước Ngài xúc tiến ngay việc thành lập Trường học vào ngày chủ nhật do Phật giáo quản lý đầu tiên tại Đại học Phật giáo Mahachulalongkorn vào năm 1958.

Loại hình trường học này được tiếp tục xây dựng ở nhiều nơi cho đến tận ngày nay vẫn được mở rộng nhằm giáo dục rèn luyện đạo đức và kiến thức văn hóa phổ thông cho trẻ em. Nhiều vấn đề xã hội nhức nhối nảy sinh như trẻ em vị thành niên phạm pháp, trẻ bị nghiện xì ke ma túy v.v... ngày càng gia tăng do thiếu kiến thức hiểu biết về tác hại của chúng cũng như thiếu ý thức phấn đấu tu dưỡng rèn luyện đạo đức của trẻ vị thành niên, nên những vấn đề này cũng được giới thiệu và giáo dục cho các em. Nếu trẻ em có điều kiện tiếp cận và học tập ứng dụng lối sống theo lời Phật dạy, đặc biệt là thực hành giới luật của người Phật tử, thì chắc chắn các em sẽ có được một đời sống bình an, hạnh phúc và dễ thành đạt trong đời sống xã hội.

Do mong ước được góp phần với xã hội nhằm chia sẻ khó khăn và giúp những trẻ em bất hạnh thoát khỏi sự thất học và nghèo đói đồng thời sống một cuộc đời có ý nghĩa nên trường Đại học Phật giáo Mahachulalongkorn đã quan tâm đến việc xây dựng mô hình trường học vào ngày chủ nhật do Phật giáo quản lý vì nhằm đến các mục đích như sau :

1. Giúp cho thanh thiếu niên làm quen dần với lời

dạy của đức Phật .

2. Từng bước rèn luyện kỹ năng sống đạo đức và khả năng cảm thụ văn hóa cho cả người lớn và trẻ em.

3. Hướng dẫn cho thanh thiếu niên và trẻ em thực tập một cuộc sống cao quý đúng theo những nguyên lý Phật học.

4. Đào tạo cho thanh thiếu niên luôn có ý thức về lý tưởng sống phục vụ cho lợi ích của cộng đồng xã hội.

Ngày nay cả nước đã có đến 995 ngôi trường học vào ngày chủ nhật do Phật giáo quản lý.

Về trình độ của học sinh học tập tại ngôi trường do Trường Đại học Mahachulalongkorn xây dựng được xếp theo thứ tự như sau:

1. Sơ cấp dành cho học sinh các lớp 1, 2, 3 và 4 của trường Tiểu học (có 4 lớp).
2. Trung cấp dành cho học sinh các lớp 1, 2 và 3 của trường Trung học Cơ sở (có 3 lớp).
3. Lớp nâng cao dành cho học sinh các lớp 4, 5 và 6 của trường Trung học Phổ thông (có 3 lớp).
4. Lớp cuối cấp dành cho sinh viên đại học. (có 2 lớp).

Trường phải mất thời gian đến 12 năm mới hoàn thành toàn bộ khóa học. Các nhà sư và một số giáo viên Phật tử, vì lòng bi mẫn đối với học sinh, sinh viên nên họ đã làm việc tích cực để hoàn thành các chương trình học tập trên; tất cả đều hoàn toàn dựa trên tinh thần tự giác tự nguyện. Mọi nỗ lực của họ đã được nhân dân hết sức hoan hỉ tán dương công đức và xem đây là nhiệm vụ vô cùng cao quý của Phật giáo nhằm góp phần đáng kể vào nhiệm vụ nâng cao đạo đức cho toàn xã hội.

Ngoài công tác phục vụ của Trường Đại học Phật giáo Mahachulalongkorn đối với việc giáo dục đạo đức cộng đồng như trên, cũng cần đề cập đến công đức của một số vị lãnh đạo Phật giáo, cả xuất gia và tại gia, là những tấm gương điển hình cao quý luôn quan tâm đến việc làm từ thiện đối với trẻ em chịu nhiều thiệt thòi mất mát. Ở đây, người được nhắc đến nhiều nhất là Ngài Vidya Cittadhammo, vị sư xây dựng ngôi trường tại chùa Mount Sarb và ông Pai Soisaklang, vị trưởng làng Sa Koon (còn tiếp). ■

(*) Tác giả Pataraporn Sirikanchana

"Này các Tỷ kheo, hãy du hành, vì hạnh phúc cho quần chúng, vì an lạc cho quần chúng, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc, cho chư Thiên và loài Người. Chớ có đi hai người một chỗ. Này các Tỷ kheo, hãy thuyết pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa, có văn. Hãy tuyên thuyết Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn, thanh tịnh". (Tương ưng I. 128)

HOẰNG PHÁP VỚI NGƯỜI DÂN TỘC(*)

Tk. Siêu Minh

1. Hoằng Pháp cho người Dân tộc nên có những điểm

a) Tâm không phân biệt: Đức Phật dạy người xuất gia không có phân biệt giai cấp, dân tộc. Hãy đến với nhau bằng tâm con người, có lòng từ và sự bao dung. Thông điệp đó là thông điệp bất hủ của đức Phật, xuyên suốt thời gian và không gian. Giai cấp nghèo của Ấn Độ nhờ thông điệp ấy cũng bớt đi phần nào hieu quạnh, tủi nhục, phân biệt. Người áp dụng thông điệp của đức Phật tiếp theo đó là Đại đế A Dục, Thánh Gandhi và Tiến sỹ Ambaska dành trọn vẹn cuộc đời của mình, giúp đỡ cho người dân nghèo thuộc giai cấp thấp. Chúng ta đến hoằng pháp với người dân tộc mà còn bị tâm phân biệt, không tôn trọng thì sẽ không thành công. Phải tôn trọng họ tuyệt đối. Vui vẻ, hòa nhập, linh động, tôn trọng là những điều cần thiết cho vị giảng sư đến với người dân tộc. Làm sao để cho người dân tộc cảm thấy họ với mình không khác biệt, gần gũi, thân thương, yêu mến, giúp đỡ, chia sẻ lẫn nhau khi cần thiết, đó là thân không phân biệt. Việc làm của mình đối với họ phải tuyệt đối tôn trọng, tuy bất đồng ngôn ngữ, nhưng việc làm chân thành của mình, họ sẽ đồng cảm và hoan hỷ. Vì tâm tốt thể hiện ở hành động, nhìn hành động biết người đối phương tốt hay không với mình, đó là ý không phân biệt. Nhìn hành động mà biết được ngôn ngữ. Một điều khá thú vị nữa, là vị giảng sư phải thông thạo phong tục tập quán của từng dân tộc để việc giảng pháp của mình đối với họ có hiệu quả hơn.

b) Biết ngôn ngữ của họ: Ngôn ngữ là nhịp cầu để hiểu và thông cảm lẫn nhau. Ngôn ngữ bất đồng sẽ dễ dẫn đến sự mâu thuẫn cho nhau. Ở Việt Nam có hơn 50 dân tộc, cố nhiên là có hơn 50 ngôn ngữ, tuy nhiên ngôn ngữ Việt Nam là Quốc ngữ, đây là một điều thuận lợi hơn ở một số ngôn ngữ khác. Dù dân tộc nào ở Việt Nam đa số đều nói, nghe được tiếng Việt, đây là tính ưu việt và thuận lợi cho người giảng sư ở Việt Nam. Dù sao đi nữa, người giảng sư biết được tiếng dân tộc thì việc hoằng pháp đối với dân tộc đó có hiệu quả hơn. Nên những giảng sư nào quan tâm hoằng pháp cho người dân tộc phải cố gắng học thông thạo ngôn ngữ đó để thuận lợi cho việc hoằng pháp, đồng thời chuyển ngữ kinh Phật, tiểu sử Phật từ ngôn ngữ Việt sang tiếng dân tộc đó, giúp cho người dân tộc hiểu Phật Pháp bằng chính ngôn ngữ của họ.

c) Lập chùa trong vùng dân tộc: Lập chùa, tạo tự là hình thức hoằng pháp vô ngôn. Có những người không thuyết pháp dạy đạo, chỉ lập chùa đẹp, nuôi tăng ni nhiều cũng là hình thức hoằng pháp có chất lượng cao. Do đó ngành hoằng pháp phải kiến nghị Giáo hội và Nhà nước để hỗ trợ kinh phí và tạo mọi dễ dàng, được thiết lập mỗi xã ít nhất một ngôi chùa để đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng cho đồng bào dân tộc. Làm sao ngôi chùa này phải đáp ứng được tính văn hóa, phong tục, tín ngưỡng của dân tộc địa phương, đồng thời ngoài tính



Đại lễ Quy y cho gần 4.000 đồng bào dân tộc thiểu số tại Tây Nguyên - ảnh internet

Tôn giáo, còn phải giúp bà con đồng bào dân tộc lãnh vực từ thiện, giới thiệu bà con cập nhật thông tin thời sự của Việt Nam, nắm bắt tình hình chính sách của Đảng và Nhà nước, thông hiểu những chương trình khoa học và đời sống để người dân tộc làm vụ mùa có hiệu quả. Nói tóm lại, ngôi chùa có mặt ở từng xã, huyện trong vùng dân tộc là việc làm Giáo hội ta cần phải áp dụng, nhằm thuận lợi cho việc hoằng pháp.

d) Tiếp độ người dân tộc xuất gia: Nếu tiếp độ người dân tộc xuất gia theo Phật giáo, đó là một giải pháp cần thiết để hoằng pháp có ích lợi đối với người dân tộc. Vì chính người của họ hoằng pháp thì tác dụng cao, cảm thấy không có khoảng cách, gần gũi, thân thiện, am hiểu phong tục, tập quán nhiều hơn, chắc chắn thành công sẽ cao. Điều quan trọng tiếp độ người dân tộc xuất gia là điều khó, phải đào tạo người xuất gia đó có thật tu, thật học lại càng khó hơn. Nếu không sẽ gây tác hại cũng không nhỏ.

e) Gây quỹ để giúp người dân tộc: Người xưa từng nói: Có thực mới vực được đạo. Nếu người dân tộc nghèo, chắc chắn họ lam lũ không có cơ hội học pháp. Có khả năng sẽ bị những Tôn giáo khác sử dụng đồng tiền, khuyến khích họ vào đạo bằng con đường kinh tế. Do đó Ban Hoằng pháp phải có những sách

lược ủng hộ người dân tộc Kinh tài. Người xuất gia ủng hộ người dân tộc tiền của, nghe nói cũng phi lý, vì người xuất gia chỉ có tam y, nhất bát. Người xuất gia tuy vô sản, nhưng có nhiều của ngầm. Của ngầm đó chính là những phật tử giàu đạo tâm, doanh nghiệp, đại gia là đệ tử. Vị giảng sư uy tín sẽ làm việc với các vị phật tử giàu đạo tâm đó để giúp cho người dân tộc. Cụ thể lập quỹ giúp người dân tộc, chỉ cần 10 tỷ đồng hoặc 20 tỷ trong nhà băng thì mỗi tháng chúng ta sẽ có 100 triệu hoặc 200 triệu giúp đỡ người nghèo trong vùng sâu, vùng xa rồi. Trong tình hình thực tế đất nước ta cũng có những đại gia cũng dám bỏ ra số tiền đó cho việc từ thiện, xây chùa v.v... Những mong Ban hoằng pháp Trung ương đứng ra thành lập quỹ giúp người dân tộc hàng tháng thì sẽ có nhiều phật tử giàu đạo tâm tham gia.

f) Mở những khóa tu để dạy đạo cho người dân tộc: Ở Việt Nam, hiện nay có mở rất nhiều khóa tu niệm Phật ở ba miền đất nước. Tuy nhiên, ít thấy mở khóa tu cho người dân tộc. Điều này ngành Hoằng pháp Trung ương và tỉnh thành phải quan tâm nhiều hơn. ■

() Trích tham luận tại Hội thảo Hoằng pháp toàn quốc 2011 tại Bình Dương*



Đại Cương

KINH TẮT CẢ CÁC LẬU HOẶC (SABBĀSAVA SUTTA)

HT. Thích Minh Châu

Đức Phật giảng pháp môn chế ngự tất cả lậu hoặc (sabbāsavasamvarapariyāyam) cho người thấy, cho người biết, không phải cho người không thấy, không biết, vì rằng có như lý tác ý và phi như lý tác ý. Do phi như lý tác ý, các lậu hoặc chưa sanh được sanh khởi, các lậu hoặc đã sanh được tăng trưởng. Do như lý tác ý (yoniso manasikara) các lậu hoặc chưa sanh không sanh khởi, các lậu hoặc đã sanh được đoạn diệt. Có bảy phương pháp đoạn trừ lậu hoặc: Có lậu hoặc được đoạn trừ do tri kiến, do chế ngự, do thọ dụng, do kham nhẫn, do tránh né, do trừ diệt, do tu tập.

1. Các lậu hoặc do tri kiến (dassanā) được đoạn trừ:

Kẻ phàm phu không quán tri (pajānanti) các pháp cần phải tác ý, không quán tri các pháp không cần phải tác ý, nên tác ý các pháp không cần phải tác ý và không tác ý các pháp cần phải tác ý. Do vậy các lậu hoặc dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu chưa sanh được sanh khởi và đã sanh được tăng trưởng. Người ấy phi như lý tác ý như sau:

- Về quá khứ có 4: Ta có mặt hay không có mặt? Ta có mặt như thế nào? Ta có mặt hình vóc như thế nào? Cao hay thấp, trắng hay đen? Trước kia ta đã là gì, và ta đã có mặt trong thời quá khứ?

- Về vị lai có 4: Ta sẽ có mặt trong thời vị lai hay không có mặt? Ta sẽ có mặt trong thời vị lai như thế nào? Ta sẽ có mặt trong thời vị lai hình vóc như thế nào? Trước kia ta là gì, và ta

sẽ có mặt như thế nào trong thời vị lai?

- Về hiện tại có 4: Trong hiện tại, người ấy có nghi ngờ về mình: Ta có mặt hay ta không có mặt? Ta có mặt như thế nào? Ta có mặt hình vóc như thế nào? Hữu tình này từ đâu đến và sẽ đi đâu?

Với người phi như lý tác ý, như vậy một trong sáu tà kiến này khởi lên, như thật, như chân:

a/ Ta có tự ngã.

b/ Ta không có tự ngã.

c/ Do tự ngã, ta tưởng tri tự ngã.

d/ Do tự ngã, ta tưởng tri không có tự ngã,

e/ Không do tự ngã, ta tưởng tưởng tri tự ngã.

g/ Chính tự ngã này của ta nói cảm thọ hưởng thọ quả dị thực các nghiệp thiện ác đã làm chỗ này chỗ kia. Chính tự ngã ấy thường hằng, thường còn, thường trú, không biến chuyển.

Do bị trói buộc bởi kiết sử này, kẻ vô văn phàm phu không thoát khỏi đau khổ.

Thái độ của bậc Thánh đệ tử nghe nhiều trái hẳn với kẻ phàm phu, tác ý các pháp cần phải tác ý, không tác ý các pháp không cần tác ý. Do vậy các dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu, đã sanh được trừ diệt. Vị ấy như lý tác ý: Đây là khổ, đây là khổ tập, đây là khổ diệt, đây là con đường đưa đến khổ diệt. Nhờ vậy ba kiết sử được trừ diệt: Thân kiến, nghi, giới cấm thủ. Như vậy là các lậu hoặc do tri kiến được đoạn diệt.

2. Các lậu hoặc do phòng hộ được đoạn trừ:

Vị Tỷ kheo như lý giác sát, sống phòng hộ sáu căn, nhờ vậy các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não không khởi lên.

3. Các lậu hoặc do thọ dụng được đoạn trừ:

Tỷ kheo như lý giác sát, thọ dụng y phục, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh, để ngăn ngừa lạnh nóng, để bảo dưỡng thân này, giải trừ nguy hiểm của thời tiết, để ngăn chặn các cảm giác thống khổ do bệnh sanh. Nhờ thọ dụng như vậy, các lậu hoặc tàn hại nhiệt não được trừ diệt.

4. Các lậu hoặc do kham nhẫn được đoạn trừ:

Tỷ kheo như lý giác sát, kham nhẫn nóng, lạnh, đói, khát, mạ lỵ phỉ báng, các cảm thọ khốc liệt về thân. Nhờ kham nhẫn như vậy, các lậu hoặc tàn hại nhiệt não không còn nữa.

5. Các lậu hoặc do tránh né được đoạn trừ:

Vị Tỷ kheo như lý giác sát tránh voi dữ, ngựa dữ, gai góc, khúc cây, tránh né những chỗ ngồi không đáng ngồi, những trú xứ không đáng lai vãng, những bạn bè độc ác. Nhờ tránh né như vậy nên các lậu hoặc tàn hại nhiệt não được đoạn trừ.

6. Các lậu hoặc do trừ diệt được đoạn trừ:

Vị Tỷ kheo như lý giác sát trừ diệt các dục niệm, sân niệm, hại niệm, các bất thiện pháp. Nhờ trừ diệt như vậy nên các lậu hoặc tàn hại nhiệt não được đoạn trừ.

7. Các lậu hoặc do tu tập được đoạn trừ:

Vị Tỷ kheo như lý giác sát tu tập bảy giác chi (niệm, trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, định, xả), y viễn ly, y ly tham, y diệt tận. Nhờ vậy các lậu hoặc tàn hại nhiệt não được đoạn trừ.

Vị Tỷ kheo nào đã đoạn trừ các lậu hoặc do bảy phương pháp này được gọi là sống phòng hộ với sự phòng hộ tất cả các lậu hoặc, đã đoạn diệt khát ái, đã thoát ly kiết sử, đã chánh quán kiêu mạn, đã diệt tận khổ đau.■



*Phật Thích Ca "Quán duyên" tại Thiền viện Phước Sơn
TP Biên Hòa - Đồng Nai*

“Này các tỳ kheo, đối với người có tà kiến, mọi thân hành, khẩu hành, ý hành nào, được chấp trì theo tà kiến thời tâm tư, ước nguyện, ước vọng, sở hành, tất cả thứ ấy đưa đến bất khả lạc, bất khả hỷ, bất khả ý, bất hạnh và đau khổ. Vì có sao? Vì tánh ác của tri kiến. Ví như này các tỳ kheo, giống cây Nimba, hay giống dây Kosātika, hay giống trái Tittakalābu được gieo vào đất ẩm. Phàm, vị chất gì nó hút lên từ đất, vị chất gì nó hút lên từ nước, tất cả vị chất ấy đều đưa đến tánh đắng, vì có sao? Vì rằng, này các tỳ kheo, loại thực vật ấy có giống tánh đắng. Cũng vậy, này các tỳ kheo, đối với người có tà kiến, mọi thân hành, khẩu hành, ý hành nào, được chấp trì theo tà kiến thời tâm tư, ước nguyện, ước vọng, sở hành, tất cả thứ ấy đưa đến bất khả lạc, bất khả hỷ, bất khả ý, bất hạnh và đau khổ”.

“Này các tỳ kheo đối với người có chánh kiến mọi thân hành, khẩu hành, ý hành nào, được chấp trì theo chánh kiến thời tâm tư, ước nguyện, ước vọng, sở hành, tất cả thứ ấy đưa đến khả lạc, khả hỷ, khả ý, hạnh phúc an vui. Vì có sao? Vì tánh thiện của tri kiến. Ví như này các tỳ kheo, giống cây Ucchu, hay giống lúa Sālī, hay giống dây Muddikā, được gieo vào đất ẩm. Phàm, vị chất gì nó hút lên từ đất, vị chất gì nó hút lên từ nước, tất cả vị chất ấy đều đưa đến tánh ngọt. Vì có sao? Vì rằng, này các tỳ kheo, loại thực vật ấy có giống tánh ngọt. Cũng vậy, này các tỳ kheo, đối với người có chánh kiến mọi thân hành, khẩu hành, ý hành nào, được chấp trì theo chánh kiến thời tâm tư, ước nguyện, ước vọng, sở hành, tất cả thứ ấy đưa đến khả lạc, khả hỷ, khả ý, hạnh phúc an vui”. (A.I, 30)

Giống đắng sanh trái đắng, giống ngọt sanh trái ngọt. Đó là định luật. Đức Phật đã dùng sự kiện này để nói lên pháp thoại về nghiệp hành đưa đến khổ đau và hạnh phúc do liên hệ đến chủng tử tà kiến và chánh kiến.

Tà kiến (micchādiṭṭhi) là kiến chấp sai lạc, phi chân lý, hoang tưởng. Có 2 loại tà kiến: thường kiến (thấy rằng mọi vật đều trường cửu, như thấy rằng có một bản ngã linh hồn vĩnh hằng bất biến, đời này như thế nào thì đời sau định mệnh như thế ấy...), đoạn kiến (thấy rằng mọi thứ đều không có, như không

DỤ NGÔN VỀ HẠT GIỐNG

Tuệ Siêu

có sự tái sanh, không có nhân quả, không có ân đức của mẹ cha, không có thành quả nỗ lực tu tập...). Trong hai loại tà kiến, tư tưởng đoạn kiến là độc hại nhất.

Chánh kiến (sammādiṭṭhi) là tri kiến chân chánh, hiểu đúng chân lý. Có 2 loại chánh kiến: Chánh kiến hiệp thể (là sự hiểu thấy nhân quả nghiệp báo, có các loại hóa sanh, có ân đức mẹ cha, có thành quả do nỗ lực tu tập...), chánh kiến siêu thể (tuệ thánh đạo giác ngộ níp bàn, đoạn tận phiền não).

Những nghiệp hành thân khẩu ý thuộc về tà kiến thì sẽ có kết quả khổ đau, bất hạnh, do tính ác của tà kiến.

Những nghiệp hành thân khẩu ý thuộc về chánh kiến sẽ có kết quả hạnh phúc an vui, do tính thiện của chánh kiến.

Do vậy phải tu tập chánh kiến, có chánh kiến là chủng tử ngọt để tạo những nghiệp hành đưa đến an vui hạnh phúc đời này đời sau. ■



ảnh minh họa

Tìm Hiểu Nghi Thức Bồ Tát (Uposatha)^(*)

HT. Hộ Tông

Uposatha, Tàu dịch là lễ Phát lồ, nghĩa là: khai cái tội để sám hối. Đức Phật có dạy "Như Lai chế định phải tụng giới bốn trong ngày Uposatha" (anujānāmi bhikkhave Uposatha Pātimokkha addissilum).

Ngày lễ Uposatha có 3 ngày là: 14 (cātuddasī Uposatha)⁽¹⁾, ngày 15 (pannarāsi Uposatha)⁽²⁾, và ngày Tăng hoà hợp (samaggi Uposatha); Tăng chia rẽ nhau và sự cãi lể như chư Tỳ khưu trong xứ Kosambi, đến kỳ không làm lễ Uposatha không làm Pavāranā rồi trở lại hoà hảo nhau, định giải hoà trùng ngày nào, ngày ấy gọi là hoà hợp (samaggi Uposatha) rồi làm Uposatha trong ngày ấy.

Lại nữa, nói về người hành lễ Uposatha có 3:

- Tăng Uposatha là từ 4 vị Tỳ khưu trở lên hội hợp tụng giới bốn.
- Nhóm (gana Uposatha) 2, 3 vị Tỳ khưu tỏ cho nhau biết sự trong sạch của mình.
- Người (puggala Uposatha) là 1 vị Tỳ khưu nguyện sự trong sạch của mình.

Tăng hành lễ Uposatha phải tụng tuyên ngôn Sunātu me bhante sangho... rồi đọc giới bốn.

2, 3 vị Tỳ khưu hành lễ Uposatha là khi đến ngày lễ Uposatha như có 3 Tỳ khưu hội hợp nhau, Tỳ khưu thông hiểu nên tụng tuyên ngôn:

Sunātu me bhante āyasmanto ajjuposattho catuddaso / pannaraso yadāyas mantānam pattakallam mayam annamannam ārisuddhi uposatham kareyyāma.

1. 14 nhằm ngày 29 Việt Nam (trong mỗi tháng thiếu).

2. 15 nhằm ngày 30 Việt Nam (trong mỗi tháng đủ).

Nghĩa là:

Xin các ngài nghe tôi trình. Nay là ngày 14 / 15 là ngày lễ Uposatha, nếu sự đã đến kỳ cho các ngài rồi, chúng ta nên làm Pārisuddhi Uposatha chung cùng nhau.

Rồi vị cao hạ mặc y chừa vai mặt, ngồi chồm hổm chắp tay, đọc 3 bận tỏ sự trong sạch của mình đến các vị khác rằng "Parisuddho aham āvuso parisuddho ti mam dhārethi" *nghĩa là: Nay các ngài, tôi là người trong sạch, xin các ngài nhớ rằng, tôi là người trong sạch.*

Vị thấp hạ đọc tiếp 3 bận, tỏ sự trong sạch của mình "Parisuddho aham bhante parisuddho ti mam dhārethi" (nghĩa như trên).

Nếu chỉ có 2 vị, thì vị cao hạ đọc 3 bận "Parisuddho aham bhante parisuddho ti mam dhārethi".

Vị thấp hạ đọc tiếp 3 bận "Parisuddho aham bhante parisuddho ti mam dhārethi"

Tỏ sự trong sạch của mình Parisuddhi với Tỳ khưu có 2 cách, là tỏ với Tỳ khưu hành lễ Pavāranā rồi và nói với Tỳ khưu chưa hành lễ Pavāranā.

Tỳ khưu nhập hạ sau (pacchimikāvassā: nhập hạ ngày 16 tháng 6) nhưng dứt hạ, đến ngày (parisuddhi) với Tỳ khưu hành lễ pavāranā rồi rằng:

Parisuddho aham āvuso / bhante Parisuddho ti mam dhārethi / dhārehi

Trong các ngày khác, ngoài ngày Pavāranā, Tỳ khưu trong chùa hành lễ Uposatha dứt rồi, chưa đứng dậy hoặc đã đi ra khỏi chùa rồi, có Tỳ khưu ở xa lại, số Tỳ khưu khác bằng nhau hoặc ít hơn số Tỳ khưu trong chùa, Tỳ khưu ở

Chư Tăng tại Đại học ITBM (Yangon) đang tụng giới bốn



phương xa ấy nên tỏ sự Parisuddhi với Tỳ khưu trong chùa đã hành lễ Uposatha rồi, như đã có giải, như thế gọi là Parisuddhi Uposatha.

Adhithāna Uposatha là, nếu chỉ có 1 Tỳ khưu thì nên làm pubba karana (quét tịnh xá, trải đệm, chiếu, đèn, nước) rồi ngồi chờ Tỳ khưu khác phương xa đến, nếu chắc không có vị nào đến, nên adhitthāna rằng "Ajja me Uposatha" nghĩa là "Nay là ngày Uposatha của tôi".

Trong kinh, Chú giải dạy adhitthāna theo ngày rằng:

Ajja me Uposatha Catuddasati / Pannarasoti adhitthāmi

Nếu đến ngày Uposatha, ngày Pavāranā, Tỳ khưu không hành lễ Uposatha, không hành lễ Pavāranā, ra khỏi chùa đi đến nơi không có chùa, không có Tỳ khưu hoặc có Tỳ khưu mà là nơi không đồng đẳng, phạm Tác ác, trừ ra ở chung với Tăng hoặc có điều nguy hiểm.

Sự phải làm trước khi hội họp (pubbakarana) đã hành lễ Uposatha, Pavāranā có 4:

- Quét tịnh xá.
- Nếu tối phải đốt đèn.
- Dự trữ nước, nước uống, nước rửa.
- Lót trải chiếu, đệm.

Tỳ khưu trẻ, không bệnh, nếu vị Trưởng lão dạy bảo mà không làm pubbakarana ấy phạm Tác ác.

Sự phải làm trước khi tụng giới bốn có 5:

- Đem lời (channa) của Tỳ khưu bệnh.
- Đem parisuddhi Pavāranā của Tỳ khưu bệnh.
- Tỏ thời tiết, là mùa này, tên này, ngày Uposatha trong mùa này đã qua rồi được bao nhiêu đây, ngày Uposatha, còn lại bao nhiêu đây.
- Số Tỳ khưu hội họp hành lễ bấy nhiêu đây
- Dạy bảo Tỳ khưu ni.

Tỳ khưu ở trong ranh chùa có bệnh hoặc có đại sự đến hội họp tại tịnh xá không được, đến ngày hành lễ Uposatha phải cho Channa, cho Parisuddhi, đến ngày Pavāranā phải cho Channa, cho Pavāranā đến 1 vị Tỳ khưu. Cách cho Channa ấy để hành lễ Uposatha được thành tựu. Cho nên, sự cho Parisuddhi, cho Pavāranā, cho Channa, nhưng hiện thời nếu ranh tịnh xá nhỏ, Tỳ khưu ở trong vòng ranh, không xa khỏi hắc (hatthapāsa) với nhau, sự đem Channa, đem Parisuddhi, đem Pavāranā, cũng không cần làm, Tỳ khưu ni hiện nay cũng không có, cho nên dạy bảo (ovāda) Tỳ khưu ni cũng không cần hành lễ Uposatha pavāranā phải có đủ 4:

- 1) Phải là ngày Uposatha, ngày Pavāranā (ngày 14, 15, ngày Tăng hoà hợp, 1 trong 3 ngày ấy).
- 2) Tỳ khưu nên hành lễ Sangha Uposatha, gana Uposatha và sangha Pavāranā, gana Pavāranā được. Các Tỳ khưu ấy không ngồi xa khỏi hắc (hatthapāsa) cùng nhau, khi hành lễ trong ranh tịnh xá.
- 3) Không phạm tội giống nhau (sabhāgāpatti) (như Tăng không dùng vật thực sai giờ).
- 4) Vajjaniya puggala³ không có trong hắc

3. Có 21 hạng người : 1. Người thế, 2. Tỳ khưu ni, 3. Thất xoa ma na (sikkhāmana), 4. Sadi, 5. Sadi ni, 6. Người đã xả giới hoàn tục, 7. Tỳ khưu mà Tăng đã cấm không cho

Tăng.

Nếu có 1 trong 21 hạng này trong hắc Tăng hành sự thì phạm Ưng đối trị.

Uposatha Pavāranā đều đủ 4 chi ấy mới nên hành, mới nên nói: Pattakallam được.

Hành lễ Uposatha có 4 cách:

- Theo phe mà không đúng theo pháp
- Đồng ý nhau mà không đúng theo pháp
- Theo phe mà đúng theo pháp
- Đồng ý nhau và đúng theo pháp

Trong 1 chùa, có 4 Tỳ khưu, đem channa, đem parisuddhi của 1 Tỳ khưu đi, nhưng 3 Tỳ khưu hành parisuddhi Uposatha hoặc còn 3 Tỳ khưu đem channa parisuddhi, đem channa parisuddhi của 1 Tỳ khưu đi nhưng 2 vị tụng giới bốn như thế gọi là "Theo phe mà không đúng theo pháp" (adhammena vaggam).

Nếu 4 vị hội họp nhau hành Parisuddhi Uposatha hoặc 2 vị hoặc 3 vị đọc giới bốn, như thế gọi là "đồng ý nhau mà không đúng theo pháp" (adhammena saggam).

Nếu 4 vị Tỳ khưu ở chung chỗ cùng nhau hội họp tụng giới bốn, có 3 vị hành parisuddhi Uposatha hoặc có 2 vị tỏ parisuddhi với nhau như thế gọi là "đồng ý nhau và đúng theo pháp" (dhammena samaggam), 3 cách trên là điều không nên hành, chỉ nên hành theo thứ 4.

Lại nữa, Tỳ khưu tụng giới bốn, cố ý làm cho Tăng không nghe được, phạm Tác ác. Không cố ý, không tội. Tỳ khưu mà vị Trưởng lão chưa thỉnh, tụng giới bốn giữa Tăng, phạm Tác ác.

Nếu không có 1 trong 10 điều nguy hiểm mà tụng giới bốn tóm tắt, phạm Tác ác.

10 điều nguy hiểm là khi chư Tỳ khưu hội họp làm lễ Uposatha có:

- Đức vua đến
- Bọn cướp đến.
- Lửa cháy đến.

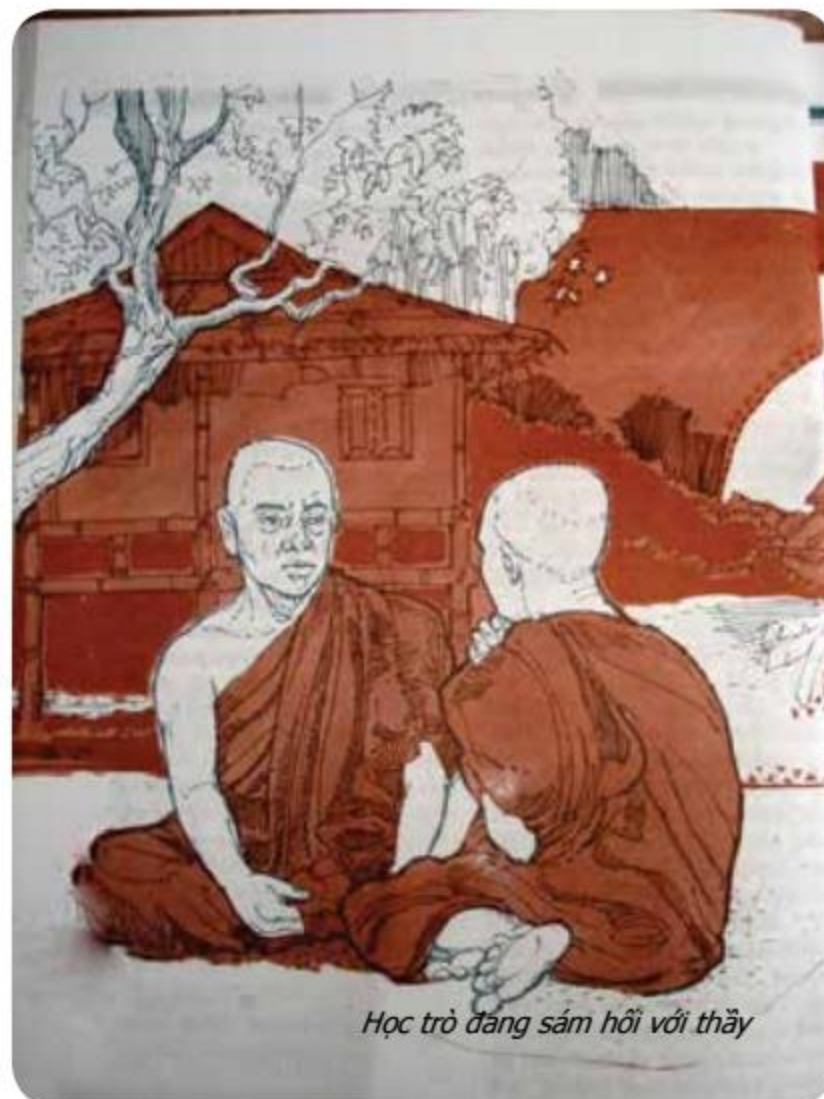
ở chung vì không thấy tội (antimavatthu), 8. Tỳ khưu mà Tăng đã cấm không cho ở chung vì không chịu sám hối, 9. Tỳ khưu mà Tăng đã cấm không cho ở chung vì không bỏ kiến thức xấu xa, 10. Bộ nắp, 11. Người giả tu, 12. Người hành theo ngoại đạo, 13. Thú, 14. Phạm antimavatthu, 15. Người giết mẹ, 16. Người giết cha, 17. Người giết A la hán, 18. Người dâm Tỳ khưu ni, 19. Người chia rẽ Tăng, 20. Người chích máu Phật, 21. Người có 2 bộ sanh thực khí.

- Nước lụt đến.
- Nhiều người đến.
- Tinh, ma phá Tỳ khưu.
- Thú dữ đến.
- Rắn mỗ Tỳ khưu.
- Tỳ khưu bệnh hoặc tịch.
- Người đến níu kéo hoặc bắt Tỳ khưu hoàn tục.

Nếu có 1 trong 10 điều nguy hiểm ấy nên tụng giới bốn tóm tắt (là Tỳ khưu tuyên bố tụng hết điều học Bất cộng trụ ...). Nếu không có điều nguy hiểm nào, nên tụng cho hết giới bốn, không hành lễ Uposatha phạm Tác ác.

Nếu hành lễ Uposatha ngoài ngày 14, 15 (ngày rằm và 30 hoặc 29 Việt Nam, nếu tháng thiếu), ngày Tăng hoà hợp, phạm Tác ác đức Phật có dạy, tụng ngày Uposatha, vị Trưởng lão phải hội trước, kinh Chú giải nói, nếu vị Trưởng lão không hội trước thì phạm Tác ác. ■

(*) Trích quyển Luật xuất gia của HT. Hộ Tông



Học trò đang sám hối với thầy



NỘI QUI BAN TĂNG SỰ TRUNG ƯƠNG

Từ số 6 Tạp chí Phật giáo Nguyên thủy xin trích đăng Nội quy Ban Tăng sự Trung ương GHPGVN để giới thiệu đến Tăng, Ni và quý độc giả

CHƯƠNG I

DANH HIỆU - MỤC ĐÍCH - CHỨC NĂNG

ĐIỀU 1: Tự, Viện, Tịnh xá, Tịnh thất, niệm Phật đường (sau đây gọi chung là Tự, Viện) là đơn vị cơ sở hợp pháp của Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Tất cả Tăng, Ni là thành viên của GHPGVN sinh hoạt, tu học và hành đạo tại đơn vị cơ sở của Giáo hội là Tự, Viện.

Theo quy định của Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, ngành thực hiện Chức năng Quản lý Tăng Ni, Tự, Viện trên phạm vi toàn quốc, lấy tên là "BAN TĂNG SỰ TRUNG ƯƠNG".

ĐIỀU 2: Ban Tăng sự Trung ương hoạt động nhằm mục đích:

a) Thống nhất lãnh đạo, quản lý Tăng, Ni và các cơ sở Tự, Viện trong cả nước theo quy định của Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

b) Phối hợp với các Ban, Viện Trung ương thực hiện chức năng nhiệm vụ được Giáo hội giao phó trong việc truyền bá Chánh pháp, chấn chỉnh việc sinh hoạt và hành đạo của Tăng, Ni, Tự, Viện theo đúng Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam và pháp luật Nhà nước.

ĐIỀU 3: Chức năng của Ban Tăng sự Trung ương là y cứ Giới luật, Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam và Pháp luật Nhà nước để giám sát, hỗ trợ việc tu học, hành đạo của Tăng, Ni và hoạt động Phật sự của Tự, Viện. Báo cáo với Ban Thường trực Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam nghiên cứu và có ý kiến chỉ đạo giải quyết những vấn đề có liên quan đến ngành Tăng sự; đề xuất các dự án, chương trình hoạt động thuộc phạm vi ngành Tăng sự, trình Ban Thường trực Hội đồng Trị sự xét duyệt để thực hiện.

CHƯƠNG II

TỔ CHỨC – NHÂN SỰ

ĐIỀU 4: Nhân sự Ban Tăng sự Trung ương GHPGVN không quá 47 thành viên, gồm có:

- Trưởng ban
- Một Phó Trưởng ban Thường trực
- Các Phó ban
- Chánh Thư ký
- Ba Phó Thư ký
- Ủy viên đặc trách Ni giới
- Các Ủy viên.

ĐIỀU 5:

a. Trưởng ban, Phó Trưởng ban Thường trực, các Phó Trưởng ban Tăng sự Trung ương là thành viên Ban Thường trực Hội đồng Trị sự do Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam công cử; Chánh Thư ký, các Phó Thư ký và Ủy viên đặc trách Ni giới cùng các Ủy viên của Ban do Trưởng ban Tăng sự Trung ương đề cử và Ban Thường trực Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam chuẩn y bằng một quyết định.

b. Phân ban đặc trách Ni giới thuộc Ban Tăng sự Trung ương GHPGVN số lượng không quá 45 thành viên và hoạt động theo Nội quy được Ban Thường trực Hội đồng Trị sự phê chuẩn.

ĐIỀU 6:

a. Tỉnh, Thành hội Phật giáo được thành lập Ban Tăng sự, nhân sự không quá 37 thành viên, trong đó có một Ủy viên đặc trách Ni giới. Trưởng ban Tăng sự Tỉnh, Thành hội là thành viên Ban Thường trực Ban Trị sự Phật giáo cấp Tỉnh công cử; các Phó ban, Thư ký, Ủy viên do Trưởng ban Tăng sự Tỉnh, Thành hội đề cử và được Ban Thường trực Ban Trị sự Phật giáo Tỉnh, Thành hội Phật giáo (sau đây gọi tắt là Ban Trị sự Phật giáo cấp Tỉnh) chuẩn y bằng một quyết định.

b. Ủy viên đặc trách Ni giới Tỉnh, Thành hội Phật giáo được phép thành lập Tiểu ban đặc trách Ni giới số lượng không quá 09 thành viên và được Ban Thường trực Ban Trị sự Phật giáo Tỉnh, Thành hội Phật giáo chuẩn y bằng một quyết định (còn tiếp).■

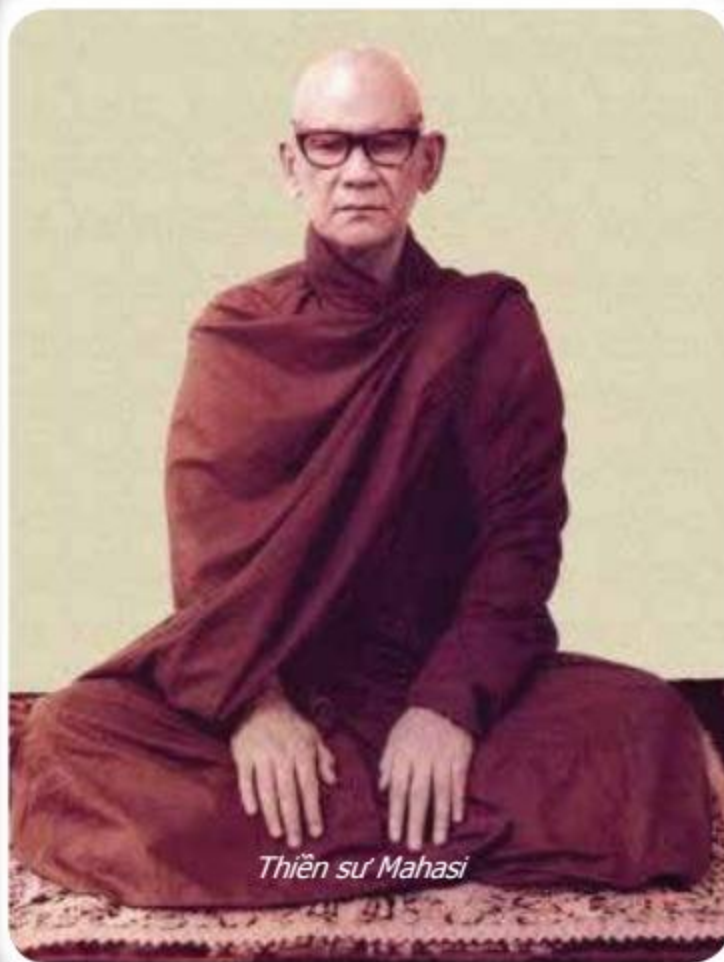


Tìm Hiểu Pháp Môn Tu Thiền Quán Của Thiền Sư Mahasi Sayadaw

Nguyễn Minh Tấn

Thiền sư Mahasi Sayadaw đã có một thành quả lớn trong sự truyền bá thiền quán ở những nước Phật giáo Nguyên thủy. Ngài đi học vào lúc sáu tuổi ở một thiền viện vùng quê và đã kết thúc việc học một vài năm sau khi xuất gia tỳ khưu với văn bằng danh dự cao nhất do Chánh phủ đỡ đầu kỳ thi Pāli và phổ thông. Sau nhiều năm dạy kinh điển, Ngài lên đường với ý, bắt tìm kiếm một phương pháp hành thiền có kết quả và trong sáng hơn. Trên đường đến Thaton, Ngài gặp thiền sư U Narada, Mungun Sayadaw và bắt đầu theo học, thiền sư dạy Ngài tu tập thiền quán tích cực. Sau khi hành thiền tích cực và liên tục nghiên cứu, Ngài Mahasi trở về làng quê của Ngài để bắt đầu dạy phương pháp hành thiền có hệ thống.

Không bao lâu, sau khi Miến Điện giành lại độc lập của mình từ nước Anh. Thủ tướng mới U Nu thỉnh cầu Thiền sư Mahasi Sayadaw đến thủ đô Rangoon để dạy thiền ở một Trung tâm lớn, mà ông ta đã xây dựng lên. Từ thời điểm đó có hơn một trăm Trung tâm thiền đã và đang mở cửa do đệ tử của Ngài ở Miến Điện giảng dạy, và phương pháp của Ngài đã truyền bá rộng rãi ở



Thái Lan và Tích Lan.

Một danh dự đặc biệt mà tứ chúng dành cho Thiền sư Mahasi ở đại hội Kết tập Kinh điển kỳ 6 của Phật giáo Thế giới năm 1956, kể từ khi đức Phật viên tịch đây là sự kiện nổi bật Ngài đóng một vai trò là người đặt câu hỏi chủ chốt trong đại hội, vai trò chính trong việc làm sáng tỏ duy trì lời dạy của đức Phật cho thế hệ mai sau.

Trung tâm Mahasi, Thathana Yeiktha ở Rangoon có nhiều phòng lớn và phòng nhỏ dành cho hành giả luyện tập thiền định. Trung tâm này thường có hàng trăm hành giả đến thực hành thiền quán tích cực. Quý khách có thể thấy có nhiều hành giả đang tu tập thiền hành; và nhiều phòng khác người ta đang thiền tọa hay có nhóm khác đang trình pháp với thiền sư. Điều đó rất quen thuộc đối với những người Miến Điện sùng đạo là đi đến những trung tâm thiền, tham gia những khóa thiền tích cực để trải qua kỳ nghỉ hè của mình.

Phương pháp thiền Mahasi là thực hành liên tục, xen kẽ giữa thiền hành và thiền tọa là mười sáu tiếng đồng hồ trong một ngày. Ở phương pháp tu tập tích cực này, định và chánh niệm phát huy một cách nhanh chóng ngay cho những

người thiếu kinh nghiệm. Bên cạnh đó thực hành liên tục tích cực, phương pháp thiền của Ngài Mahasi đi đến chánh niệm là được phát huy một cách nghiêm ngặt giống như thực hành thiền quán từ lúc đầu. Đặc biệt là không có phát huy một sự tập trung trên bất cứ đề mục nào. Thay vào đó ngay lúc bắt đầu, hành giả chú niệm để biết được thân tâm thay đổi từng sát na. Điều này được thuận lợi do bởi kỹ thuật theo dõi thân tâm của mỗi người khi nó đạt được nhận thức. Những ghi nhận về tinh thần này giúp đỡ trực tiếp làm quân bình tiến trình tâm đi đến thiền định. Điều này giúp cho hành giả tránh khỏi sự bám víu vào bất cứ đề mục nào mà mình thỏa thích. Ngài Mahasi nhấn mạnh rằng sự nhận thức cần phải tập trung trực tiếp vào mỗi sát na và sự ghi nhận về tinh thần đó thuần túy chỉ là một sự hỗ trợ bên ngoài để nhìn thấy sự việc rõ ràng hơn. Để làm nổi bật điều này ở những giai đoạn khác, chín mươi lăm phần trăm nỗ lực của một người sẽ cảm nhận trực tiếp được tiến trình và năm phần trăm tạo ra những cảm nhận về tinh thần như được mô tả.

Mặc dù Ngài Mahasi Sayadaw giới thiệu về phương pháp phòng xep ở bụng là đề mục thiền định chính, các vị đệ tử của Ngài cũng được phép dùng phương pháp số tức quan tập trung ở chót mũi như là một phương pháp thay đổi để tu tập. Trong hệ thống này không đặt nặng một đề mục cơ bản nào để quan sát mà là phẩm chất được trong sạch, xa lìa nhận thức được dùng để quán chiếu bản chất tự nhiên của nó.

Khi cuộc tọa đàm tiếp tục, Ngài Mahasi đã giải thích cặn kẽ sự việc với một phương pháp rõ ràng và không có kỳ bí về những gì mà người ta

có thể cảm nhận được với sự sâu sắc của nhận thức và sức mạnh của sự cảm nhận. Đây là sự phát triển của những giai đoạn mẫu mực của tiến trình thiền quán như đã được mô tả trong kinh sách Phật giáo truyền thống. Nên nhớ rằng, không phải tất cả các hành giả sẽ có cảm nhận giống nhau, dù rằng họ theo phương pháp của Ngài Mahasi.

Mặc dù đôi khi thiền quán sẽ phát huy giống như sự mô tả của Ngài Mahasi, thông thường những hành giả thường có những cảm nhận khác nhau. Bất cứ điều gì mà người ta cho là tuyệt đối thì hết sức nguy hiểm đối với việc phát huy bất cứ sự mong muốn nào trong sự tu tập. Người đó chỉ đơn thuần phát huy sự nhận thức rõ ràng và sâu sắc những thực tế được cảm nhận qua từng sát na. Rồi thì sự tu tập sẽ sâu sắc hơn, tuệ giác và trí tuệ sẽ phát huy một cách sâu sắc và tự nhiên.

Vào cuối thập niên năm mươi và đầu sáu mươi nhiều người phương Tây đã học Thiền minh sát ở Trung tâm, và một số những người này đã được đào tạo thành những vị thiền sư. Mặc dù Ngài Mahasi và một số vị đệ tử của Ngài nói tiếng Anh, nhưng những người phương Tây chỉ được đến Miến Điện tu tập thiền giới hạn là hai tuần. Tuy nhiên chùa Kandaboda ở Tích Lan; Thượng tọa Anagarika Munindra ở Bodh Gaya Ấn Độ; và Trung tâm Asakha ở Wat Wiwake Asrom Thái Lan đến dạy phương pháp của Ngài Mahasi.

Ngoài ra một số tác phẩm quan trọng bằng tiếng Miến của Ngài Mahasi được xuất bản bằng tiếng Anh, gồm có Progress of insight và Practical insight meditation, có những sự hướng dẫn rộng hơn. ■



Trong giờ thiền tọa



PHÁP HỖ TRONG ĐỜI SỐNG

Đại đức Thiện Minh
(tiếp theo & hết)

Hỗ lại có nhiều cường độ khác nhau. Theo Thanh Tịnh đạo (Visuddhimagga IV, 94) và Chú giải Bộ Pháp tụng (Atthasālinī I Ph IV, ch.I. 115-116) giải thích: có năm loại hỷ chúng ta đọc thấy trong Thanh Tịnh đạo như sau:

... Nhưng chúng ta thấy hỷ có năm loại như: Tiểu đàn hỷ, sát na hỷ, hải triều hỷ, khinh thăng hỷ, và sung mãn hỷ.

Ở đây tiểu đàn hỷ chỉ đủ sức làm ta dựng tóc gáy lên. Sát na hỷ giống như tia chớp xuất hiện vào những sát na khác nhau. Hải triều hỷ ra tan biến trên thân xác ta liên tục như sóng biển đập vào bờ. Khinh thăng hỷ mạnh đến nỗi có thể nhấc bổng cơ thể ta lên, và khiến cho nó bay bổng lên không trung.

Nhưng một khi sung mãn hỷ xuất hiện, toàn bộ thân xác ta được tràn ngập hạnh phúc đó giống như một quả bóng bơm căng, giống như cơn đại hồng thủy tràn ngập các hang động vách đá (IV-98).

Hỷ có khả năng điều khiển các hiện tượng thân thể. "Khinh thăng hỷ" là loại hỷ thứ tư, có khả năng nâng bổng thân xác chúng ta. Thanh Tịnh đạo và Chú giải Bộ Pháp tụng đã đưa ra một ví dụ: Đó là trường hợp một phụ nữ trẻ bị cha mẹ từ chối không cho đến chùa để nghe Phật Pháp (quy Phật). Nàng ta hướng mắt nhìn vào

chùa dưới ánh trăng mờ ban đêm, nhìn thấy nhiều người đang đánh lễ và hành thiền vòng quanh chùa, lại nghe thấy cả tiếng tụng kinh vang xa. Thế rồi khinh thăng hỷ xuất hiện khiến cô nhảy bổng lên không trung và đến chùa trước khi cha mẹ cô tới.

Trong trường hợp có tâm dục giới, hỷ luôn xuất hiện chung với câu hành hỷ tức là thọ hỷ. Trong trường hợp tâm thiền xuất hiện, thì điều này không hoàn toàn giống như trên. Hỷ là một trong số các chi thiền được tu luyện với thiền chỉ để có thể ngăn chặn các triền cái⁽¹⁾. Hỷ ngăn chặn triền cái là sân tức ác ý. Khi tạo được khoái cảm nơi đề mục thiền thì không thể có ý xấu, không lảnh mạnh hay nhầm chán. Như chúng ta vừa mới đọc, có tới năm loại hỷ với các cường độ khác nhau. Loại hỷ thứ năm "sung mãn hỷ" có cường độ mạnh nhất, chính là "căn (cội rễ) say mê" và loại hỷ này phát triển nhờ việc liên kết với sự say mê theo như Thanh Tịnh đạo (Visuddhimagga. IV, 99) kể lại.

Ngay ở giai đoạn thiền sắc giới thứ nhất (Rupa jhana), tất cả năm chi thiền xuất hiện với tâm thiền (Jhana citta). Ở mỗi giai đoạn chi thiền cao hơn tâm thiền trở thành tinh tế hơn và càng tinh hơn và các chi thiền đã lần lượt bị loại bỏ. Ở giai đoạn thứ hai (trong hệ thống Ngũ thiền), tầm bị loại bỏ và ở giai đoạn thứ ba đến lượt tứ, ở vào giai đoạn này chỉ còn có ba chi thiền còn lại đó là: Hỷ tức là lạc và định. Ở giai đoạn thứ tư, hỷ bị loại bỏ nhưng thọ lạc vẫn còn xuất hiện. Trong trường hợp có tâm dục giới xuất hiện, hỷ nổi lên bất kỳ lúc nào có thọ hỷ, nhưng điều này không phải như vậy trong trường hợp tâm thiền xuất hiện ở giai đoạn thiền thứ tư. Tâm thiền khi không còn hỷ đi kèm thì tinh và tinh tế hơn. Hỷ bị loại ra trong giai đoạn này lại chính là "sung mãn hỷ" có cường độ cao nhất. Người nào cảm nghiệm được loại hỷ này và có thể đạt đến trước được thì thật đáng hoan nghênh như ta thấy được đề cập đến trong Chú giải Bộ Pháp tụng (Atthasālinī I, Phần V chương, III, 175).

1. Các chi thiền khác nữa là: Tầm (Vitakka), tứ (Vicāra), lạc (Sukka) và định (Samādhi).

Ở giai đoạn thiền sắc giới cao nhất (giai đoạn thứ tư trong hệ thống thiền bốn bậc và giai đoạn thứ năm trong hệ thống năm bậc), chi thiền lạc đã bị loại bỏ và hỷ không xuất hiện ở giai đoạn này nữa. Đối với các tâm vô sắc giới thì các tâm này cũng giống y hệt như các tâm sắc giới ở giai đoạn thiền sắc giới cao nhất, và như vậy các tâm này không đi kèm với hỷ nữa. Còn đối với tâm siêu thế, các tâm này không luôn đi kèm với hỷ, điều này còn tùy thuộc vào nhiều điều kiện khác nhau⁽²⁾.

Có nhiều loại hỷ khác nhau khi đi kèm với những loại tâm khác nhau. Hỷ đi kèm theo với tâm tham căn thì hoàn toàn khác với hỷ đi kèm theo với tâm thiện. Hỷ đi kèm theo với tâm thiện cũng rất khác biệt. Như chúng ta đã thấy sung mãn hỷ, loại hỷ thứ năm là mức độ cao nhất, cũng lại là "cội rễ mọi thu hút". Hỷ là giác chi và hỷ này phát triển thông qua danh pháp và sắc pháp cũng lại khác biệt so với tất cả các loại khác. Chúng ta đọc được trong kinh tạng Tương Ứng Bộ Kinh-- Kindred Sayings (IV, Salayataṇa-vagga, ph II, viết về thọ, ch. III điều 29, viết về thanh tịnh và giải thoát khỏi mùi hôi thối xác thịt.) viết về "điều vui thú", hỷ có thể thuộc vật chất, hỷ không thuộc vật chất, và hỷ ít thuộc vật chất hơn:

Này chư Tỳ khưu, thế thì hỷ, tức điều vui sắc dục thì sao?

Này chư Tỳ khưu, có tới năm dục lạc. Năm điều đó là gì vậy? Đó là những cảnh sắc do mắt nhận thấy, những cảnh khêu gợi, sáng khoái dễ chịu, thích thú và yêu thích, đam mê tình dục, kích dâm dục... có cảnh thính tai nghe được... mũi ngửi thấy... lưỡi nếm được... lại có cả những cảnh xúc do thân xác nhận ra, các cảnh xúc, ước ao thấy và dễ chịu... Này chư Tỳ khưu, đây là năm yếu tố lạc. Thế nên, này chư Tỳ khưu, bất kỳ điều vui thú nào nổi lên do năm yếu tố trên được gọi là "thú vui xác thịt."

Rồi chúng ta lại đọc được có những thú vui "không thuộc thú vui xác thịt" đó là những hỷ

đi kèm với tâm thiện. Vào giây phút tâm thiện xuất hiện thì vui thú nhục dục tạm thời lắng dịu đi, con người ta không mê đắm với những "yếu tố sắc dục" nữa. Chúng ta lại đọc được về điều vui thú kém phần nhục dục hơn các loại khác như sau:

... Và này chư Tỳ khưu, thế điều vui thú kém phần nhục dục là thế nào? Điều vui thú nổi lên nơi vị Tỳ khưu đã diệt được lậu hoặc (asavas)⁽³⁾, những ai có thể thấy lòng mình đã được giải thoát khỏi thói đam ô thì điều vui thú đó. Này chư Tỳ khưu, được gọi là "điều thú vị ít dâm dục hơn đó vậy."

Cũng như vậy khi bàn về khoái lạc, rừng rưng và "buông thả" có thể liệt kê là thú nhục dục, không nhục và ít nhục dục hơn. Từ "còn ít nhục dục hơn" ám chỉ đến A-la-hán, những người đã diệt được tất cả mọi hình thức tham lam đến nỗi những tham lam này không thể xuất hiện được nữa. Kinh Phật này cảnh giác chúng ta là hãy coi chừng những thực tại xuất hiện thông qua nhiều "môn" khác nhau cùng một lúc. Chúng ta thường hay bị người và vật cuốn hút đến nỗi quên mất rằng chúng chỉ là những Pháp (thực tại), chứ không phải là những khái niệm. Không phải là "một con người" chúng ta có thể cảm nhận được bằng mắt, nhưng đó chỉ là một loại sắc pháp, một cảnh sắc và không thể tồn tại. Các cảnh chúng ta cảm nghiệm được thường lôi cuốn chúng ta và chúng ta không thể nhận ra khi nào là "hỷ nhục dục", tức hỷ thuộc loại sắc dục có thể xuất hiện thông qua sáu "môn", tức là những cảnh chúng ta có thể cảm nghiệm được. Kinh này còn chứng minh được những hỷ khác nhau khi chúng xuất hiện với các tâm khác nhau. Hỷ do pháp đi kèm chi phối và rồi lại chi phối cả các pháp đi kèm. Hỷ chính là pháp hành không phải là ngã. Chúng ta cảm thấy rất khó biết được khi nào là hỷ thiện và khi nào thì hỷ bất thiện, nhưng qua chánh niệm được hỷ đó, khi nó xuất hiện thì trạng thái của hỷ đó có thể được biết chính xác hơn. ■

2. Xin đọc Chú giải Bộ Pháp tụng (II phần VIII chương I, 228) và Visuddhimagga XXI, 122. muốn biết thêm chi tiết về căn đi kèm với hỷ xin đọc phụ lục 5.

3. Asavas hay là những nguyên nhân đời bại là một nhóm những điều ô uế vẫn dục được phân loại ra.

Những vết đinh

*Nếu
con nói điều gì trong cơn
giận dữ, những lời nói ấy cũng giống như
những vết đinh găm...*

Lang sầu tâm

Một cậu bé nọ có tính rất xấu là rất hay nổi nóng. Một hôm, cha cậu bé đưa cho cậu một túi đinh rồi nói với cậu: "Mỗi khi con nổi nóng với ai đó thì hãy chạy ra sau nhà và đóng một cái đinh lên chiếc hàng rào gỗ".

Ngày đầu tiên, cậu bé đã đóng tất cả 37 cái đinh lên hàng rào. Nhưng sau vài tuần, cậu bé đã tập kiềm chế dần cơn giận của mình và số lượng đinh cậu đóng lên hàng rào ngày một ít đi. Cậu nhận thấy rằng kiềm chế cơn giận của mình dễ hơn là phải đi đóng một cây đinh lên hàng rào.

Đến một ngày, cậu bé đã không nổi giận một lần nào trong suốt cả ngày.

Cậu đến thưa với cha và ông bảo: "Tốt lắm, bây giờ nếu sau mỗi ngày mà con không hề giận ai dù chỉ một lần, con hãy nhổ cây đinh ra khỏi hàng rào".

Ngày lại ngày trôi qua, rồi cũng đến một hôm cậu bé đã vui mừng hãnh diện tìm cha mình báo rằng đã không còn một cây đinh nào trên hàng rào nữa.

Cha cậu liền đến bên hàng rào. Ở đó, ông nhỏ nhẹ nói với cậu:

"Con đã làm rất tốt, nhưng con hãy nhìn



Vết thương khó lành như những vết đinh găm

những lỗ đinh còn để lại trên hàng rào. Hàng rào đã không giống như xưa nữa rồi. Nếu con nói điều gì trong cơn giận dữ, những lời nói ấy cũng giống như những lỗ đinh này. Con có thể đâm con dao vào một người rồi rút dao ra, nhưng sẽ mãi mãi còn vết thương. Cho dù sau đó con có nói lời xin lỗi bao nhiêu lần đi nữa, vết thương đó vẫn còn lại mãi. Con hãy luôn nhớ: vết thương tinh thần còn đau đớn hơn cả những vết thương thể xác. Những người xung quanh ta, bạn bè ta là những viên đá quý. Họ giúp con cười và khuyến khích con. Họ nghe con than thở khi con gặp khó khăn, cổ vũ con và luôn sẵn sàng mở trái tim mình ra cho con. Con cũng hãy cho các bạn thấy là con yêu thương họ đến đâu. Hãy nhớ lấy lời cha..." ■

GẶP GỠ TT. BỬU CHÁNH - UVHĐTS Phó ban Hoằng pháp TW trước khi Hội thảo Hoằng pháp Toàn quốc 2011 tại Bình Dương khai mạc

Minh Thanh – Nguyễn Lạc

PV: Bạch Thượng tọa, xin TT cho biết một số suy nghĩ về Hội thảo Hoằng pháp năm 2011, từ quan điểm Phật giáo Nam tông Kinh?

TT. Bửu Chánh: Tăng ni Phật tử Nam tông đều hoan hỷ hướng về Hội thảo Hoằng pháp năm 2011 tổ chức tại Bình Dương.

Theo tôi, Hội thảo Hoằng pháp năm 2011 là sự kiện đánh dấu thành quả liên tục mà Ban Hoằng pháp nhiệm kỳ hiện tại, trong chiều hướng đi lên thấy rõ.

Thành công của Hội thảo Hoằng pháp năm 2011 sắp tới sẽ đặt toàn thể tăng ni Phật tử Việt Nam ở thế phải hướng về phía trước và ngày càng tinh tấn hơn nữa.

Khi đã có một Hội thảo Hoằng pháp năm nay thành công rực rỡ, thì năm sau, khó mà không tổ chức một hội thảo hoằng pháp quy mô vượt trội hay ít ra là tương đương với Hội thảo Hoằng pháp năm nay.

Vì vậy, qua Hội thảo Hoằng pháp năm 2011, tôi nhận thấy một tương lai phát triển ngày càng mạnh mẽ của Ban Hoằng pháp Trung ương trong các năm sau.

Hội thảo Hoằng pháp năm 2011 cũng là dịp chư tăng, tu nữ, Phật tử Nam tông gặp gỡ với quý tăng ni Phật tử Bắc tông trong hội trường hội thảo, trong các hoạt động hội thảo và sinh hoạt bên lề hội thảo.

Có thể nói, Hội thảo Hoằng pháp năm 2011 này sẽ là một trận mưa pháp tạo thuận duyên cho hoạt động hoằng pháp đậm chồi nảy lộc

thanh màu xanh tươi.

Một điều nữa mà chúng tôi muốn chia sẻ, là ở các nước Phật giáo Nam tông, nhà nước luôn luôn giữ vai trò hộ pháp, ủng hộ sự phát triển của Phật giáo. Tình huống đó, nay đã thấy ở Việt Nam, qua việc chính quyền tích cực ủng hộ các Phật sự, mà cụ thể là qua Hội thảo Hoằng pháp lần này. Tôi thành tâm tán thán công đức hộ pháp đó.

PV: Bạch Thượng tọa, chư tăng, tu nữ và Phật tử Nam tông sẽ tham dự Hội thảo Hoằng pháp năm 2011 ra sao?

TT. Bửu Chánh: Số lượng chư vị tăng sĩ và tu nữ Phật giáo Nam tông tham dự Hội thảo Hoằng pháp năm 2011 là khoảng 100 vị.

Số Phật tử tham dự theo các chùa Nam tông lớn là hơn 1000 vị. Ngoài ra còn một số đông đảo Phật tử, hoằng pháp viên tham dự theo đơn vị địa phương của Giáo hội.

Tại tỉnh Bình Dương, Phật giáo Nam tông có 2 chùa là chùa Thanh Long tại thị xã Thủ Dầu Một và chùa Kim Quang tại huyện Thuận An.

Chư tăng và Phật tử các chùa trên đang tích cực góp phần chuẩn bị cho Hội thảo.

PV: Bạch Thượng tọa, hoạt động hoằng pháp Phật giáo Nam tông có các đặc điểm gì nổi bật và có thể chia sẻ kinh nghiệm gì tại Hội thảo Hoằng pháp năm 2011?

TT. Bửu Chánh: Hoằng pháp là một hoạt động mà Phật giáo Nam tông hết sức chú trọng, mà cụ thể, là trong bất cứ cuộc lễ nào

của Phật giáo Nam tông cũng đều có thuyết pháp, từ sám hối (ngày 14, 30 Âm lịch) lễ bái Tam bảo (thường vào ngày rằm, mồng một), trai tăng...

Tóm lại, có Phật tử tập hợp về, dù ở chùa hay tại tư gia Phật tử, tôi đều tổ chức thuyết pháp trong nội dung nghi lễ ở mức 100%.

Tùy theo buổi lễ, mà thời lượng buổi thuyết pháp có thể từ 30 đến 90 phút.

Nếu không có thuyết pháp, thì bất cứ buổi lễ nào cũng đều mất hết phân nửa ý nghĩa.

Bởi vì được nghe thuyết pháp thường xuyên như vậy, cho nên Phật tử Nam tông, tuy ít, nhưng nắm giáo lý rất vững.

Nhiều Phật tử nói vui là đi chùa Nam tông thì phải "chịu" "nhồi nhét" thuyết pháp.

Chúng ta đều nhận thấy rằng người đi nhiều nhưng người nghe pháp chỉ có một phần nhỏ.

Vì vậy phần đầu chúng tôi đề ra công thức để phần đầu:

Người đi chùa = Người nghe pháp

Và các bước tiếp theo là từ đó nâng cao số Phật giáo hiểu pháp/nghe pháp, tu đúng pháp/hiểu pháp, tu có kết quả/tu đúng pháp.

Đây là một kinh nghiệm mà chúng tôi muốn chia sẻ.

PV: Bạch thượng tọa, thuyết pháp ở 100% các buổi lễ định kỳ và đột xuất như vậy phải chăng tất cả chư tăng Nam tông đều có khả năng thuyết pháp?

TT. Bửu Chánh: Đây là mục tiêu hoằng pháp mà chư tăng Nam tông hướng đến nhưng thực tế chưa thể đạt được.

Tuy nhiên, hầu hết chư tăng trụ trì đều có khả năng thuyết pháp. Một chùa có hơn một vị có khả năng thuyết pháp thì vị thứ hai đó sẽ được phái đến những chùa khác khi có yêu cầu.



TT. Bửu Chánh phát biểu tại Hội nghị trụ bị trước khi Hội thảo chính thức khai mạc - ảnh internet

Trong các dịp lễ lớn, Phật giáo Nam tông cung thỉnh quý tôn đức trong đoàn giảng sư thuyết pháp trước đông đảo Phật tử, như các vị Hòa thượng (HT) Thiện Tâm, HT. Viên Minh, TT. Giác Chánh, TT. Pháp Tông, TT. Giới Đức, TT. Bửu Chánh, TT. Giác Giới, TT. Thiện Nhân v.v..., quý Đại đức Thiện Minh, Đại đức Tuệ Quyền, Đại đức Chánh Minh, Đại đức Chánh Định v.v...

Trong những năm gần đây, Phật giáo Nam tông cũng đẩy mạnh việc phổ biến các chương trình thuyết pháp ghi hình, ghi tiếng.

PV: Bạch Thượng tọa, hướng phát triển hoằng pháp sắp tới của Phật giáo Nam tông là gì?

TT. Bửu Chánh: Chúng tôi tham khảo rất kỹ kinh nghiệm hoằng pháp của chư Tôn đức truyền đạt tại các Hội thảo Hoằng pháp.

Yêu cầu hoằng pháp cho Phật tử vùng sâu vùng xa, chúng tôi xúc tiến nhiều kế hoạch. Chẳng hạn, xây dựng Thiền viện Thiện Minh đang xây dựng trên Cù Lao huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, chùa Phổ Quang tỉnh Đắk Lắk, chùa Tứ Phương Tăng tại Hớn Quảng, tỉnh Bình Phước...

Đây không phải là ngôi chùa tịnh tu, mà trước hết là những Trung tâm hoằng pháp địa phương.

Chúng tôi cũng đã xuất bản thành công Tạp chí "Phật giáo Nguyên thủy". Nhiều công

trình nghiên cứu Phật học lớn đang được tiếp tục.

PV: *Bạch Thượng tọa, truyền thống Phật giáo Nam tông rất coi trọng vị pháp sư, với pháp tòa rất trang nghiêm trong chính điện. Như thế, liệu khó khăn trong việc vận dụng tổ chức đội ngũ hoằng pháp viên cư sĩ, một hoạt động được các Hội thảo Hoằng pháp chú trọng đặc biệt?*

TT. Bửu Chánh: Hoằng pháp viên, tức người cư sĩ đóng vai trò hoằng pháp, là một truyền thống của Phật giáo Nam tông.

Cụ Phạm Kim Khánh, vị cư sĩ với nhiều tác phẩm Phật học phiên dịch và biên soạn, hoạt động hoằng pháp đến hơi thở cuối cùng ở tuổi ngoài 90 là một ví dụ điển hình về hoằng pháp viên Nam tông, nói theo cách nói bây giờ.

Nhiều vị cư sĩ Phật giáo cũng hoạt động hoằng pháp như cụ Phạm Kim Khánh, khiến tủ sách Phật học Nam tông hiện giờ rất phong phú.

Trong sinh hoạt Phật học Nam tông còn có sinh hoạt cư sĩ luận đạo, thường được tổ chức trong các buổi phát nguyện đầu đà, thức trắng đêm. Ở đó, người cư sĩ cùng nhau nói về Phật pháp cho nhau nghe, là một hình thức hoằng pháp rất đặc trưng của Phật học Nam tông.

Vì vậy, việc nâng cao khả năng hoằng pháp của người cư sĩ, thông qua hoạt động tập huấn hoằng pháp viên tại Hội thảo Hoằng pháp năm 2011 là hết sức cần thiết đối với người cư sĩ Phật giáo Nam tông.

PV: *Bạch Thượng tọa, TT còn có điều gì muốn gửi gắm đến bạn đọc nhân Hội thảo Hoằng pháp năm 2011?*

TT. Bửu Chánh: Tôi muốn tâm sự về một thể nghiệm của riêng tôi trong hoạt động hoằng pháp và khá thành công. Đó là truyền đạt tư tưởng Phật học thông qua việc phân tích các tác phẩm văn học nghệ thuật mà mình yêu

thích và khám phá chân lý đạo Phật được đề cập trong đó.

Theo cách như thế, tôi đã thuyết những bài pháp thông qua việc phân tích 2 bài hát của cố nhạc sĩ Trịnh Công Sơn, là "Cát bụi" và "Một cõi đi về", nhấn mạnh đến lẽ vô thường sinh diệt, được Phật tử thính pháp hoan nghênh.

Tôi đang chuẩn bị một bài giảng pháp thông qua tác phẩm "Tôi ơi đừng tuyệt vọng".

Mong rằng cách làm này có thể được quý tăng ni cư sĩ theo đuổi sự nghiệp hoằng pháp tham khảo và ứng dụng. Tư tưởng đạo Phật là chân lý muôn đời của cuộc sống và có mặt ở khắp mọi nơi. Hoằng pháp chính là phát hiện sự hiện diện vô cùng đó của tư tưởng Phật giáo.

Tôi cũng xin tâm sự đôi điều về trách nhiệm của người có tâm nguyện hoằng pháp.

Tôi mong rằng những người có trách nhiệm hoằng pháp hãy cố gắng nhiều hơn nữa, làm việc gấp nhiều lần, chịu cực chịu khổ vì sự hưng thịnh của Phật pháp.

Trở về chùa sau Hội thảo Hoằng pháp lần này, người con Phật của chúng ta hãy hoằng pháp, hoằng pháp nhiều hơn, tích cực hơn nữa, có kết quả hơn nữa.

PV: *Xin trân trọng cảm ơn Thượng tọa về những suy nghĩ và lời chia sẻ kinh nghiệm quý báu của Thượng tọa. ■*



Toàn cảnh phiên họp - ảnh internet

KẾ HOẠCH TỔ CHỨC HỘI THẢO HOẢNG PHÁP TOÀN QUỐC 2011

THÀNH PHẦN BAN TỔ CHỨC

I. BAN CHỨNG MINH

HT. Thích Trí Tịnh
HT. Thích Hiền Pháp
HT. Thích Từ Nhơn
HT. Thích Trí Quảng
HT. Thích Thiện Nhơn
HT. Thích Giác Toàn
HT. Thích Thiện Duyên
HT. Thích Như Niệm
HT. Thích Thiện Tâm
HT. Thích Trí Tâm
HT. Thích Huệ Thông (BD)
HT. Dương Nhơn

II. BAN TỔ CHỨC.

* Trưởng ban

TT. Thích Bảo Nghiêm

* Phó ban Thường trực

HT. Thích Minh Thiện
TT. Thích Tấn Đạt
TT. Thích Huệ Thông

* Phó ban

HT. Thích Quang Nhuận
HT. Thích Minh Chơn
HT. Thích Thiện Trí
HT. Thích Thanh Hùng
HT. Thích Đạt Đạo
HT. Danh Dĩnh
HT. Thạch Huôi
TT. Thích Thiện Bảo
TT. Thích Bửu Chánh
TT. Thích Thanh Giác
TT. Thích Minh Thiện
TT. Thích Chiêu Tạng
TT. Thích Duy Trấn
TT. Thích Giác Trí
TT. Thích Chân Tính

TT. Thích Phước Nghiêm
TT. Thích Thanh Phong
Ông Trần Đức Thịnh (Phó
Giám đốc sở Nội vụ - Trưởng
BTG BD)

* Ủy viên

HT. Thích Minh Hiền
HT. Thích Minh Nghĩa
HT. Thích Tâm Từ
TT. Thích Nguyên Thiện
TT. Thích Giác Pháp
TT. Thích Hiền Thiện
TT. Thích Viên Thanh
TT. Thích Giác Nhân
TT. Thích Minh Thuần
TT. Thích Thiện Duyên
TT. Thích Hồng Long
TT. Thích Minh Nghĩa
TT. Thích Nhất Chí
TT. Thích Chơn Khôn
TT. Thích Thiện Nghĩa
TT. Thích Từ Nghiêm
TT. Thích Nhật Hỷ
TT. Thích Nhật Từ
TT. Thích Giác Liêm
TT. Sơn Ngọc Huynh
TT. Thích Huệ Đăng
TT. Thích Tăng Định
ĐĐ. Thích Phước Đạt
ĐĐ. Thích Thanh Định
ĐĐ. Thích Đức Nguyên
ĐĐ. Thích Minh Xuân
ĐĐ. Thích Minh Lực
ĐĐ. Thích Đạt Đức
ĐĐ. Thích Thiện Minh
ĐĐ. Thích Thanh Lợi
ĐĐ. Thích Thanh Vân
ĐĐ. Thích Minh Chí

ĐĐ. Thích Thiện Châu
ĐĐ. Thích Huệ Trí
ĐĐ. Thích Thiện Đạo
ĐĐ. Thích Thiện Hạnh
ĐĐ. Thích Trí Chơn
ĐĐ. Thích Đức Trường
ĐĐ. Thích Tâm Minh
ĐĐ. Thích Nguyên Thành
ĐĐ. Thích Tâm Thuần
NT. Thích nữ Như Huy
NS. Thích nữ Thành Liên
NS. Thích nữ Như Hoa
NS. Thích nữ Tập Liên
NS. Thích Nữ Như Thảo
NS. Thích nữ Pháp Như
NS. Thích nữ Huệ Liên
SC. Thích nữ Hòa Liên
SC. Thích Nữ Từ Thảo

* Ban Thư ký

TT. Thích Huệ Phước
TT. Thích Minh Nghĩa
TT. Thích Minh Thuần
ĐĐ. Thích Phước Nguyên
ĐĐ. Thích Chiêu Tuệ
ĐĐ. Thích Thiện Minh
ĐĐ. Thích Trí Thọ
ĐĐ. Thích Minh Nhẫn
ĐĐ. Thích Minh Lực
ĐĐ. Thích Đức Lợi
ĐĐ. Thích Tịnh Tâm
ĐĐ. Thích Thiện Thật
ĐĐ. Thích Thiện An
ĐĐ. Thích An Khang
ĐĐ. Thích Bửu Minh
ĐĐ. Thích Thiện Hưng
Sc. Thích Nữ Chúc Hiếu
Sc. Thích Nữ Huệ Tánh

Chương trình tổng thể
HỘI THẢO HOẰNG PHÁP
TOÀN QUỐC 2011 – BÌNH DƯƠNG
(từ ngày 09 đến 13 tháng 3 năm 2011)

*** Ngày 9-3-2011 (nhằm ngày 5 – 2 âl)**

- 8h00: Họp Ban tổ chức Hội thảo
- Từ 8h00: Bắt đầu đón tiếp đại biểu
- 9h00: Họp báo về Hội thảo tại Hội trường tượng Phật nhập niết bàn
- 18h00: Khai mạc triển lãm mỹ thuật tại khuôn viên tượng Phật nhập niết bàn
- 18h30: Khai mạc Hội trại Gia đình Phật tử tại khuôn viên tượng Phật nhập niết bàn

*** Ngày 10-3-2011 (nhằm ngày 6 – 2 âl)**

- 7h00: Diễu hành “Phật giáo với môi trường” xuất phát từ chùa Hội Khánh
- 8h00: Họp các đoàn đại biểu tại khuôn viên tượng Phật nhập niết bàn
- 17h00: Đại biểu tập trung về sân vận động Bình Dương
- 18h10: Diễu hành xe hoa và cung nghinh chư Tôn đức Chứng minh, BTC từ khuôn viên tượng Phật nhập niết bàn đến sân vận động Bình Dương
- 19h00: Khai mạc Hội thảo tại sân vận động tỉnh Bình Dương (truyền hình trực tiếp trên BTV)
- 20h00: Đên nhạc hội “Mừng ánh đạo” (truyền hình trực tiếp trên BTV)

*** Ngày 11-3-2011 (nhằm ngày 7 – 2 âl)**

- 8h00: Hội thảo và tập huấn Hoằng pháp viên
- + Hội thảo tại Công viên Văn hóa Thanh Lễ
- + Tập huấn Hoằng pháp viên tại khuôn viên tượng Phật nhập niết bàn (chương trình tập huấn diễn ra đến hết ngày 13 – 3)
- 14h00: Tiếp tục Hội thảo (BTG Chính phủ triển khai các chính sách Tôn giáo có liên quan)
- 15h30: Tại Công viên Văn hóa Thanh Lễ, đại biểu Hội thảo nhận địa điểm thảo luận nhóm
- 18h00: Đại lễ cầu siêu tại Nghĩa trang Liệt sĩ tỉnh Bình Dương với chủ đề “Thắp nến tri ân”
- 18h00: Chư Tôn đức Ban Hoằng pháp TW thuyết giảng tại các đạo tràng

*** Ngày 12-3-2011 (nhằm ngày 8 – 2 âl)**

- 8h00: Tiếp tục Hội thảo (thảo luận nhóm theo các chủ đề)
- 14h00: Tiếp tục Hội thảo (báo cáo kết quả thảo luận nhóm tại Hội trường chính)
- 15h30: Tiếp tục Hội thảo (trình bày tham luận)
- 16h30: Tham quan thành phố mới Bình Dương (xuất phát từ Công viên Văn hóa Thanh Lễ)
- 18h00: Tiệc chay chiêu đãi của UBND tỉnh tại Công viên Văn hóa Thanh Lễ
- Chư Tôn đức Ban Hoằng pháp TW thuyết giảng tại các đạo tràng

*** Ngày 13-3-2011 (nhằm ngày 9 – 2 âl)**

- 8h00: Tiếp tục Hội thảo (trình bày tham luận)
- 14h00: Tiếp tục Hội thảo (trình bày tham luận)
- 15h30: Phát biểu đúc kết Hội thảo của Thượng tọa Trưởng Ban tổ chức
- 16h30: Thông qua Nghị quyết Hội thảo Hoằng pháp toàn quốc năm 2011
- 18h00: Bế mạc Hội thảo tại khuôn viên tượng Phật nhập niết bàn. ■

Ý LAN

Tranh cát và một chữ "thôi kệ"

Quang Duyên



Nghệ nhân Ý Lan

P/V: Xin chị cho biết điều gì đã lôi cuốn chị thực hiện những bức tranh từ cát?

Ý Lan: Có lẽ màu sắc đẹp lạ kỳ của cát đã thu hút tôi. Tôi hoạt động trong nhiều lĩnh vực khác nhau nhưng cảm xúc trước vẻ đẹp vừa rạng ngời vừa thâm trầm của cát dưới ánh nắng mặt trời làm tôi say mê. Mỗi ngày tôi kiên nhẫn với những hạt cát li ti óng ánh, nhiều khi thức trắng đêm với những họa tiết phức tạp của bức tranh. Làm tranh cát rất cần sự kiên nhẫn, tỉ mỉ. Đó là tính cách chịu thương chịu khó của người phụ nữ Việt Nam.

P/V: Chị vừa nói đến chữ nhẫn. Vậy "Nhẫn" trong triết lý Phật giáo đã có ảnh hưởng như thế nào trong cuộc sống và hoạt động nghệ thuật của chị?

Ý Lan: Nhẫn là tính cách đã giúp tôi thành công. Khi lên rừng xuống biển, lặn lội nơi này nơi khác để tìm cát, tôi đã khám phá ra cát có tới hơn 80 màu. Tranh cát Ý Lan từ đó cũng phong phú, đa dạng hơn. Nhưng quan trọng nhất là tôi đã học được chữ nhẫn để tâm mình đừng nóng nảy trong những khi cặm cụi làm tranh cát, bởi vì tâm mà nôn nóng hay giận dữ thì tranh cát sẽ chẳng bao giờ đẹp. Nhẫn cũng giống như mình chịu thương chịu khó vậy. Tôi đã nhẫn nại một thời gian dài mới thuyết phục được ông xã và gia đình tin rằng cát làm được tranh với những sắc màu tuyệt đẹp. Trong công việc và niềm đam mê thì không phải lúc nào cũng gặp thuận duyên mà đôi khi cũng có lúc gian nan vất vả, càng gặp khó khăn tôi càng thấy mình trưởng thành hơn, càng nhẫn hơn, nhưng sau này tôi

Nghệ thuật tranh cát được khai sinh từ cuối năm 2001 bởi nghệ nhân Ý Lan. Tất cả những tranh cát đều được thực hiện từ nguyên liệu chính là những hạt cát thiên nhiên, không nhuộm màu và không sử dụng chất kết dính trong quá trình họa hình. Với những bức tranh cát họa tiết những phong cảnh thiên nhiên, cảnh trắng trên biển, đường quê, hoa và cá, hoặc những bức chân dung thể hiện sinh động từng chi tiết đã thu hút những người yêu nghệ thuật.

Tranh cát Ý Lan không chỉ được yêu thích ở Việt Nam mà còn nhiều nước trên thế giới biết đến, tranh cát Ý Lan có mặt hơn 10 Quốc gia ở châu Á, châu Âu và châu Mỹ. Chính vì thế mà tranh cát Ý Lan vinh dự được đánh giá và bầu chọn là "Tác phẩm nghệ thuật chất lượng cao". Ngày nay tranh cát Ý Lan không chỉ đơn thuần là tranh trang trí mà đã trở thành món quà văn hoá nghệ thuật độc đáo mới lạ. Nhân dịp đầu năm, phóng viên Tạp chí đã có cuộc trò chuyện với chị Trần Thị Hoàng Lan hiện là Giám đốc Công ty tranh cát Ý Lan.

thích chữ "Thôi kệ". Nếu chữ nhẫn có ý như là sự chịu đựng hoặc cao hơn là một cách sống đẹp; thì chữ "Thôi kệ" nó giúp mình thoải mái hơn, nhẹ nhàng hơn, giống như mình để bỏ qua một việc gì đó, để tha thứ cho một ai đó làm mình buồn. "Thôi kệ" có vẻ bao dung hơn phải không? (cười).



Một sản phẩm tranh cát của nghệ nhân Ý Lan

P/V: Chị là một nữ doanh nhân không chỉ thành đạt trong kinh doanh mà còn được nhiều người yêu mến vì những hoạt động từ thiện. Vậy chị có thể cho biết điều gì đã giúp chị trải tâm mình đến với mọi người được như vậy?

Ý Lan: Hồi nhỏ nhà bà ngoại tôi có hai cái lu, một cái lu lớn và một cái lu nhỏ. Hết mỗi lần nấu cơm, bà ngoại múc từ cái lu lớn một lon gạo đổ vào nồi rồi múc một lon gạo nữa đổ vào cái lu nhỏ. Tôi hỏi bà ngoại tại sao phải đổ gạo vào lu nhỏ? Ngoại nói: "Mình ăn no phải nhớ đến những người đói rách ngoài kia. Ngoại đổ gạo chừng nào đầy lu thì ngoại sẽ đem cho những người nào thiếu thốn". Chuyện về hai cái lu gạo từ thời nhỏ đã làm tôi nhớ mãi. Đó là bài học từ bi đầu tiên bà ngoại dạy cho tôi. Mình thương và chia sẻ cho những người không quen biết đó gọi là từ bi, tôi hiểu đơn giản là vậy. Cũng từ đó tôi tin vào nhân quả là mình trồng hạt xoài thì sẽ hái trái xoài. Bây giờ cứ vào ngày rằm, mồng một hàng tháng, tôi tổ chức nấu cơm chay từ thiện tại Câu lạc bộ Hội Nhà báo để gây quỹ giúp đỡ cho con em thương binh liệt sĩ. Những triển lãm tranh cát của tôi như "10 cô gái Đồng Lộc" thường là ủng hộ quỹ từ thiện cho địa phương, ngoài ra tôi còn nhận dạy nghề cho các em khuyết tật học làm tranh cát, như vậy các em có thể tự mình hoà nhập xã hội, không còn mặc cảm, đồng thời giảm bớt gánh nặng cho xã hội. Từ năm 2002 tới nay nhiều em đã trở thành thợ giỏi có em đã mở công ty riêng. Tôi mừng vì cuộc sống mọi người giờ đã ổn định hơn xưa.

P/V: Xin cảm ơn chị. Chúc chị một năm mới hạnh phúc và mọi mong cầu được thành tựu. ■



TT. Giác Trí

Rằm tháng Giêng là ngày lễ tết quan trọng theo lịch Âm của người châu Á, còn gọi là tết Nguyên tiêu hay tết Thượng nguyên (rằm tháng bảy là Trung nguyên và rằm tháng mười là Hạ nguyên). Tương truyền lễ Thượng nguyên trước đây chính là tết Trạng nguyên, vào dịp này đức Vua hội họp các ông Trạng để thết tiệc và mời vào vườn Thượng uyển xem hoa, ngắm cảnh, làm thơ.

I. Nguồn gốc và ý nghĩa của Tết Nguyên tiêu

Đêm ngày rằm tháng giêng âm lịch là tết Nguyên tiêu cổ truyền của nhân dân châu Á, cũng gọi là "Tết Hoa đăng". Theo tập tục cũ, đêm ngày rằm tháng giêng, bất cứ trong thành thị hay ở nông thôn, đâu đâu cũng treo đèn kết hoa v.v... Đặc biệt những năm gần đây, tết Nguyên tiêu đã xuất hiện quang cảnh phồn thịnh hơn bao giờ hết. Mọi người đều yêu thích tết Nguyên tiêu, vậy tết cổ truyền này được bắt nguồn từ đâu?

1. Tết Nguyên tiêu là có từ đời Hán, sách "Ngày tết Trung Quốc" xuất bản vào tháng 9 năm 1983 cho rằng: Vua Hán Văn lên ngôi sau khi "đẹp yên cuộc rối ren do gia tộc họ Lã" gây nên, chính ngày đó là ngày rằm tháng giêng. Sau đó cứ vào ngày rằm tháng giêng là vua Hán Văn đều ra khỏi cung để đi dạo chơi và "chung vui với dân". Chữ "Dạ" trong cổ ngữ Trung Quốc được gọi là "Tiêu", cho nên vua Hán Văn đã lấy ngày rằm tháng giêng làm ngày tết Nguyên tiêu. Nhưng lúc đó chưa có tập tục treo đèn lồng. Đến năm thứ 10 Vĩnh Bình, tức năm 67 công nguyên, do đề xuất chủ trương

theo đạo Phật, vua Hán Minh đã ra sắc lệnh treo đèn lồng trong tết Nguyên tiêu để tỏ lòng tôn sùng Phật giáo. Đó là cội nguồn treo đèn lồng trong tết Nguyên tiêu.

2. Về cội nguồn của tết Nguyên tiêu, trong dân gian có rất nhiều giải thích. Tết Nguyên tiêu có từ thời vua Hán Vũ. Hồi đó, các cung nữ sau tết Nguyên tiêu tháng giêng đều nhớ nhà và nhớ cha mẹ, nhưng cung vua canh phòng cẩn mật, làm thế nào để ra đi gặp mặt cha mẹ? Đông Phương Sóc giàu trí thông minh sau khi được tin này bày tỏ hết sức đồng tình, rồi thiết kế phương án để giúp các cung nữ thực hiện nguyện vọng gặp mặt bố mẹ, bước đầu tiên của Đông Phương Sóc là tung tin, cho rằng Hỏa Thần sẽ cử người đến thiêu hủy thành Trường An, khiến cung vua trong nội thành hoang mang khiếp sợ. Sau đó Đông Phương Sóc bày mưu hiến kế với vua Hán Vũ rằng, tối ngày rằm mọi người trong cung nhất nhất phải đi lánh nạn ở ngoài cung vua, các đường to ngõ hẻm, trước nhà sau sân trong nội thành đều treo đèn lồng đỏ, tạo nên giả tượng là cả tòa thành Trường An lửa cháy hừng hực, nhờ đó để đánh lừa Hỏa Thần đang giám sát trên trời. Vua Hán Vũ đã đồng ý phương án này của Đông Phương Sóc, thế là các cung nữ nhân tết Nguyên tiêu thực hiện nguyện vọng gặp mặt người thân. Từ đó, cứ đến ngày rằm tháng giêng đều phải treo đèn lồng.

3. Còn có truyền thuyết cho rằng, tết Nguyên tiêu bắt nguồn từ tập quán của công việc đồng áng trong dân gian. Trước sau ngày rằm tháng giêng hàng năm, công việc cày bừa của vụ chiêm sẽ bắt đầu, bà con nông dân ở các nơi đều khẩn trương chuẩn bị cho công việc đồng áng. Đến tối ngày rằm tháng giêng, bà con nông dân ở một số khu vực thì đi ra đồng ruộng tập trung cây cỏ lá khô, rồi châm lửa thiêu hủy để diệt sâu bọ.

4. Một ý kiến khác thì cho rằng, tết Nguyên tiêu bắt nguồn từ hoạt động Tôn giáo của Phật giáo do Thích Ca sáng lập. Ngày rằm tháng giêng, Tăng lữ tề tựu đông đủ để ngắm cảnh, hào quang tỏa ra từ Xá Lỵ của Phật. Kể từ khi đạo Phật du nhập vào Trung Quốc vào thời Hán thì lễ hội đèn lồng đã khoác lên mình những màu sắc Tôn giáo khác nhau. Những người theo đạo Phật dùng ngày này để tưởng nhớ đức Phật.

Các truyền thuyết trên, theo các học giả thì lễ hội đèn lồng xuất phát từ truyền thống sử dụng lửa để kỷ niệm ngày lễ hội và xua đi những điều không may của mọi người dân.

II. Tổ chức lễ rằm tháng giêng ở một số quốc gia

- Ở Trung Quốc, Đài Loan, tết Nguyên tiêu, rằm tháng giêng được coi là ngày lễ thiêng liêng nhất đầu năm mới và còn được gọi là "Lễ hội đèn hoa" hoặc "Hội hoa đăng", tập tục đốt đèn trên cây nêu trước cửa nhà, chơi lồng đèn ngũ sắc, kéo dài từ 13 đến 17 tháng giêng.

- Ở Thái Lan lễ hội rằm tháng giêng là lễ hội cúng dường đức Phật, đức Pháp và đức Tăng qua hình thức tụng Tam tạng kinh từ 07 đến 10 ngày

- Ở Ấn Độ quanh khu vực Thánh địa nơi đức Phật ngồi đản đạo dưới gốc Bồ Đề nhiều quốc gia như Tích Lan, Miến Điện, Lào, Thái, Campuchia, Tây Tạng (Trung Quốc). Mở những pháp hội tụng Tam tạng Pāli cúng dường đức Phật

- Ở Việt Nam, tết Nguyên tiêu hay rằm tháng giêng, phần lớn tổ chức tại chùa. Trong dân gian ngày rằm tháng giêng còn là ngày vía của Phật tổ. Theo truyền thống Phật giáo Nam tông rằm tháng giêng có ý nghĩa quan trọng như:

- Ngày đức Phật thuyết kinh Giải thoát giáo (Ovadapatimokkha) tại Thánh hội Tăng già

- Ngày đức Phật thông báo Giáo pháp đã được thiết lập vững vàng và Ngài sẽ viên tịch trong ba tháng nữa.

III. Nội dung kinh Giải thoát giáo

Bài thuyết Pháp của đức Phật tóm tắt về tôn chỉ tu tập và hoằng pháp của các vị Phật trong quá khứ, hiện tại và tương lai qua câu kệ ngôn:

Sabbapapassa akaranam
kusalassa upasampada
sacittapariyodapanam
etam buddhana sasanam.

Không làm mọi điều ác.

Thành tựu các hạnh lành,

Tâm ý giữ trong sạch,

Chính lời chư Phật dạy (Kinh pháp cú 183).

- Thánh Hội Tăng già là một sự kiện đặc biệt, xảy ra chỉ một lần. Lúc đức Phật Thích Ca ở chùa Trúc Lâm tại thành phố Rājagaha. Vào ngày rằm tháng giêng, 1250 vị Thánh tăng tự tập trung về nơi đức Phật ở. Tất cả đều là bậc thánh A la hán và đều thọ giới bằng phương pháp "Ehi bhikkhu - Thiện lai tỳ kheo". Các bậc thánh đó đã ngồi vây



quanh đức Phật lắng nghe bài kinh Giải thoát giáo.

- Ngày Đức Phật tuyên bố đạo tròn duyên mãn: Sau khi đắc chứng đạo quả Chánh Đẳng Chánh Giác dưới cội Bồ đề, đức Phật đã dành 45 năm đi nhiều nơi thuyết pháp, ở tuổi 80. Ngài quyết định chọn thị trấn nhỏ Kusinara viên tịch. Vào buổi trưa thị giả Ānanda cảm nhận mặt đất rung động, khi đang thiền tịnh. Ngài đến gặp bậc Đạo sư và được biết rằng đức Phật đã quyết định sẽ viên tịch sau 3 tháng tới. Không cầm được nước mắt, Đại đức Ānanda đã khẩn cầu đức Phật trụ thế lâu hơn. Đức Phật ôn tồn: Hỡi Ānanda, các con còn chờ đợi gì nữa ở Như Lai. Giáo pháp đã được truyền dạy đầy đủ không có gì giấu kín. Bốn chúng đệ tử đã được hướng dẫn đầy đủ trong việc tu học. Pháp và Luật đã được giảng giải tường tận. Lại nữa, rằm tháng giêng được gọi là Ngày Pháp bảo - Dhamma Day. Cùng với ngày Phật bảo (đại lễ rằm tháng tư) và ngày Tăng bảo (lễ Kathina tháng mười). Bởi vì nội dung kinh Giải thoát được xem là Tôn chỉ của giáo Pháp nên lễ rằm tháng giêng này được gọi là ngày Pháp bảo.

IV. Các nghi lễ Phật giáo Nam tông trong ngày rằm tháng giêng

1. Rằm tháng Giêng là ngày đức Phật quyết định viên tịch

Vào ngày này các quốc gia theo truyền thống Phật giáo Nam tông Theravāda như Tích Lan Miến Điện, Thái Lan, Lào, Campuchia, tổ chức cúng dường lên đức Phật bằng nghi thức tu tập một đêm không ngủ, còn gọi là hạnh đầu đà. Đầu đà là từ phiên âm chữ Dhutanga, nghĩa là kỹ năng làm tiêu trừ phiền não. Cuộc sống con người luôn bị rối loạn với những ham muốn, giận hờn trong suy nghĩ, thực hành nghi thức đầu đà, giảm thiểu khá nhiều những phiền muộn lo âu trong đầu óc, trở thành một nhu cầu trong đời sống của con người.

Các Quốc gia Đông Nam Á theo truyền thống Phật giáo Nam tông Theravāda, đêm rằm tháng giêng (Maghā puja) thường tổ chức đêm đầu đà, bao gồm nhiều tiết mục tu học như thuyết pháp, luận đạo, tụng kinh, kệ kinh, hành thiền, kinh hành v.v.. Nói chung là những sinh hoạt tu học khó tìm thấy ở những đại lễ khác.

2. Dâng đèn cúng Phật vào ngày rằm tháng

giêng

Nền văn minh Ấn Độ cổ xưa thờ lửa (bái hoá giáo) đèn là lễ phẩm quan trọng trong nghi thức Tôn giáo. Thời đức Phật đèn dùng chiếu sáng vào ban đêm cho các buổi hội họp nghe pháp. Vì thế cúng đèn cũng là cúng dường Pháp bảo. Kinh phúc chúc có câu Yanado balado, người cho đèn là cho mắt sáng.

- Lễ thọ đầu đà tổ chức buổi tối nên cúng đèn mang lại không khí thiêng liêng đặc biệt 28 ngọn đèn được thắp để cúng dường 28 vị Chánh Đẳng Chánh Giác như trong Buddhavamsa ghi chép. 108 ngọn đèn để tiêu tai bạt nghiệp từ 6 căn, 6 cảnh, 6 thức thuộc nội phần và ngoại phần trong ba thời quá khứ, hiện tại, vị lai ($6 + 6 + 6 \times 2 \times 3 = 108$).

- Ở Ấn Độ cũng có lễ hội cúng đèn vào tháng 10 hàng năm, lễ hội này được xem là quan trọng, trong hệ thống lễ hội diễn ra hàng năm.

- Phật tử thường xem: nhang, đèn, bông, trái là bốn lễ phẩm cúng dường chính trên bàn thờ.

- Ở vài nơi cúng sao giải hạn vào lễ Thượng nguyên cũng lấy việc cúng đèn làm nghi thức chính

- Trong dân gian Việt Nam có câu "Cúng cả năm không bằng rằm tháng Giêng" nên vào dịp này đông đảo người dân thường đi chùa bái Phật, thắp đèn cây, đốt đèn lồng hoa đăng để cầu nguyện sự an lành cho mình và gia đình. Nhiều gia đình người dân, cũng nhân cơ hội này tập trung về nhà Trưởng tộc hay nhà thờ họ để cúng bái cầu an cho dòng họ, có nhiều nơi khác như đình làng, chùa vào ngày rằm lớn đầu năm làm lễ cầu Quốc thái Dân an.

Rằm tháng giêng hay tết Nguyên tiêu trong truyền thống Phật giáo Nam tông là lễ hội cúng dường đức Phật đầu năm, mong cầu phát sanh sự An Lành, Hạnh Phúc, theo dân gian là lễ hội kết thúc mùa lễ tết Nguyên đán và Nguyên tiêu. ■

Tài liệu tham khảo:

- 1) Wikipedia tết nguyên tiêu
- 2) Jataka
- 3) Visuddhi magga
- 4) TT Pháp Luân- Rằm tháng giêng
- 5) Phật giáo Thái Lan
- 6) Lịch sử Văn minh Ấn Độ

Duyên Nghiệp

TS. Vũ Gia Hiền

Đã nhiều lần nghe nói về sự hiền từ của các nhà sư và sự đối xử từ bi của đạo Phật, nhưng vì chưa chứng kiến nên tôi vẫn còn hoài nghi. Âu cũng tại vì tôi là người nghiên cứu khoa học tâm lý, nên cứ muốn chứng minh mọi sự phải rõ ràng, phải mắt thấy, tai nghe. Tôi chưa bao giờ được chứng kiến sự ứng xử của các nhà sư ở ngoài đời mà chỉ biết về các nhà sư ở trong chùa qua các câu chuyện chân kính. Tuy rằng tin vào sự hiền hậu, những lời nói từ tốn, luôn nhận lỗi về mình, nhưng sự hoài nghi trong tôi về đời sống thực ở các nhà sư vẫn không thể trút bỏ, nhất là khi có nhiều tin đồn trái chiều, thất thiệt về đời sống của một số nhà tu hành. Phải chăng vì thế mới là đời thường? Rồi dịp may đã đến với tôi:

Trong một chuyến đi giảng ở trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật và Du lịch tại thành phố Nha Trang, hôm đó, tôi rời trường vào lúc 11 giờ trưa để gấp rút về Thành phố Hồ Chí Minh. Các em sinh viên vui vẻ tiễn tôi ra xe với tình cảm thân thiết. Trên đường đi, xe bất ngờ thẳng gấp, tôi giật mình, nhìn về phía trước và thấy một chiếc xe máy lượn vòng trước xe của chúng tôi đụng phải một nhà sư đang đi bộ ngang qua đường, nhà sư ngã lăn ra đường một lúc mới tự đứng dậy được. Lúc đó, người chạy xe máy dừng lại định đỡ nhà sư dậy. Với vẻ mặt tự nhiên và hiền từ, nhà sư chấp tay nói với người đã đụng phải mình: "xin lỗi, xin lỗi...".

Tôi thật sự ngạc nhiên, vì người sai là anh chạy xe máy chứ không phải nhà sư, và ngạc nhiên hơn nữa là nhà sư vẫn có phong thái từ tốn, nhận lỗi về mình, không chút bức tức, trách móc. Mọi việc được giải quyết như vậy, không một lời qua tiếng lại...

Hình ảnh nhà sư theo tôi suốt buổi chiều hôm ấy, và đến nay điều đó vẫn thôi thúc tôi không thể không viết lại câu chuyện này. Lòng tự hỏi, không biết bằng cách nào mà nhà sư lại bình thản khi bị

xe gắn máy đụng ngã lăn ra đường, và điều gì đã giúp nhà sư không oán trách người đã gây ra tai nạn cho mình?

Trong cuộc sống của chúng ta, nói tốt đã khó, nhưng có được hành vi ứng xử tốt là việc khó hơn. Bản năng của con người là phản xạ, tự vệ trong các tình huống khi có tác động bởi ngoại cảnh. Nếu người bình thường, hiền lành thì cũng mắng cho anh chàng đi ẩu một hồi, nhưng ở nhà sư, vẫn nụ cười vô sự để mọi sự yên lặng qua đi, trong khi việc đau đớn do trầy xước thân thể là không thể nào tránh khỏi. Tôi nghĩ, nếu là tôi, thì việc đầu tiên là phải kiểm tra cơ thể xem có bị thương tích gì không, sau đó phải nhận định đúng sai, ai chịu trách nhiệm đến đâu, lỗi do tôi hay do người chạy xe... để có hướng giải quyết. Nhưng đối với nhà sư sao mà mọi chuyện trở nên đơn giản thế. Có ai bắt nhà sư phải cam chịu thiệt thòi như vậy? Người chạy xe cũng định đỡ nhà sư dậy cơ mà, nhưng nhà sư lại tự đứng dậy và xem mình là người có lỗi. Theo thuyết nhà Phật, có duyên mới tạo ra nghiệp, trả nghiệp sẽ có duyên cao hơn, cứ theo thế mà thoát ra khỏi luân hồi. Tôi nghĩ, việc nhà sư đi trên đường và gặp người gây ra tai nạn cho mình vừa là duyên vừa là nghiệp của cả hai người. Duyên tức là gặp người, nhưng do nghiệp còn, nên duyên đến thì nợ đến, trả được "nợ" tức là còn duyên. Nụ cười và câu xin lỗi của nhà sư với người gây tai nạn cho mình tức là nhà sư đang gieo duyên mới cho bước đường tu hành. Nhà sư hôm đó đã tạo ra nhân duyên mới để có được giá trị văn hóa ứng xử cao, làm xúc động lòng người như thế, điều đó chỉ có nhà sư tự chứng biết. Và phải chăng sự tu hành đạt đến một mức độ nào đó thì người ta thoát khỏi sự sân hận. Hình ảnh và cách ứng xử rất đẹp ấy của nhà sư trên đường phố Nha Trang đã làm cho lòng tôi rung động. Tôi thấy mình còn nhỏ nhoi, còn nhiều tham vọng quá. Tôi tự hỏi, trong cuộc sống đời thường bề bộn này, còn phải phấn đấu bao nhiêu nữa tôi mới được như nhà sư kia?... ■

Phật giáo Nam tông có tôn thờ “Thần linh” cứu rồi?

TS. Thái Văn Chải
(tiếp theo & hết)



Chánh điện ngôi chùa Nam tông chỉ thờ duy nhất tượng Phật Thích Ca

Nhưng ngược lại nói đến Phật giáo Nguyên Thủy Việt Nam do các vị sơ tổ chúng ta đã giáo hóa chư Phật tử cũng rất kỹ lưỡng, ở trong nhiều tác phẩm kinh luật từ khi người Phật tử mới bước vào cửa thiền quy y Tam bảo, thọ trì ngũ giới thì các vị sơ tổ đã giáo hóa nhiều điều trong vấn đề tu học. Điển hình như trong cuốn “Cư sĩ vấn đáp” của Ngài sơ tổ Hộ Tông, Gia Định, PL 2485, tr.5 có ghi “Ngài đã thọ Tam qui rồi, trở lại theo ngoại đạo phỉ báng đức Phật (và tôn thờ thần linh) sẽ đứt Tam qui”. Tr. 8 thiện tín tin tà thuyết, tà giáo, thờ thần linh, đức tin Tam bảo sẽ thiệt, hư hại, - tr.9 về người ngoại đạo, đức Phật cấm các vị Tỳ khưu không được tự tay cho vật chi đến tu sĩ đạo lỏa thể vì sẽ phạm “ưng đối trị”. Chư Phật tử chỉ nên tin nhân quả không nên tin tà thuyết thần linh.

2) Ngài Mahā Thông Kham (Medhivongs – quyết tìm hiểu Phật giáo – 1970 – giấy phép số 1633 – Sài Gòn. Bài Tôn giáo từ tr.10 – 20 Thần (spirit) con người thuở xa xưa còn tin thần linh, có ba là :

a) Vạn vật đều có Thần linh; b) Tin rằng thần linh có quyền thưởng phạt con người; c) Mặc dù vô hình nhưng đôi khi có ứng hiện ra cho người vẽ hay nặn tượng để thờ.

- Tr.21 – Đức Phật Thích Ca không phải là một thần linh, để người đời khẩn vái, van xin cứu độ hay hộ trì.

- Do sự tưởng tượng của một số người tạo ra hình bóng để người đời cúng tế cầu phước, cầu xin tài lộc.

- Phật cũng không phải con của một vị Ngọc hoàng Thượng đế nào lãnh lệnh hạ thế để cứu độ

nhân sanh.

- Cũng chẳng có một vị Thần nào nhập vào đức Phật để nhờ thể xác của Ngài đi truyền đạo.

3) Ngài sơ tổ Bửu Chơn: Tác phẩm “Nhân quả liên quan” – giấy phép số 593 / TXB – 1956 – Sài Gòn. Tr.17 ở phần c) Silabba – chấp theo lệ cúng tế thần. Hạng người này chấp rằng “Do sự cúng tế khẩn vái thần linh mới đem lại sự an vui và hạnh phúc. Nếu không cúng tế sẽ có sự tai hại, rủi ro. Họ không tin lý nhân quả”.

4) Nguyễn Trạch Thiện – cuốn “Nghiệp báo và Tái sanh” – giấy phép số 1442/TXB – 56 – 1959, Sài Gòn tr.9.

Trong bộ Bhūcidatta jātika nói về tiền thân đức Phật, khi đề cập đến thần tạo hóa (Brahma), Bồ Tát có hỏi: “Người mà cặp mắt đã thấy được sự đau khổ, hà tất người ấy không làm cho chúng sanh được yên vui? Nếu người ấy có nhiều thần lực, hà tất không dùng thần lực để cứu độ chúng sanh? Tại sao những đứa con sanh ra của người ấy lại phải chịu lắm điều khổ sở? Tại sao người ấy không ban phước lành cho con họ? Tại sao những xảo quyết giả dối, mê lầm vẫn tồn tại mãi mãi? Tại sao sự gian xảo ngày càng phát triển, còn chơn lý và công bằng lại lu mờ?”.

5) Huỳnh Văn Niệm “Kinh Chuyển Pháp Luân”, giấy phép số 823 – 1973 Sài Gòn tr.150. Đạo Phật Thích ca chủ trương đường lối tự tu tự độ như nhiều nhà Phật học châu Âu nhận định. Đạo Phật không phải là một Tôn giáo chỉ căn cứ vào sự tín ngưỡng thông thường mà là một lý tưởng có tánh cách luân lý, tâm lý, khoa học.

Phật giáo về phương diện chúng sanh không chủ trương thuyết Phiếm thần (tin quyền năng tối thượng của vũ trụ) không chấp nhận thuyết nhứt nguyên, không tin có một đấng thiêng liêng tạo hóa nắm trọn quyền sanh sát (độc thần). Không ỷ lại vào tha lực cứu độ chúng sanh mà nhìn nhận con người có đủ khả năng tự cứu lấy mình.

Các nhà bác học châu Âu hết sức ngạc nhiên về giáo lý của đức Phật Thích Ca: "Nào ai có thể tin được một giáo lý chủ trương thuyết vô thần trong khi con người muốn trở nên bậc thánh phải cần đến những năng lực huyền bí, nhiệm mầu mà kiến thức phàm nhân không sao thấu nổi". Đức Phật nhìn nhận có nhiều hạng thiên thần, nhưng cũng thuộc chúng sanh, không có quyền năng gì đối với con người. Ngài phủ nhận một đấng tạo hóa điều khiển vạn vật.

6) Huỳnh Văn Niệm – Cuốn sách trích lục III. Giấy phép số 4044 – 1973, Sài Gòn. Từ tr. 70-74. Những phép mầu :

1. Phép mầu về thần thông biến hóa.
2. Phép mầu về tha tâm thông (đoán biết tư tưởng kẻ khác).
3. Phép mầu về giáo Pháp.

Đức Phật chê những phép thần thông và tha tâm thông: "Này các thầy Tỳ khưu, trường hợp một kẻ vô tín ngưỡng phan phui chiêm biếm như vậy: "Nào lạ gì? có một thứ bùa chú gọi là gandhari. Nhờ bùa chú đó mà ông đạo sĩ mới biến hóa được ra thiên hình vạn trạng, biết phân thân, chui xuống đất, đi trên nước, bay trên hư không ... "

"Này các vị Tỳ khưu, vì nhận thấy sự vô ích, bất hảo của các phép thần thông nên Như Lai nhờ chán không muốn chúng được phô trương. Về phép tha tâm thông cũng thế, nó chẳng tốt đẹp gì. Vì đôi khi kẻ vô tín ngưỡng nói "Nào lạ gì? Có một loại ngọc kim cương. Nhờ thứ ngọc đó mà ông đạo sĩ đoán được tư tưởng kẻ khác, nào là "Anh đang suy nghĩ thế này, toan tính thế kia ...". Vì nhận thấy sự vô ích bất hảo của phép tha tâm thông nên Như Lai nhờ chán, không muốn chúng được phô trương".

- Đức Phật trách phạt Tỳ khưu Pindola Bharadvaja.

Thuở nọ có một thương gia giàu có tại Vương Xá thành cho treo một bình bát bằng cây trầm hương trên ngọn tre và tuyên bố: "Nếu có thầy đạo sĩ hay sa môn tài giỏi biết phép thần thông lên lấy được sẽ thuộc về vị đó". Sáu giáo chủ nhóm ngoại đạo

thử tài nhưng không xong. Tỳ khưu Pindola Bharadvaja dùng thần thông bay lên lấy được. Dân chúng thành Vương Xá reo hò hoan nghinh. Nghe sự việc đức Phật hỏi, Đại đức Ānanda: "Bạch đức Thế Tôn, chính thầy Pindola Bharadvaja đã lấy được cái bình bát của người thương gia". Đức Phật liền quở trách tỳ khưu Pindola Bharadvaja rằng:

"Này Pindola, hành động đó thật chẳng xứng đáng, không hợp lẽ, không tốt đẹp đối với một sa môn, là việc chẳng nên làm" Sau đó đức Phật thuyết: "Này các Tỳ khưu, các người không nên biểu diễn những chuyện phi thường, những phép thần thông trước công chúng. Tỳ khưu nào bất tuân sẽ vi phạm điều luật "Hành ác" của giới bốn ".

Trên đây là những trích dẫn trong kinh điển do các Ngài sơ tổ, các bậc tín đồ trí thức Phật giáo Nam tông lão thành, các Ngài vốn là Phật tử các nước Phật giáo chính thống như Thái Lan, Tích Lan, Lào, Campuchia, Miến Điện ... Các Ngài có tên là Phật tử và tăng già Phật giáo Nguyên thủy phải học đạo, dạy đời như thế nào để không phạm tội đối với chư tăng, không sai trái đối với chánh kiến của người Phật tử niên kỷ thượng hạ khác nhau. Về việc phổ biến kinh điển thì nhất thiết phải căn cứ vào Tam tạng Pāli là gốc. Mọi tác phẩm trích dịch thì triệt để tránh các tác phẩm ngoại đạo ngoài giáo phái. Các Ngài còn lưu ý các môn đệ của mình không nên ỷ lại ở văn hay chữ tốt cao học đẳng cấp tự sửa sai cả lời Phật dạy là điều cấm kỵ đối với hậu sinh.

Đây là tất cả những gì mà tác giả là người cũng đã xuất thân từ con cháu tín đồ cùng hệ phái, đã kinh qua các lớp học tập thuộc hệ thống đào tạo tăng sinh giáo phái chính thống Phật giáo Nam tông, mạn phép nói lên sự sùng kính đến công sức những năm tháng khai sáng cơ đồ Phật giáo Nam tông của các Ngài tại Việt Nam và cho là thiết thực, siêu việt. Chúng tôi hoàn toàn hài lòng với công đức truyền bá của các Ngài các tầng lớp những nhà hộ pháp đã hiến dâng cả cuộc đời mình vì lý tưởng thiêng liêng của tín đồ hệ phái Nam Tông Việt Nam chúng ta. ■

XIN CẢO LỖI

Do sơ xuất kỹ thuật, Tạp chí quyển 4 có in sai tựa đề bài "Pháp làm cho thương mến lẫn nhau" trang 27 của tác giả TS. Thái Văn Chải. Tựa đề viết đúng là "Yếu tố tạo nên sự nhớ nhung tưởng vọng Pháp". Xin cáo lỗi cùng tác giả và độc giả



Vì sao gọi là

CHÙA?

Tạ Đức Tú

Gần đây, nhiều diễn đàn PG trên Internet (forums, PalTalk rooms) thường được nhiều người gán ghép những danh xưng như: chùa, chùa ảo, trụ trì, v.v. Có lẽ chúng ta nên tìm hiểu nguồn gốc và ý nghĩa chữ "Chùa" trong tiếng Việt.

Về tên gọi Chùa hầu như đều thống nhất từ trước tới nay và ai cũng hiểu rõ đó là một tập hợp kiến trúc nhà làm nơi thờ Phật. Đó là tài sản chung của một cộng đồng cư trú trên địa bàn nhất định. (Phải chăng cũng vì thế mà trong ngôn ngữ của chúng ta xuất hiện những từ rất "Việt" là... chùa, để chỉ tài sản hay sức lực không của riêng ai cả, muốn tiêu pha thế nào không ai cấm, không ai tiếc, như: của chùa, công chùa, tiền chùa?...).

Bên cạnh cái tên Chùa thuần Việt chất phác ấy thì còn nhiều mỹ từ gốc Hán khác như Tự, Già lam cũng thông dụng không kém để chỉ ngôi chùa trong tiếng Việt.

Dưới đây chúng ta lần lượt tìm hiểu vì sao những từ được dùng để chỉ kiến trúc nhà có chức năng thờ Phật.

Trước hết là Tự: Ngày nay chữ này được dùng đứng sau làm thành tố chính (trung tâm ngữ) để kết hợp với một từ định danh nào đó (định ngữ) tạo thành một cụm danh từ nêu tên gọi một ngôi chùa cụ thể, như Trấn Quốc Tự, Kim Liên tự, Bửu Lâm tự, Vĩnh Nghiêm Tự...

Và như vậy, ai cũng hiểu, Tự nghĩa là chùa. Nhưng trong ngôn ngữ Trung Quốc cổ đại thì nghĩa của Tự không phải là chùa. Vì Phật giáo mới tiến nhập Trung Quốc từ đầu Công nguyên, trong khi chữ Hán thì đã có sớm hơn rất nhiều.

Tự vốn là từ để chỉ cơ quan làm việc cụ thể của bộ máy chính quyền phong kiến. Sách Hán thư chú: Phàm phủ đình sở tại giai vị chi tự (nói chung nơi làm việc của phủ đình đều gọi là Tự). Khang Hy tự điển chú khá rõ điều này: Hán dĩ Thái thường, Quang lộc, Huân vệ úy, Thái bộc, Đình úy, Đại hồng lô, Tông chính, Tư nông, Thiếu phủ vi cửu khanh. Hậu nguy dĩ lai danh tuy nhưng cửu nhi sở lị chi cục vị chi Tự. Nhân danh Cửu tự (đời Hán lấy Thái thường, Quang lộc, Huân vệ úy, Thái bộc, Đình úy, Đại hồng lô, Tông chính, Tư nông, Thiếu phủ làm Cửu khanh. Nguy trở về sau tuy vẫn để như cũ nhưng các sở cục thì gọi là Tự. Vì vậy mà thành tên Cửu tự [thay cho Cửu Khanh]).

Vậy tại sao từ Tự chỉ một sở cục cụ thể được chuyển hẳn sang nghĩa là chùa? Đây là nguyên nhân lịch sử, đánh dấu mốc đầu tiên trong lịch sử Phật giáo Trung Quốc.

Hán Minh Đế Lưu Trang (25-75) là vị vua đầu tiên thừa nhận địa vị của Phật giáo ở Trung Quốc. Tương truyền nhà vua nằm mộng thấy "người vàng" bay qua sân điện, bèn sai sứ giả 12 người do Lang Trung Thái Âm dẫn đầu sang Tây Trúc cầu tìm đạo Phật. Đó là sự kiện năm Vĩnh Bình 7 (64).

Ba năm sau (67), sứ giả về với hai Tăng nhân người Ấn Độ cùng rất nhiều kinh sách và tượng Phật được thờ trên lưng ngựa trắng.

Lúc các Tăng nhân cùng kinh, tượng, về đến kinh đô, triều đình chưa chuẩn bị kịp chỗ ở riêng nên cho ở tạm trong Hồng lô tự (một cơ quan trong Cửu khanh).

Sau đó nhà vua mới cho xây dựng cái mà chúng ta gọi là chùa để thờ Phật và các tăng nhân tu tập. Kiến trúc xây dựng theo kiểu mẫu dinh thự của quý tộc đương thời.

Sau đó chùa được xây dựng ngày càng nhiều cũng theo kiểu mẫu nhà ở của địa phương. Chính vì vậy mà chùa ở Trung Quốc, và cả ở Việt Nam khi tiếp nhận Phật giáo theo hướng Trung Quốc, có kiểu chùa rất riêng, không theo quy chuẩn mái cong tháp nhọn như nơi Phật giáo phát nguyên.

Nhân vì kinh và tượng Phật được thờ về trên lưng ngựa trắng nên đặt tên chùa là Bạch Mã. Tự là chỗ đầu tiên Tăng nhân tạm trú khi đến Trung Quốc nên được chuyển sang làm thành tổ chính để gọi tên cho ngôi chùa: Bạch Mã Tự, ngôi chùa Phật giáo đầu tiên của Trung Quốc.

Già lam: cũng là tên gọi của ngôi chùa. Đây không phải là tên có nguồn gốc biến đổi như Tự trên kia.

Già lam là tên gọi tắt của Tăng già lam ma (Sangharama). Tăng già là một nhóm Tăng nhân đi hoằng pháp, thường từ bốn người trở lên. Tăng già lam ma: là nơi ở của các Tăng nhân để tu hành, sau chỉ chung kiến trúc ngôi chùa.

Như vậy, già lam ở đây nghĩa như Tự. Nhưng theo tài liệu bằng chữ Hán của Tuần phủ Hà Nam - hiệp biện Đại học sĩ Mai Viên Đoàn Triển (1854- 1919) trong An Nam phong tục sách thì



HT. Thiên Tâm chúc phúc cho Phật tử đến chùa trong dịp đầu năm Tân Mão tại chùa Phổ Minh - Q. Gò Vấp

Già lam chỉ là chùa nhỏ. Nguyên văn như sau: Tự dĩ Phụng Phật, xã dân giai hữu chi (...). Hữu chung lâu, hữu cổ lâu, quy chế đa hữu hậu viện vi Tăng ni trụ trì sở. Súc vọng hiến cung niệm Phật tụng kinh. Diệc hữu Tiểu tự, vô Tăng ni, hữu Thủ tự nhất nhân, hương hoa đăng cung lễ, vị chi già lam. (Chùa để thờ Phật, xã dân nào cũng có). Có lâu chuông, có lâu trống, quy chế (thờ tự, cúng tế) nhiều hơn đình, miếu; có tăng ni và tháp mộ, có hậu viện làm nơi ở cho trụ trì và Tăng ni. Ngày rằm mừng một cúng hoa quả và niệm Phật tụng kinh.

Cũng có chùa nhỏ (tiểu tự), không có tăng ni có một người giữ chùa (Thủ tự, ông Tự) để dâng hương, thắp đèn lễ cúng, gọi là Già lam). Theo ý kiến của ông Đoàn Triển ở sách trên thì Già lam chỉ là ngôi chùa nhỏ, không có quy mô tổ chức và kiến trúc như chùa. Nhưng theo các tài liệu Phật giáo cũng có những ngôi chùa cụ thể được gọi là Già lam, như ngôi Già lam Cổ tự ở Phụng Hiệp (Hậu Giang) thì quy mô tổ chức cũng như quần thể kiến trúc không nhỏ chút nào, nếu không muốn nói là có phần diễm lệ.

Thế nào gọi là Chùa? Vì sao nó chỉ kiến trúc ngôi nhà thờ Phật?

Điều chắc hẳn ai cũng thừa nhận chùa là tên gọi thuần của người Việt. Để tìm hiểu nghĩa của chữ Chùa chúng ta cần tìm hiểu chức năng của ngôi chùa. Chùa là nơi thờ Phật, chốn linh thiêng, thanh tịnh, là nơi mỗi tháng hai lần các Phật tử dâng hương hoa trà quả để lễ Phật.

Lễ vật cúng Chùa thường là những hăng sản địa phương, được đem lên tế lễ rồi chẩn phát, cứu tế luôn cho những người nghèo khó. Như vậy, ý nghĩa nhân văn của ngôi chùa truyền thống rất lớn: là nơi để người giàu san sẻ, người khó tựa nương.



Phật tử đang nghe thuyết pháp tại chùa Thiền Quang 1 - Long Thành ĐN

Đây cũng là một trong những tôn chỉ quan trọng mà nhà chùa hiện nay đang thực hiện.

Truy về nguồn gốc chữ Chùa không đâu hơn là dựa vào mã chữ Nôm. Trong chữ Nôm, Chùa được ghi bằng Trù. Ngữ âm lịch sử đã chứng minh: /ch/ là âm trước của /tr/ khi người Việt đọc chữ Hán.

Chùa là âm tiền Hán Việt của Trù, nó nằm trong hệ thống ch > tr, như chén > trản, chém > trảm, chọn > trạch, chèo > trạo, chầy > trì, chay > trai, chứa > trữ... Trù có nghĩa là bếp, tiếng Hán hiện đại, trù phòng có nghĩa là nhà bếp, nơi ấm áp, yên bình trong mỗi gia đình.

Suy rộng ra xã hội, nơi ấm áp, yên bình nhất chính là ngôi chùa. Chùa là nơi người ta được san sẻ, được thỏa nguyện về cả vật chất lẫn tinh thần. Ý nghĩa từ ngữ thật cao đẹp biết bao!

Trong tiếng Việt ta còn có chữ chùa chiền để chỉ chung về những thắng cảnh Phật giáo. Vậy Chiền là gì? Nó là từ có yếu tố độc lập hay là yếu tố láy của từ chùa? Thực ra, nó xuất phát từ âm Triền: chỗ ở của người dân nói chung. Cũng như chùa, Chiền là âm tiếng Hán Việt của Triền Hán Việt.

Như vậy, đây là một từ ghép đẳng lập của người Việt để chỉ thắng cảnh Phật giáo nói chung. Trong đó, Chùa là yếu tố Trung tâm, tương đương với nó chính là Tự. Còn tiếng Hán tương đương với chùa chiền không phải là Tự mà là Sát. Sát là âm được phiên âm từ tiếng Phạn, là chùa nói chung, từ Hán Việt có các từ như: Cổ sát: chùa cổ, Bảo sát danh sơn: thắng cảnh núi non có chùa...

Qua đây có thể thấy cha ông chúng ta đã biết tiếng Việt hóa cao độ các thuật ngữ Phật giáo để làm giàu cho tiếng Việt. Tuy là vay mượn nhưng dấu vết hầu như mất hẳn vì nó thấm nhuần tư duy nhân văn của người Việt.

Bên cạnh một số tên gọi đã ăn sâu vào ngôn ngữ Việt khi chỉ về ngôi chùa như trên, thì cũng còn nhiều từ khác dùng phổ biến ở Trung Quốc mà khi nhắc tới ta đều biết nó chỉ ngôi chùa, như: Phật sát, Phật điện, Phật đường, Phật khám, Phật tự, Tăng phòng, Tăng viện, Tăng xá, Thiền già, Thiền trai, Thiền xá, Tự môn, Tự quán, Tự viện...

Đó là do quá trình tiếp xúc lâu dài, thường xuyên với tiếng Hán. Tất cả các từ trên đều có thể dịch là Chùa. Trong các từ trên, yếu tố đầu: Phật, Tăng, Thiền là thuật ngữ Phật giáo; Tự là chùa đã nói ở trên. Yếu tố sau là những kiến trúc nhà khác nhau trong tiếng Hán. Nó góp phần định danh tường minh hơn cho ngôi chùa cụ thể.

Tổng quan lại có thể thấy nghĩa của các từ chùa chỉ về ngôi chùa luôn gắn bó mật thiết với ngôi nhà của chúng ta. Chính vì vậy mà từ tên gọi đã toát lên vẻ ấm áp, thân thương và gần gũi, mang đậm tư duy Phật giáo Á Đông. ■

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Ngọc San - Lý thuyết chữ Nôm - NXB ĐHSP Hà Nội, 2006
2. Đoàn Triển - An Nam phong tục sách (tư liệu Hán Nôm).



ảnh minh họa



Vài Nét Về Phật Giáo Myanmar

Upasika Như Trí dịch

Myanmar là một quốc gia trong khu vực Đông Nam Á (Asean), diện tích 678.600 km², dân số 55 triệu với 89% theo đạo Phật. Có truyền thuyết cho rằng Phật giáo được truyền bằng đường bộ từ Bắc Ấn vào Myanmar – Vương quốc của người Phiêu (Pyu) vào khoảng thế kỷ 3 TL. Trong khi đó đạo Phật được truyền đến miền Nam Myanmar - lãnh thổ người Mon - bằng đường biển bởi các đoàn truyền giáo Nam Ấn và Sri Lanka.

Sau khi lên ngôi (1044-1077), vua Anawrahta đem quân xâm chiếm lãnh thổ người Mon và các láng quốc; từ đó Myanmar bắt đầu theo Phật giáo Nguyên thủy (Theravāda), du nhập từ Sri Lanka và tồn tại đến ngày nay trải qua trên 10 thế kỷ.

Khi du lịch Myanmar, du khách sẽ có dịp tham quan Bagan – một thành phố cổ với khoảng hơn 2.000 ngôi chùa - tháp nguy nga tráng lệ nhất Châu Á thành phố này nằm dọc sông Ayeyyawaddy, cách Mandalay 193km về phía nam. Tuy diện tích chỉ rộng khoảng 42 km² nhưng Bagan có rất nhiều ngôi chùa, tháp cổ kính, được xây dựng từ đầu thế kỷ 11 cho đến thế kỷ 13. Ban đầu Bagan có tường rào bao bọc xung quanh và được xây vào năm 849.

Dưới triều vua Anawrahta (1044-1077), Bagan là một kinh thành xinh đẹp, trải dài tới vùng Bhamo ở phía Bắc, sang đến Salween ở phía Đông, Assam, Aranka thuộc vùng Chin ở phía Tây và giáp vương

quốc Mon ở phía Nam.

Vua Anawrahta chinh phục người Mon và truyền Phật giáo Nguyên thủy (Theravāda) vào Myanmar với sự trợ giúp đắc lực của Ngài Shin Arahān, vị tỷ khưu người Mon. Từ đó, Phật giáo Nguyên thủy dần dà phát triển khắp vùng qua nhiều triều đại mà trước đó đa số theo Phật giáo Đại thừa. Để tỏ lòng tôn kính đức Phật và ngưỡng mộ Phật giáo, nhà Vua cho xây dựng nhiều ngôi chùa tháp nguy nga tráng lệ.

Anawrahta là vị vua có công đức rất lớn đối với Phật giáo Myanmar; Ngài là một trong những vị vua vĩ đại nhất trong lịch sử Myanmar được nhân dân kính trọng và tri ân.

Theo lịch sử Myanmar, thành phố cổ Bagan đã được vua Sri Kshetra xây dựng từ thế kỷ thứ 2; vua đã thống nhất đất nước Myanmar từ 78 khu vực tỉnh thành với trên 1.000 ngôi làng với 19 vị thủ lĩnh và lấy vương hiệu là Thamutiriz . Tayoke Pyay là vị vua cuối cùng của triều Min, trải qua 55 vị vua trị vì.

Chỉ riêng tại Bagan đã có trên 13.000 ngôi chùa, tháp. Năm 1287 Bagan bị quân Nguyên Mông đánh chiếm và có nhiều chùa bị phá hủy vì là căn cứ địa phòng thủ chống ngoại xâm của nhân dân, và tại đây năm 1975, lại thêm một trận động đất mạnh đã làm cho nhiều chùa tháp bị sụp đổ.

Thành phố cổ Bagan với những công trình kiến

trúc đồ sộ, lộng lẫy, với nhiều bức hoa văn, phù điêu, tranh họa quý hiếm được đắp nổi rất tinh vi độc đáo dọc theo các bức tường chùa; có thể nói, chính những công trình này đã trở thành nét di sản văn hóa Phật giáo đặc trưng của Myanmar. Trải qua nhiều triều đại vàng son huy hoàng và hưng thịnh, nhân dân của đất nước chùa tháp Myanmar xinh đẹp rất tự hào về di sản văn hóa Phật giáo đặc trưng của mình.

Ngay tại 4 góc của thành cổ Bagan là bốn ngôi chùa tháp nổi tiếng với những cấu trúc cực kỳ đặc sắc và tiêu biểu như:

Chùa Ananda: chùa được vua Kyansittha xây dựng vào năm 1090; đây là một tác phẩm tuyệt mỹ về kiến trúc cổ của Myanmar và cũng là một ngôi chùa đẹp nhất ở Bagan hiện nay, tượng trưng cho “trí tuệ thâm thâm” của đức Phật. Bên trong chùa có tôn trí 4 tượng Phật đứng uy nghiêm, cao 10 mét tại bốn hướng đông, tây, nam, bắc. Nhìn những tượng Phật này, du khách không khỏi ngạc nhiên và vô cùng kính phục trước công trình vĩ đại và lòng ngưỡng mộ đạo Phật của người Myanmar. Ngoài ra, có 80 bức phù điêu rất tinh xảo miêu tả về cuộc đời của đức Phật từ lúc đản sanh đến khi thành đạo. Những tác phẩm được chạm khắc trên đá, vẽ trên trần, mái chùa và xung quanh tường bằng đất nung tráng men là những bức tranh tuyệt đẹp cũng góp phần tạo nên sắc thái độc đáo của chùa Ananda. Tại đây hàng năm vào tháng 11 lễ hội được tổ chức trọng thể, thu hút rất nhiều khách du lịch trong và ngoài nước đến hành hương lễ bái.

Chùa Shwezigon: đây là ngôi chùa vàng đầu tiên của Myanmar được vua Anawrahta khởi công xây dựng nhưng phải đến triều đại của vua Kyansittha năm 1087 mới được hoàn tất. Đây cũng là mô hình tiêu biểu cho nhiều ngôi chùa được xây dựng sau

này. Nhìn từ xa, du khách sẽ cảm nhận vẻ thiêng liêng cao quý toát ra từ một kiến trúc kiên cố: tháp hình trụ thếp vàng trên cùng, được tôn trí đặt trên ba tầng tháp vuông. Tại chùa có thờ một xá lợi răng của đức Phật nên người Myanmar rất tôn kính, sùng bái ngôi chùa tháp này.

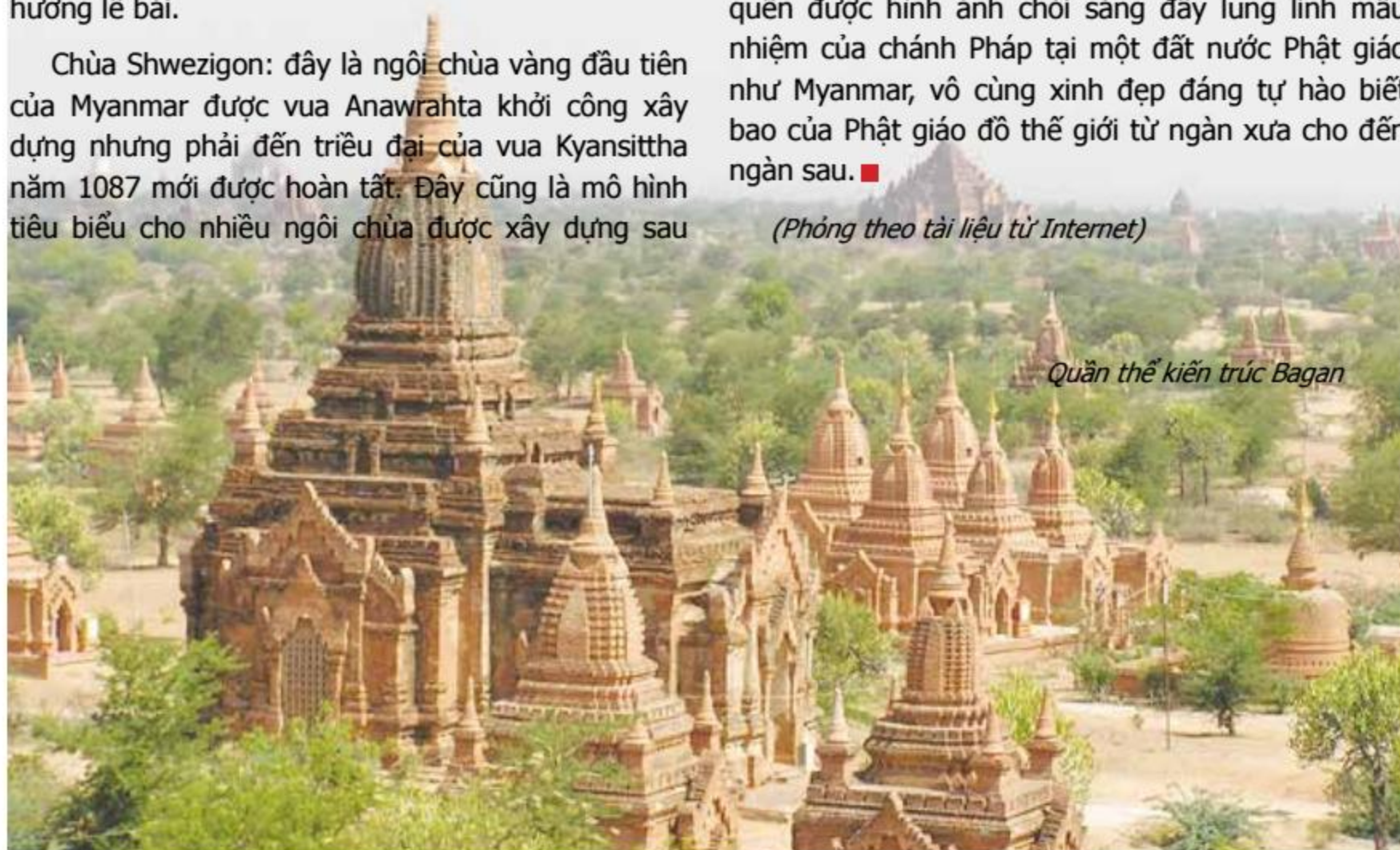
Chùa Thatbyinnyu: với cao độ 66 mét gồm 4 tầng chính, với lối kiến trúc nguy nga tráng lệ, rất độc đáo; ngôi chùa này đã trở thành ngôi chùa cao nhất tại Bagan, do vua Alaungsithu cho xây giữa thế kỷ 12. Bước vào cổng chùa phía tây, du khách rất thích thú với những bức tranh họa rất xinh đẹp.

Chùa Dhamma Yangyi: đây là một trong những ngôi chùa hùng vĩ nhất ở Bagan do vua Narathu xây dựng vào năm 1170. Tuy chưa xây dựng hoàn chỉnh nhưng chùa vẫn được xem là ngôi chùa đẹp và đồ sộ nhất tại đây.

Ngoài 4 ngôi chùa tuyệt mỹ trên, tại Bagan còn có rất nhiều chùa, tháp uy nghiêm, tráng lệ khác như chùa Manuhar, chùa Shwegugyi, chùa Gawdaw Palin, chùa Gawyyaukgyi, chùa Bupaya, v.v... Nói chung, Bagan là một quần thể về công trình kiến trúc chùa tháp rất vĩ đại và vô cùng mỹ lệ tại Myanmar do chính các vị vua, hoàng gia và nhân dân cả nước đóng góp nhân tài vật lực để xây dựng nên.

Trước vẻ đẹp thiêng liêng cao quý của hàng ngàn ngôi chùa tháp cổ kính này, du khách đến Myanmar không thể không cúi đầu cảm kính và xúc động trước công đức của người xưa và có thể không sao quên được hình ảnh chói sáng đầy lung linh màu nhiệm của chánh Pháp tại một đất nước Phật giáo như Myanmar, vô cùng xinh đẹp đáng tự hào biết bao của Phật giáo đồ thế giới từ ngàn xưa cho đến ngàn sau. ■

(Phóng theo tài liệu từ Internet)



Quần thể kiến trúc Bagan

“NGỦ” Trong Kinh Tạng



Một trong những nhu cầu quan trọng trong sinh hoạt thường ngày của đời sống chính là ngủ nghỉ. Ngủ, hay giấc ngủ là một phương thuốc có tác dụng phục hồi sức khỏe cho thân và tâm sau những thời gian làm việc và suy nghĩ mệt nhọc. Mất ngủ hay thiếu ngủ sẽ dẫn đến nguy cơ bệnh, thậm chí ngủ không đủ cũng sẽ làm cho cơ thể uể oải, làm việc không nhanh nhẹn... tuy nhiên, ngủ quá nhiều và ngủ không đúng thời cũng chẳng phải là một phương pháp tốt.

Trong Tương Ưng Bộ Kinh, có ghi lại một câu chuyện như sau :

Một thời, một Tỷ kheo trú giữa dân chúng Kosala, tại một khu rừng. Lúc bấy giờ, Tỷ kheo ấy đang ngủ ngày. Rồi một vị Thiên trú ở khu rừng ấy, thương xót Tỷ kheo ấy, muốn hạnh phúc, muốn cảnh giác, liền đi đến Tỷ kheo ấy. Sau khi đến, vị ấy nói lên những bài kệ cho Tỷ kheo ấy:

Tỷ kheo, hãy thức dậy,
Sao ông hãy còn nằm?
Ông được lợi ích gì,
Trong giấc ngủ của ông?

TK. Định Phúc

Kẻ bệnh, kẻ trúng tên,
Bị đánh sao ngủ được?
Vì lòng tin, xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Tín ấy cần phát triển,
Chớ để ngủ chinh phục .

Qua đoạn kinh ghi lại, chúng ta thấy rằng bài kệ trên như là lời nhắc nhở chân tình của vị thiên tử đối với một vị Tỷ kheo.

Và quả thật, đối với một vị Tỷ kheo nói riêng, đối với các vị xuất gia nói chung, thì việc ngủ nghỉ quá nhiều sẽ làm cho vị ấy mất đi rất nhiều thời gian, vị ấy không thể tu tập được và sẽ trở nên lười biếng, giải đãi, thậm chí sẽ làm cho trí tuệ trở nên lu mờ, chậm chạp.

Đắm chìm trong ngủ nghỉ còn là một trong những nguyên nhân làm ngăn che, làm trở ngại trong việc tu thiền định. Vì sao? Bởi vì:

Có năm chướng ngại triền cái này, này các Tỷ kheo, bao phủ tâm, làm yếu ớt trí tuệ. Thế nào là năm?

Dục tham, này các Tỷ kheo, là chướng ngại triền cái bao phủ tâm, làm yếu ớt trí tuệ.

Sân, này các Tỷ kheo, là chướng ngại triền cái bao phủ tâm làm yếu ớt trí tuệ.

Hôn trầm thụy miên, này các Tỷ kheo, là chướng ngại, triền cái bao phủ tâm, làm yếu ớt trí tuệ.

Trạo hối, này các Tỷ kheo, là chướng ngại, triền cái bao phủ tâm, làm yếu ớt trí tuệ.

Nghi, này các Tỷ kheo, là chướng ngại, triền cái bao phủ tâm, làm yếu ớt trí tuệ.

Mê đắm trong việc ngủ nghỉ chính là hôn thụy cái, làm cho tâm bị co rút lại, không còn sức lực để tiếp tục công việc tu tập được. Chính vì thế, muốn có được kết quả trong quá trình tu tập thì chúng ta cần phải điều tiết lại thời gian ngủ nghỉ cho phù hợp.

Một khi chúng ta còn bị phiền não chi phối, còn bị bức màn vô minh che lấp thì chúng ta đáng được xem là kẻ bị bệnh, kẻ bị đánh, kẻ bị trúng tên. Do bởi thế, chúng ta chẳng nên lãng phí thời gian vào việc ngủ nghỉ, phải dùng thời gian ngắn ngủi của kiếp người vào việc tu tập, nỗ lực công phu.

Mạng sống bị dắt dẫn

Tuổi thọ chẳng là bao

Bị dẫn đến già nua

Không có nơi dừng bước

Ai đem tâm quán tưởng

Sợ hãi tử vong này

Hãy bỏ mọi thế lợi

Tâm hướng cầu tịch tịnh .

Mạng sống vô thường, kiếp người mong manh, mỗi ngày trôi qua là quỹ thời gian của kiếp sống ngày càng rút ngắn lại, chúng ta hãy tỉnh thức để mà tu tập, chớ nên giải đãi hay hứa hẹn với việc tu tập mà phải cố gắng nỗ lực tu tập ngay từ bây giờ.

Và cũng chính từ quá trình tu tập thiền định

sẽ giúp cho chúng ta có được một giấc ngủ an lành. Cuộc sống lao động vất vả, và áp lực của công việc là nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng mất ngủ, hoặc thiếu ngủ, hay là ngủ không đủ giấc. Những nguyên nhân đó phá hoại sức khỏe của chúng ta, làm cho chúng ta trở nên kiệt sức và mệt mỏi.

Là vị thầy của nhân thiên (Sattā devamanussāna), đấng Pháp Vương chuyên trị lành những căn bệnh trầm kha của thế gian, Ngài đã chỉ cho tất cả chúng ta một phương pháp để có được một giấc ngủ tốt, một giấc ngủ thật sâu và thật an lành.

Để được như thế, chúng ta phải áp dụng việc tu tập vào trong đời sống hằng ngày. Hay nói cách khác, chúng ta phải trú trong chánh niệm và tỉnh giác trong mọi hành động, ngay cả trước khi ngủ.

Này các Tỷ kheo, có năm lợi ích này đối với người trú niệm, tỉnh giác rơi vào giấc ngủ. Thế nào là năm?

Ngủ một cách ngon lành.

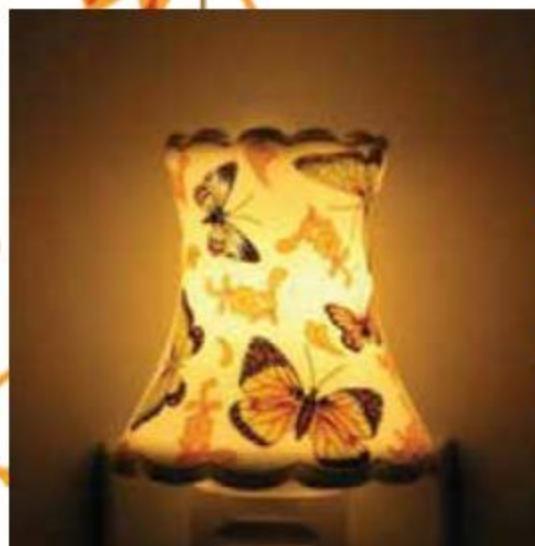
Thức dậy một cách ngon lành.

Không thấy ác mộng.

Chư Thiên phòng hộ.

Bất tịnh không chảy ra .

Vị nào áp dụng được phương pháp trú niệm và tỉnh giác đi vào giấc ngủ sẽ có được năm lợi ích trên, nhất là có được một giấc ngủ sâu, một giấc ngủ khỏe mạnh. Dù cho ngủ ít nhưng tinh thần vẫn được sáng khoái, minh mẫn; còn hơn là ngủ nhiều nhưng giấc ngủ chập chờn, ác mộng dẫn đến sợ hãi và làm cho trí tuệ không phát triển. ■



Đạo tràng Giác Bảo Hoa tham dự thời khóa thuyết pháp đầu xuân Tân Mão

Quang Duyên

Nhân dịp rằm tháng Giêng, hơn 100 công nhân công ty giấy Thái Bình đã đến chùa Bửu Quang quận Thủ Đức TP. HCM tham dự thời thuyết pháp đầu xuân Tân Mão. Công ty giấy Thái Bình không chỉ chăm sóc đời sống vật chất cho công nhân mà còn quan tâm tổ chức nhiều hoạt động văn thể mỹ, đặc biệt các buổi thuyết pháp với những đề tài gần gũi trong cuộc sống luôn thu hút anh chị em công nhân tham gia. Từ năm 2010 đến nay công nhân công ty giấy Thái Bình đã tham dự 8 kỳ giao lưu, tìm hiểu Phật Pháp do Đại đức Thiện Minh – Ủy viên HĐTS GHPGVN, Giảng sư Ban Hoằng pháp TW thuyết giảng.

Tại cuộc giao lưu đầu xuân Tân Mão với anh chị em công nhân giấy Thái bình, Đại đức Thiện Minh đã thuyết bài pháp với nội dung "Chín cái đừng". Có thể nói với cách nói chuyện sinh động, gần gũi, những ví dụ rất sát thực tế, bài nói chuyện của Đại đức Thiện Minh đã giúp cho anh chị em công nhân rèn luyện kỹ năng sống tích cực, nâng cao tinh thần lạc quan, phát triển đạo đức, đặc biệt tâm từ bi hỷ xả.

Nội dung bài thuyết giảng bao gồm:

1. Đừng quên hy vọng

Hy vọng cho bạn sức mạnh ngay khi bạn bị bỏ rơi. Tuyệt vọng sẽ làm bạn ngã quỵ. Buồn cỡ nào cũng phải hy vọng. Trong tâm không ngừng hy vọng ngày mai sẽ tốt hơn ngày hôm nay. Bạn phải có hy vọng. Hy vọng là yếu tố đầu tiên dẫn dắt bạn vượt qua những buồn chán, thất vọng. Hy vọng là bản chất của lòng tin, lòng tin đó có thể là tin Phật, tin cha mẹ,

tin công việc. Việc gì khó tới đâu nhưng nếu có lòng tin sẽ vượt qua dễ dàng.

2. Đừng đánh mất niềm tin vào sức mạnh bản thân

Hy vọng mà không có niềm tin thì thành công không cao. Cho nên hy vọng và lòng tin phải gắn liền với nhau. Tin cha mẹ sẽ có thái độ kính trọng cha mẹ. Tin công việc thì sẽ làm công việc tốt. Tin bạn sẽ chơi với bạn lâu dài. Đức Phật nói: Hạnh phúc và đau khổ là do chính ta tạo ra, ta là nơi nương tựa của ta, hãy tin bản thân của mình. Không dễ duôi là con đường bất tử, dễ duôi là con đường tử vong. Dễ duôi, làm biếng là chết rồi mà chưa chôn. Người nào không dễ duôi, biết siêng năng làm điều thiện, biết tôn trọng đạo đức nhân bản là đi trên con đường bất tử, mặc dù họ mất đi nhưng danh tánh của họ còn mãi như tấm gương của những anh hùng dân tộc, của Phật Thích Ca còn mãi muôn đời sau.

3. Đừng lấy của cải vật chất đo lường thành công hay thất bại, chính tâm hồn mới xác định được sự giàu có của cuộc sống

Cái tâm của con người là quan trọng. Nghèo nhưng có nhân cách, để lại những bài học cho người khác qua những hành vi, cử chỉ luôn làm người khác cảm phục, yêu quý. Cuộc đời của giáo sư Trần Văn Giàu đã để lại cho mọi người nhiều bài học quý giá, trong đó việc giáo sư dành một nửa số tiền bán căn nhà của mình để trao học bổng cho những học sinh nghèo hiếu học là một nghĩa cử bất hủ đáng cho chúng ta noi theo.

4. Đừng để khó khăn đánh gục bạn, hãy kiên nhẫn bạn sẽ vượt qua.

Ai cũng có lúc khó khăn như khó khăn về tiền, tình cảm, công việc, hoặc về nội tâm. Ai cũng sẽ đối diện với những khó khăn. Kiên nhẫn sẽ giúp mình đứng lên, vượt qua khó khăn.

5. Đừng do dự khi đón nhận sự giúp đỡ

Tất cả chúng ta đều cần sự giúp đỡ của người khác trong cuộc sống. Không ai sống độc lập ngay khi bạn ngồi ở đây, bạn cũng cần một môi trường không khí trong lành, cần sự giúp đỡ của cha mẹ, những người chung quanh. Hãy vui khi nhận những sự giúp đỡ của người khác và trong chừng mực hãy có sự đền đáp lại. Đừng mặc cảm khi có người tốt với mình mà hãy mở rộng vòng tay đón nhận một cách vui vẻ để cuộc sống tốt đẹp hơn.

6. Đừng chờ đợi những gì bạn muốn mà hãy đi tìm kiếm

Chúa nói "Hãy xin sẽ cho, hãy gõ sẽ mở, hãy tìm sẽ gặp". Muốn học đạo hãy vô chùa. Muốn tu giải thoát cho mau phải xuống tóc, mặc áo cà sa. Đó là yêu cầu cần thiết để luyện tập đời sống tâm linh của mình. Đời sống trong chùa là cơ hội để học pháp, học tụng kinh, học buông xả.

7. Đừng bao giờ cho là thất bại khi kế hoạch của bạn bị đổ vỡ

Thất bại là dịp để bạn có thêm kinh nghiệm giúp cho bạn thành công. Khi thất bại bạn đừng buồn quá. Khi thành công cũng đừng mừng quá. Bạn hãy rèn luyện đời sống tâm linh, tập suy nghĩ, tập ứng phó với những khó khăn trong cuộc sống. Có thể nói nghịch cảnh, chướng duyên sẽ giúp cho bạn rèn luyện tính cách để bước gần tới thành công. Trong thực tế khi

trải qua đời sống cơ hàn lam lũ con người dễ có cuộc sống hướng thiện, có tâm từ bi hơn.

8. Đừng quên mỉm cười

Nụ cười của bạn mang lại hạnh phúc cho những người chung quanh. Một nhà tâm lý học phương Tây cho rằng bạn phải có khả năng nói chuyện với ba người và làm cho họ mỉm cười, được như vậy bạn sẽ sống lâu, khuôn mặt rạng rỡ. Yếu tố hài hước sẽ giúp cho bầu không khí căng thẳng trở nên dịu nhẹ, vui nhộn. Tính hài hước, khuôn mặt mỉm cười vui vẻ sẽ đem lại thành công cho bạn. Tâm vui, tâm hỷ giúp bạn có nhiều bạn bè, tấm lòng tốt sẽ có gương mặt đẹp, có duyên; tâm không tốt thì sẽ cười không tươi. Do vậy phải rèn tâm bằng cách thay đổi tư duy, bỏ những tư duy bất thiện, những hành động xấu, sửa đổi tâm tánh, bớt nói dối, bớt nói đâm thọc, nói những lời vô ích mà hãy nói những lời nói nghiêm túc, dịu dàng, hoà nhã. Hãy luyện nhân cách tốt và có tâm vị tha với những người chung quanh.

9. Đừng quên tìm cho mình những người bạn tốt

Bạn tốt là những thiện tri thức. Bạn tốt giúp mình đi theo con đường tốt, làm những việc thiện. Bạn tốt là người có lòng từ, có sự thương mến, quý trọng nhau. Bạn tốt trong Phật giáo không phân biệt tuổi tác. Người bạn tốt sẽ giúp cho ta thăng hoa đời sống tinh thần nhiều hơn. ■



Khánh thành

Hiền khánh (Hoa Huệ)

Thiền viện Thiền Minh lành thay
Đầu Xuân Tân Mão hôm nay khánh thành
Mai vàng khoe sắc nắng hanh
Muôn hoa cây cảnh bao quanh đón chào
Trời người hoan hỷ biết bao
Chú mèo khéo léo treo cao rừng vàng
Thiền Minh đại đức mở màn
Dây chùa Nguyên thủy rõ ràng Nam tông
Khắp nơi ai cũng mát lòng
Chung lo dự lễ gieo hồng phước duyên
Được nhiều gặt hái hiện tiền
Tương lai quả báo về miền chân như.

Mừng Tạp Chí ra đời

Nguyễn Thanh Điềm

Phật giáo Nguyên thủy xây thời chóng mau
Đạo đời đoàn kết bên nhau
Trước nhỏ sau lớn hôm nào là đây
Nhớ ơn thầy Tổ cao dày
Đi trong nắng bụi đường đầy cam go
Qua sông có lúc hồng đề
Sóng cuộn cuộn nước ngược lần dề cũng qua
Đường lay uống khúc xa xa
Đội Kinh mang Pháp truyền ra cho đời
Nam truyền Bắc phái một nơi
Chung đường rẽ nẻo có hồi xa nhau
Tạng luật Phật dạy ngày nào
Lưu truyền chánh pháp về sau tu hành
Đại thừa Nguyên thủy hạnh thành
Một lòng vì đạo tâm thành lo tu
Vượt qua những ánh sương mù
Về rồi Nguyên thủy an như chí thành
Từ nay con thế lòng lành
Quyên tâm chân Phật phước dành ngày sau.

Kính mừng đại lễ

Tổ Ngọc

Mừng mười Tân Mão tháng Giêng
Chúng con câu hội về thiền viện xa
Đất trời mời hội long hoa
Rộn ràng tiếng hát Ca Lăng Tân Già
Một vùng sông nước Vĩnh Long
Tiếng chuông tiếng trống đón mừng Tăng Ni
Ngọt ngào hoa cỏ hương rơi
Gió xuân du hồng hát lời A Mi
Mây phiêu bồng chẳng rong chơi
Cây nghiêm trang đứng rào nơi kinh hành
Nắng vàng dát Phật lung linh
Mùa Xuân khép nép cung nghinh lễ này
Cù lao Minh chính là đây
Cũng là quê ngoại đông đầy yêu thương
Sư Thiền Minh về quê hương
Dựng ngôi Tam bảo Nam tông đạo tràng
Bình Hòa Phước chợt rõ ràng
Kiết Sĩ Ma giới đạo vàng hồng khai
Từ đây Nguyên thủy trao tay
Sư Minh xây dựng tương lai Phật đường.

Uống Trà Ngày Xuân

Thiện - Bằng

Mai vàng hé nở đón xuân,
Rực ánh bình minh khắp mọi làng,
Nghe tiếng chuông chùa âm lặng động,
Chúc người thêm tuổi, nãi phiền tan.
Dây lách trà thơm dâng lặn người,
Đón mừng năm mới miệng cười tươi,
Bánh, mứt, hạt dưa đầy dạc vị,
Trò chuyện đôi câu ý vẹn mười.
Qua hết một năm dạc thế nào?
Tham, sân, si, mạn diệt là bao?
Thiền định ra sao lòng linh lẩn!
Bồ đề lẫm tưởng thấp hay cao?
Tâm nhẹ thân an thật tuyệt vời!
Cần lành thiện nghiệp chẳng hề rời!
Ngồi lại quán tâm nhìn thế sự;
Thăng trầm, vinh nhục tựa trùng khơi.



Hiền khánh (Hoa Huệ)

Hay tin sư đã ra đi
Nắng xuân bỗng nhạt lòng ni chạnh buồn
Luật trời thành tục hội luôn
Nào ai thoát khỏi vô thường tử sinh
Thường Thiên Sư đã đăng trình
Nền hương lưong niệm hương linh chúc lành
Thân như chiếc lá xa cành
Bay bay trong gió nhanh về cố hương
Chơn tu cũng một con đường
Tiến vào Phật quả rấn rừng chi trần
Biết bao kỷ niệm xa gần
Vui buồn lẫn lộn tình thân xót xa
Thân tâm thể lảnh là nhà
Cội nguồn chân lý yên nơi vĩnh hằng

Kỳ 5

Đại Hội Kết Tập Kinh Điển Lần Thứ Năm

Bhikkhu Suvijja

B Niên đại, địa điểm, thời gian, vị chủ tọa và người bảo trợ

Niên đại kết tập kỳ này, nếu tính theo Tây lịch là vào năm 1871. Chư Tăng chọn thủ đô Miến Điện là Mandalay làm địa điểm kết tập. Thời gian kéo dài 5 tháng. Vị chủ tọa kết tập kinh điển lần thứ 5 này là Trưởng lão Pong Yi Sayadaw và có 2400 chư Tăng tham dự. Vua Mindon là người bảo trợ cuộc kết tập kinh điển.

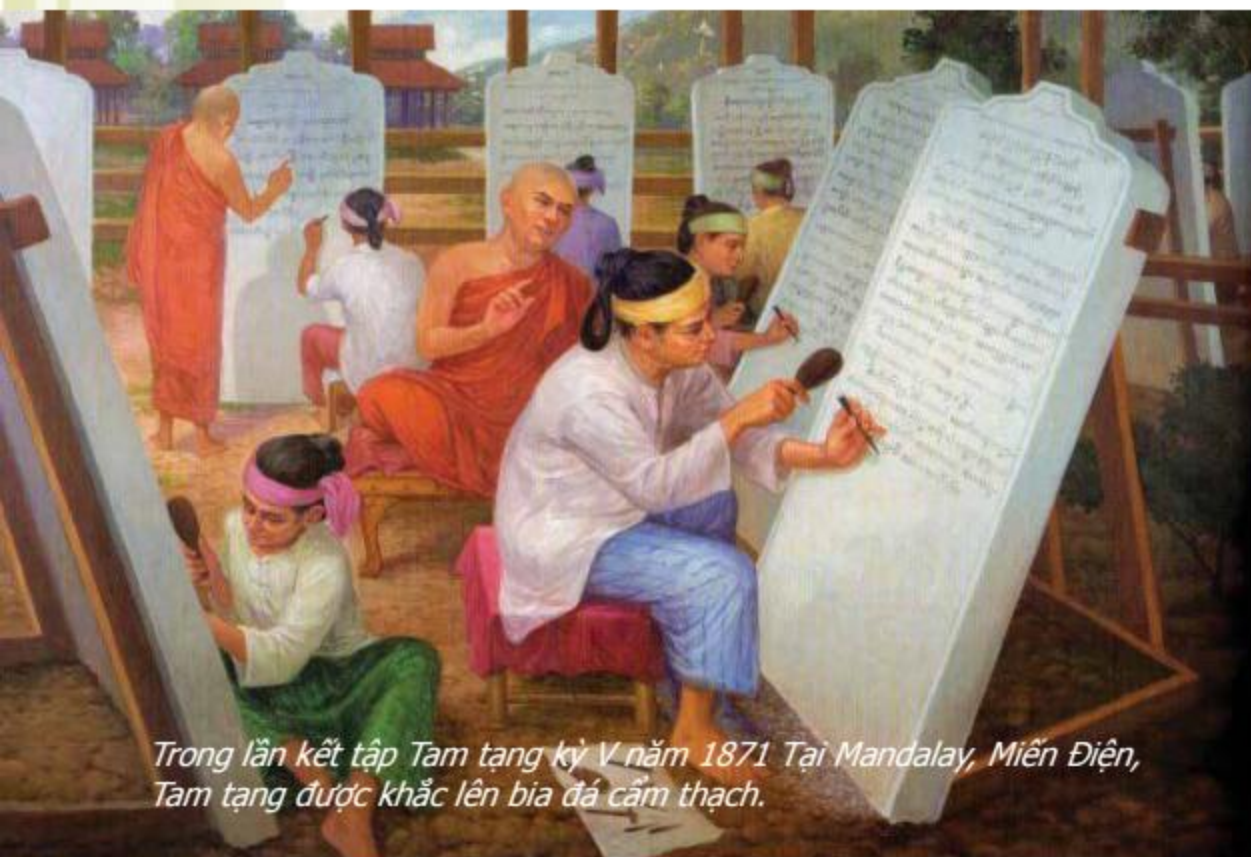
C Phương pháp kết tập
Cách thức kết tập kinh này cũng tương tự

như những kỳ kết tập trước. Các vị Thánh Tăng như Ngài Jāgarābhivamsa, Narindābhidhaja, Sumangalasāmi cùng 2400 vị chư Tăng đọc lại Tam tạng kinh điển. Đặc biệt sau kỳ kết tập này, tất cả Tam tạng được viết trên 729 phiến đá cẩm thạch, mỗi phiến đá cao hơn 1 thước rưỡi và rộng hơn 1 thước tây, khắc chữ đầy cả hai mặt.

Luật tạng gồm có 101 phiến đá. Kinh tạng khắc trên 520 phiến, và Luận tạng khắc trên 108 phiến đá cẩm thạch. Tổng cộng 3 tạng là 727 phiến. Phần chú giải của Tam tạng thì khắc trên 1774 phiến đá khác. Tất cả được vua và chư Thánh Tăng đem tôn thờ tại tháp Mahalokamarakhin và tháp Candamunī. Có thể nói đây là một công trình tiến bộ nhất của Phật giáo Trưởng lão bộ. ■

A Nguyên nhân

Phật lịch 2404 nhà vua Mindon cho xây một tượng Phật đứng to lớn trên đỉnh núi Mandalay, ngón tay của tượng Phật trở xuống thành Mandalay và tượng Đại đức Ānanda quỳ chấp tay. Việc làm của vua như vậy chứng minh huyền thoại của người dân Miến Điện, vì họ tin rằng ngày xưa đức Phật và Đại đức Ānanda có ngự đến núi này và đức Phật có một tiên tri rằng ngọn này về sau sẽ trở thành một thành phố hưng thịnh. Xây dựng xong, nhà vua đặt tên tượng Phật là Javeyattau. Sau đó, vào năm Phật lịch 2407, vua cho tạc thêm một tượng Phật nữa trên núi. Vua và chư Tăng muốn cho kinh điển của đức Phật thống nhất và để bảo quản lâu dài. Cho nên kỳ kết tập này ra đời.



Trong lần kết tập Tam tạng kỳ V năm 1871 Tại Mandalay, Miến Điện, Tam tạng được khắc lên bia đá cẩm thạch.

Vai trò của chất xơ (fibre) Trong thực dưỡng

Lương y Lê Khắc Chiếu
(nguyên Trưởng phòng khám Nhân Đạo
Linh Quang . Q4)

An uống là nhu cầu số một của sự sống; một loại nhiên liệu được tiêu đốt hết sức êm dịu ở nhiệt độ 37°C của cơ thể nhờ vào những phản ứng ôxy hóa và các men tiêu hóa xúc tác. Khi bị ôxy hóa thì thức ăn cung cấp năng lượng cho cơ thể hoạt động, một loại hóa năng (Chemical function) biến thành cơ năng (Mechanical function). Cơ năng này rất cần cho sự sinh trưởng và lao động. Năng lượng cần thiết cho thân nhiệt, một tiêu chí tối cần thiết để duy trì sự sống của tế bào, một tổ chức vi mô của sự sống và của cơ thể.

Trong một xã hội đang phát triển như xã hội của chúng ta, vì sự tất bật của cuộc sống chúng ta cốt ăn sao cho no để làm việc hay vui chơi mà quên đi sự cân đối trong khẩu phần ăn của mình, nhất là vào những ngày lễ tết với mâm cao cỗ đầy, hay trong tu tập với nguyên tắc "cho gì ăn đó" theo thời xưa .

Đời sống của người dân Việt Nam hiện nay có tăng lên, và chúng ta trong cách sinh hoạt hàng ngày mọi người đều chú ý đến ăn nhiều, ăn ngon hơn trước. Một tháp thực phẩm (Food pyramid) đa dạng và phong phú. Các loại thức ăn nhanh (Fast Food) kiểu Mỹ du nhập vào xã hội ta, các loại thực phẩm đóng hộp (Canned foods) và đa số thực phẩm chúng ta ăn vào là đồ nướng, chiên xào gồm nhiều đạm, chất béo, đường mà thiếu hẳn chất xơ (Fibre). Biết cách ăn uống cân bằng thì vừa không lãng phí, vừa tăng dinh dưỡng cho cơ thể, ngăn ngừa nhiều loại bệnh tật, vẫn giữ được sức khỏe dài lâu, vừa kéo dài tuổi thọ.

Chất xơ thường có nguồn gốc từ thực vật rau, củ, quả và hạt. Chất xơ có cấu trúc hóa học giống như carbohydrate và nhu cầu về chất xơ thay đổi tùy theo độ tuổi. Ở trẻ em hàm lượng xơ là 5g mỗi ngày, và ở người trong độ tuổi lao động là 28-30g/ngày.

Trước đây người ta thường quan niệm chất xơ chỉ là một chất trơ không có tác dụng trong khẩu phần ăn, nhưng ngày nay trong nhiều nghiên cứu khoa học với chế độ ăn nhiều chất xơ (Celluloza) đã chứng tỏ rằng chất xơ ngày càng được chú ý vì nó có liên quan mật thiết với sức khỏe con người, nhất là việc nó góp phần ngăn ngừa một số bệnh về tiêu hóa và tim mạch.

Khẩu phần ăn càng sử dụng nhiều loại rau thì cơ thể càng được cung cấp nhiều loại vitamin. Có hai loại xơ trong khẩu phần ăn hàng ngày của chúng ta, gọi nôm na là xơ tan (dissolved celluloza) và xơ không tan (undissolved celluloza).

Loại xơ không tan có vai trò đáng chú ý về mặt cơ học. Do khả năng dễ hút nước của xơ thực vật nên nó giúp cho ruột bài tiết ra ngoài những thành phần cặn bã của thức ăn, tránh cho bề mặt ruột tiếp xúc lâu với các chất độc trong cặn bã đó. Nó giúp ruột co bóp tốt, thức ăn dễ luân chuyển và thành phân tống ra ngoài, loại xơ này giúp ngăn ngừa bệnh táo bón, bệnh trĩ và ung thư trực tràng vì sự tái hấp thu các chất cặn bã vẫn xảy ra ở ruột già (trước mà bị hấp thu vào máu sẽ làm cho máu nhiễm bẩn và ảnh hưởng đến vấn đề thanh lọc tâm về mặt

vật lý).

Loại xơ tan, nằm ở bao tử, làm tăng cảm giác no, nó được phân hủy để tạo ra vi khuẩn có ích cho ruột, nó tác dụng với muối mật trong việc thải chất cholesterol tỷ trọng thấp (LCL), nó làm chậm việc hấp thu đường vào máu, hỗ trợ giảm cân và hạn chế bệnh xơ mỡ động mạch có lợi đối với những người có bệnh CHA, tiểu đường hay rối loạn đường huyết và ngăn cản việc tạo thành sỏi mật . .

Ngạn ngữ có câu: “Đói ăn rau, đau uống thuốc” đã mặc nhiên khẳng định giá trị dinh dưỡng của rau (chất xơ) trong khẩu phần ăn của chúng ta. Một chế độ ăn đúng là một chế độ ăn ít chất béo, nhiều carbohydrat, ít đường và giàu chất xơ.

Một tuần nên ăn cá ít nhất là 3 ngày, phối hợp với đạm thực vật có trong các loại đậu, nhất là đậu nành, đậu cô ve Một chế độ ăn thuộc hệ rau quả giàu chất xơ rất có lợi cho sức khỏe.

Một vấn đề đặt ra trước mắt chúng ta, mà mọi người hiện nay trên thế giới đang tuân theo là ăn chay nhiều bữa trong tuần sẽ có lợi cho sự sinh tồn và phát triển của cơ thể, nhằm đảm bảo một sức khỏe tốt và ít bệnh tật, chứ không vì mục đích tâm linh nhằm đối phó với tình trạng an toàn thực phẩm đang báo động như hiện nay. Tỷ lệ bệnh nhân mắc ung thư tại Việt Nam tăng cao kèm với các chứng rối loạn tiêu hóa và bài tiết.

Chế độ dinh dưỡng giàu chất xơ qua ăn hay uống sẽ đem lại một cảm giác nhẹ nhàng trong cơ thể sau mỗi bữa ăn, sẽ đem đến một sự thư thái và linh hoạt trong tâm hồn mỗi người chúng ta, nhất là trong giai đoạn tu tập theo quy luật tự nhiên về mối tương quan giữa thân và tâm, hay trong giai đoạn người cao tuổi phải đối mặt với sự lão hóa diễn ra ở đoạn cuối cuộc đời.

Trước hết và trên hết, ta hãy biết tập thể nào là buông bỏ và tiết chế từ trong những thói quen hàng ngày, trong tập quán sống và ẩm thực của chúng ta theo ý nghĩa thực tế lời Phật dạy trước khi tiến xa hơn. ■



LỄ HỘI ĐÓN MỪNG NĂM MỚI TẠI CÁC CHÙA NAM TÔNG

Chơn Minh

Sáng mừng 1 và mừng 2 Tết trong tiết trời xuân mát dịu, từng vạt nắng vàng nhạt của bình minh như một tấm lụa vàng phủ lên đồi Lá Giang của Thiền viện Phước Sơn và Núi Lớn Vũng Tàu của chùa Hộ Pháp, nơi mà từng đoàn xe lớn nhỏ chở đầy ắp khách hành hương tập trung về đây từ sáng tinh sương để tham dự lễ hội đón mừng năm mới, đó là lễ đặt bát hội đến chư Tăng Ni để tạo phước điền đầu năm.

Đó đây tăng sĩ đủ các hệ phái Bắc tông có, Khất sĩ có và đa phần là tu sĩ Nam Tông người Kinh và Khmer trong màu y vàng cùng nhau vân tự về đây trên khu đồi rộng của Thiền viện rợp mát bóng cây, hay đứng nghiêm trang hai bên bậc thang dẫn lên tháp thờ Phật cảnh tại Thích Ca Phật Đài trên Núi Lớn – Vũng Tàu trông thật uy nghi và trang trọng. Vui thay cho cả một dòng đệ tử Thích Ca.

Phật tử từ khắp nơi tụ hội đến đây từ sáng sớm, xúng xính trong những bộ y phục mới đủ màu của ngày Tết, với khuôn mặt rạng rỡ nhưng có vẻ trầm ngâm tôn kính được tự tay mình đặt bát hội cúng dường đến chư Tăng Ni đầu năm này.



*Phật tử cúng dường bát hội đến Chư Tăng
Thiền viện Phước Sơn sáng mừng 1 tết năm Tân Mão*

Trao đổi với Thượng tọa Bửu Chánh, Viện chủ Thiền viện Phước Sơn, Phó ban Thường trực Thích Ca Phật Đài và Thượng tọa Giác Trí, Trụ trì chùa Hộ Pháp – Vũng Tàu được các vị cho biết tục đặt bát hội cúng dường chư Tăng Ni có từ trên 25 năm và là lễ hội đón mừng năm mới đặc trưng của Phật giáo Nam tông (PGNT) đã thành thông lệ, đầu năm, tại các chùa PGNT như Phước Sơn (mùng 1), Hộ Pháp (mùng 2), Quảng Nghiêm (mùng 6), Bửu Quang v.v... đều có tổ chức lễ đặt bát đến Tăng, Ni với số lượng tùy vào tình hình thực tiễn của ngôi chùa đó. Truyền thống này có nhiều ảnh hưởng sâu rộng về mặt tâm linh, mà vừa phát triển tình đoàn kết giữa các hệ phái Phật giáo tại Việt Nam, giữa Phật giáo người Kinh và Phật giáo Khmer trong tinh thần đại đoàn kết dân tộc, vừa là cơ hội trợ duyên cho các sư ở các chùa thuộc vùng sâu vùng xa khó khăn về kinh tế, để chư Tăng Ni có cơ hội duy trì đời sống tu hành, gìn giữ đạo đức Phật giáo và truyền thống dân tộc Việt, mà còn giúp cho Phật tử có cơ hội tạo phước cụ thể bằng sự cúng dường trực tiếp đến Tăng, Ni thay vì đi thập tự và cúng dường cầu an đơn thuần. Thượng tọa Bửu Chánh hoan hỷ cho biết thêm, việc đặt bát này là cơ sở thiết yếu của hành vi hướng thiện, bản thân của người Phật tử trước khi cầu an cho mình và gia đình. Quý sư khẳng định trong tương lai, xu hướng lễ hội này của PGNT ngày càng khởi sắc và nên được nhân rộng khắp các chùa để cho Phật tử ngày càng gắn bó với chùa trong những hoạt động Phật sự khác có ý nghĩa thiết thực cho cuộc sống. Tết, một lễ hội cổ truyền dân tộc gắn với Phật giáo từ

hàng nghìn năm qua vì vậy, người Phật tử không nên quan niệm rằng kiếm tiền là chính, làm phước là phụ, mà nên hiểu rằng làm phước phải là chính vì vật chất tài sản và tiền bạc ta phải bỏ lại tất cả khi vô thường réo gọi, chỉ còn tội và phước là theo ta sang kiếp sau. Thật đúng với câu ca dao.

"Ai ơi cố gắng làm lành .

Kiếp này không được, để dành kiếp sau"

Hình ảnh Lễ đặt bát hội đón mừng năm mới tại các chùa Phật giáo Nam tông khế hợp logic với lễ cầu an cho gia đình, là một nét văn hóa biệt truyền của PGNT, dù chỉ là việc đặt bát hội nội bộ, hay mở rộng, đều là nét văn hóa độc đáo của hệ phái và của cả dân tộc trên tinh thần Phật giáo – Dân tộc và Chủ nghĩa Xã hội, tác động sâu xa đến đời sống đạo đức tâm linh của các Phật tử già cũng như trẻ, để họ tự hiểu rằng, tội hay phước là do mình tự tạo, chứ không lệ thuộc vào một đấng quyền năng tối thượng nào. Do vậy tham dự lễ cầu an tại chùa cho gia đình, hay bản thân được tổ chức sau việc tự tạo phước bố thí là có cơ sở tâm linh và nhân quả. Đồng thời vị ngọt của các bài thuyết pháp làm đậm đà thêm ý nghĩa của buổi lễ hội đón mừng năm mới, với tâm an lành, chuẩn bị hành trang cho cuộc sống của người Phật tử thêm phong phú và đầy tính nhân văn Phật giáo. ■



*Phật tử đặt bát tại chùa Hộ Pháp - Vũng Tàu
sáng mừng 2 tết năm Tân Mão*



Hội nghị lần thứ 3 UBTTTQ Việt Nam (khóa VII)

Pv. PGNT

Ngày 27-2 tại Hà Nội, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc (MTTQ) Việt Nam khai mạc Hội nghị lần thứ ba Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam (khóa VII). Những vấn đề về dân chủ, về giám sát và phản biện xã hội, về lựa chọn người ngoài Đảng vào Quốc hội,... đã được các đại biểu thẳng thắn đề cập.

Tham dự Hội nghị có Tổng Bí thư can Chấp hành Trung ương Đảng, Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Phú Trọng, bà Hà Thị Khiết, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban Dân vận Trung ương; ông Phạm Thế Duyệt, nguyên Thường trực Bộ Chính trị, nguyên Chủ tịch Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam; đại diện lãnh đạo Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội; đại diện lãnh đạo các bộ, ban, ngành, các tổ chức thành viên MTTQ Việt Nam; các vị trong Ban Thường trực, Đoàn Chủ tịch, Ủy viên Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam.

Về phía Phật giáo, có chư Tôn Hòa thượng tham dự như: Hòa thượng Pháp chủ Thích Phổ Tuệ, Hòa thượng Phó Pháp chủ Thích Thanh Sam, HT. Phó Pháp chủ Danh Nhưỡng, Hòa thượng Thích Giác Toàn, Phó Chủ tịch kiêm Trưởng ban Kinh tế Tài chánh, Hòa thượng Thích Thiện Tâm, Ủy viên Thường trực HĐTS. GHPGVN, Hòa thượng Sóc Xan Ủy viên Thường trực HĐTS. GHPGVN, Hòa thượng Đào Như Ủy viên Thư ký HĐTS. GHPGVN, TT. Danh Lung, Ủy viên HĐTS-Phó ban Văn hóa TW. GHPGVN, Ni sư Liên Tín v.v....

Phát biểu khai mạc Hội nghị, Chủ tịch UBTTTQ Việt Nam Huỳnh Đảm nhấn mạnh: Những nội dung của Hội nghị lần này có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với công tác Mặt trận năm 2011. Với quyết tâm tiếp tục triển khai, thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Đại hội VII MTTQ Việt Nam, góp phần sớm đưa Nghị quyết Đại hội XI của Đảng vào cuộc sống, đoàn Chủ tịch mong các cụ, các vị và các đồng chí phát huy dân chủ, trí tuệ và nhiệt huyết của mình, tập trung thảo luận, đóng góp ý kiến và thông qua những nội dung mà đoàn Chủ tịch trình ra. ■

Lễ Truy Diệu và Trà Tỳ nhục thân Hoà Thượng Anhtespanho (Quách Mến)*



Vào lúc 17 giờ ngày 21 tháng 2 năm 2011, tại chùa Sê Rây Sóc Khum Son Kum Men Chi Sro Lôn, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Ban Trị sự Phật giáo tỉnh Sóc Trăng, Hội Đoàn kết Sư sãi Yêu nước tỉnh Sóc Trăng, Ban Đại diện Phật giáo huyện Mỹ Xuyên, HT. Dương Nhơn – Phó Pháp chủ HĐCM, Phó Chủ tịch HĐTS, Trưởng ban Trị sự Phật giáo tỉnh Sóc Trăng; HT. Thích Thiện Nhơn – Phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký HĐTS; HT. Thích Thiện Pháp – Phó Tổng thư ký kiêm Chánh văn phòng 2 TW GHPGVN; HT. Thích Thiện Sanh – UV. HĐTS, Phó Trưởng ban Thường trực ban Trị sự Phật giáo tỉnh Sóc Trăng; chư Tôn giáo phẩm HĐCM, HĐTS trú xứ tại Sóc Trăng; chư Tôn đức ban Trị sự Phật giáo tỉnh Sóc Trăng, chư Tôn đức ban Trị sự và Hội Đoàn kết Sư sãi Yêu nước (ĐKSSYN) các tỉnh, thành tại Đồng bằng sông Cửu Long, Môn nhơn đệ tử của Hoà thượng Quách Mến và hàng chục vạn Phật tử Khmer, Việt, Hoa tại Sóc Trăng đến tham dự, tiễn biệt Hoà thượng Anhtespanho (Quách Mến) về cõi Phật.

Buổi lễ có sự hiện diện của ông Thạch Kim Sêng - Chủ tịch UBMTTQVN tỉnh Sóc Trăng; ông Trần Minh, Phó Giám đốc Sở nội vụ, Trưởng ban Tôn giáo tỉnh Sóc Trăng; ông Dương Sà Kha - Trưởng

ban Dân tộc tỉnh Sóc Trăng; ông Lâm Ren – Phó ban Tổ chức Tỉnh uỷ tỉnh Sóc Trăng; quý ông, bà đại diện các Sở, ngành tỉnh Sóc Trăng, huyện Mỹ Xuyên và các huyện, thành phố trong tỉnh đến tham dự.

TIỂU SỬ HÒA THƯỢNG QUÁCH MẾN

“Hòa thượng Quách Mến, Pháp danh: ANHTESPAN-HO, sanh năm 1924, dân tộc Hoa, quê quán ấp Chắc Tung, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Hòa thượng là Thành viên HĐCM, Ban Trị sự Phật giáo tỉnh Sóc Trăng, cố vấn Hội ĐKSSYN tỉnh Sóc Trăng, trụ trì chùa Sê Rây Sóc Khum Son Kum Men Chi Sro Lôn (chùa Chén Kiểu), xã Đại Tâm, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

Hòa thượng sanh ra trong một gia đình có 4 anh chị em, thân phụ là Quách Phước, thân mẫu là Trương Thị Keo, Ngài là con út trong gia đình. Lúc còn nhỏ Ngài được cha mẹ cho đi học chữ Hoa và chữ Việt Nam nên Ngài rất thông minh. Ngài sinh ra và lớn lên sống chung với người Khmer, do đó Ngài rất thạo tiếng Khmer, rồi yêu mến và đặc biệt có duyên với đức Phật (Phật giáo Nam tông Khmer).

Ngài được song thân chấp thuận cho đánh lễ xuất gia học đạo và đăng đàn thọ Tỳ kheo giới tại Đại giới đàn chùa Ha Luân Ba Sắc Bai Chhau do tổ Trung hậu là cố Hòa thượng Lý Ánh - Trụ trì chùa Ha Ba Sắc làm đàn đầu Hòa thượng, Trung thứ là cố Hòa thượng Lâm Benl và cố Hòa thượng Mai Liêng. Nếu tính từ ngày xuất gia đến nay Hòa thượng Quách Mến được 68 tuổi đạo.

Sau ngày đăng đàn thọ Tỳ kheo giới, Hòa thượng Quách Mến tu luyện đạo đức và có phẩm chất hiền lành, chịu khó tích cực trong công việc, vì vậy bản thân luôn cố gắng phấn đấu để thành đạt theo ước nguyện. Song, Ngài yêu thích học tập nên chăm chỉ, siêng năng học hành kinh pháp, chữ Khmer và chữ Phổ thông... Sau khi học xong cơ bản, Ngài xin Hòa thượng trụ trì đi học lớp Pāli tại chùa Châm Pa, xã Phú Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Để được nâng cao trình độ, Hòa thượng Quách Mến sang nước Cam Pu Chia học tiếp và ở tại tăng xá số 15, chùa Unalôm, thành phố Phnom Pênh do Hòa thượng Eknhum làm Trưởng Tăng xá. Khi kết thúc lớp học, Hòa thượng Quách Mến theo học tiếp các lớp khác như: Lớp Vispáthură... tại chùa Pra Sath, xã Vel, huyện Chơr Prây do thầy Achar Svoai giảng dạy, sau khi kết thúc lớp học Hòa thượng quay về

chùa nhà.

Khi học xong trở về chùa trong thời gian ngắn, Hòa thượng Sơn Ôm – trụ trì chùa Pra Sath Kông bị bệnh nên Hòa thượng Lý Ánh - Trụ trì chùa Ha Luân Ba Sắc Bai Chhau phân công Hòa thượng Quách Mến đến săn sóc Hòa thượng Sơn Ôm. Do bệnh ngày càng nặng trầm trọng, Hòa thượng Sơn Ôm đã viên tịch, chư Tăng và Phật tử bốn đạo chùa Pra Sath Kông đã thống nhất bổ nhiệm Hòa thượng Ek làm Trụ trì và Hòa thượng Quách Mến làm Phó trụ trì.

Đến năm 1957 Hòa thượng Quách Mến xin Hòa thượng Ek sang nước Cam Pu Chia lần thứ hai tiếp tục nghiên cứu Phật học tại chùa Châm Đom Đeak đến năm 1970 trở về chùa Haluôn Ba Sắc Bai Chhau được một năm, Hòa thượng Mai Liêng - Trụ trì chùa Haluôn Ba Sắc Bai Chhau đã bổ nhiệm Hòa thượng Dương Dal và Hòa thượng Quách Mến làm Phó trụ trì. Đến năm 1984 Hòa thượng Sô Won Năk Panh Nhô Tăng Đúch - trụ trì chùa Sê Rây Sóc Khum Son Kum Men Chi Sro Lôn đã viên tịch, Hội ĐKSSYN tỉnh Sóc Trăng cùng với chư Tăng và Phật tử chùa Sê Rây Sóc Khum Son Kum Men Chi Sro Lôn đã thỉnh Hòa thượng Quách Mến từ chùa Haluôn Ba Sắc Bai Chhau về làm Trụ trì.

Hòa thượng Quách Mến cần cù cố gắng phấn đấu cho ngành giáo dục đào tạo, thuyết pháp giảng đạo cho toàn thể các vị Tỳ kheo, Sa di và các con em trong bốn chùa hiểu đúng đắn về chữ nghĩa, kinh kệ, chủ trương chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước, nhằm giáo dục cho thế hệ sau học để làm người hữu ích cho xã hội. Ngoài ra, Hòa thượng còn đầu tư xây dựng chùa chiền khang trang, mang tính thẩm mỹ cao cụ thể như: Tăng xá, Upathal Năk Sals, Bảo tháp, hàng rào và cổng chùa... đã hoàn thành 100% và mua sắm nhiều dụng cụ nhằm phục vụ trong chùa.

Đến năm 1988 Hòa thượng Quách Mến tổ chức lễ kiết giới Sây ma (do cố Hòa thượng Tăng Đúch vận động xây dựng ngôi Chánh điện). Trong năm 2009 Hòa thượng Quách Mến đã phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc như đóng ghe Ngo... (kinh phí do chính quyền hỗ trợ 100 triệu đồng) nhằm tham gia phục vụ nhân dịp lễ Quốc khánh và lễ hội Óc Om Bóc truyền thống của người Khmer tỉnh Sóc Trăng. Sau khi khánh thành Chánh điện xong, Ngài được Hội ĐKSSYN tỉnh bầu vào Ban Chấp hành Hội ĐKSSYN tỉnh Sóc Trăng và được bầu thêm vào thành viên HĐCM TW GHPGVN cho đến ngày viên tịch.

Tuy tuổi cao sức yếu, Ngài luôn cống hiến sức mình cho sự nghiệp phát triển đất nước và dân tộc, góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ mà tổ chức và nhân dân giao phó, đặc biệt hơn là trong việc xây dựng nếp sống tốt đạo đẹp đời, Đạo pháp Dân tộc - Chủ nghĩa Xã hội và được các cơ quan Trung ương cũng như địa phương tặng nhiều danh hiệu cao quý như: Tặng thưởng 5 Huy chương, 25 bằng khen và 12 giấy khen.

Do tuổi cao sức yếu Ngài đã lâm bệnh nặng, mặc dù được chư Tăng, tín đồ Phật tử, họ hàng thân quyến và quý vị Y - Bác sĩ đã hết lòng cứu chữa, nhưng do cơn bệnh có tính trầm trọng, thêm tuổi đã già nên thể lực ngày càng suy yếu cạn kiệt.

Đến ngày 15 tháng Giêng năm Tân Mão PL: 2554 (nhằm ngày 17 tháng 02 năm 2011), vào lúc 22 giờ 10 phút, Ngài đã viên tịch trở về cõi Phật, hưởng thọ 88 tuổi, hạ lạp 68 năm, cùng với sự chứng kiến và vô cùng thương tiếc của các Tăng hữu, các chùa trong tỉnh Sóc Trăng, tín đồ Phật tử và Ban Quản trị chùa.

Sự ra đi của Hòa thượng là một sự đau xót và mất mát lớn đối với sư sãi, Tăng sinh và tín đồ Phật tử trong bốn đạo. Cuộc đời Hòa thượng Quách Mến là cả cuộc đời của một vị tu hành chân chính, đã phát huy cao độ lý tưởng hoằng pháp lợi sanh, toàn tâm toàn ý hiến trọn đời mình cho Phật sự và nhân dân. Cuộc đời của Ngài là tấm gương sáng cho chư Tăng Phật giáo Nam tông Khmer, Phật tử noi theo trên bước đường hành đạo". ■

* Nguồn: giaohoi-phatgiaovietnam.vn



Hoa Cúc

Cư sĩ Phạm Kim Khánh đã từ trần vào ngày 27 tháng 2 năm 2011, tại thành phố Seattle, tiểu bang Washington, Hoa Kỳ, hưởng thọ 92 tuổi. Tạp chí Phật giáo Nguyên Thủy xin trân trọng giới thiệu đôi nét về cuộc đời và sự nghiệp mà ông đã phụng sự cho Phật pháp.

Cư sĩ Sunanda Phạm Kim Khánh sanh ngày 10 tháng 1 năm 1921 tại Bến Tre. Thân phụ là ông Đốc phủ sứ Phạm Kim Chi, thân mẫu là cụ bà Lâm Thị Tỵ. Ông là người con thứ 7 trong gia đình có 5 trai 3 gái.

Năm 1959, sau khi nghe trọn 12 thời pháp tại chùa Kỳ Viên, Quận 3, Sài Gòn, ông hiểu được Phật giáo Nguyên Thủy, nên tháng 9 năm đó, Ông xin quy y Tam bảo và được Ngài Nārada ban pháp danh là Sunanda (Thiện Duyên).

Sau khi Quy y Tam bảo, Ông dành thời gian quý báu để nghiên cứu Phật pháp và dịch thuật kinh điển. Trong những tác phẩm ông dịch thuật, nổi tiếng nhất là quyển "Đức Phật và Phật Pháp" (The Buddha and His Teachings, nguyên tác Anh ngữ của Ngài Nārada). Quyển sách này đã xuất bản trước năm 1975 hơn 4000 bản. Sau đó đã tái bản rất nhiều lần trong nước cũng như hải ngoại. Đặc biệt, Ông hiệu đính lại bản dịch trên theo tài liệu gốc của Ngài Nārada trước khi Ngài viên tịch và đã được Nhà Xuất bản Tôn giáo ấn hành tại Việt Nam năm 2010.

Cư sĩ Phạm Kim Khánh là người có công lớn trong ban Xây dựng Thánh tích Thích Ca Phật Đài ở Vũng Tàu với nhiệm vụ Tổng Thư ký Ban quản Trị. Ông cũng là Tổng Thư ký Tổng hội Phật giáo Nguyên thủy Việt Nam cho đến năm 1975.

Từ khi sang định cư tại Hoa Kỳ, ông tiếp tục các công tác hoằng pháp, đóng góp nhiều Phật sự. Đặc biệt nhất, ông thành lập Trung tâm Nārada vào tháng 9 năm 1987, để ấn tống và phát hành bằng và sách Phật giáo. Đồng thời trước tác và dịch thuật hơn 50 tác phẩm kinh điển Phật giáo.

Gần cuối cuộc đời của nhà dịch giả, năm 2000, Ông và gia đình đi hành hương Ấn Độ với Hòa thượng Kim Triệu. Trong chuyến đi này, Ông thực hiện quyển "Hành hương Xứ Phật". Quyển sách này đã xuất bản nhiều ngàn bản, hình ảnh rất sinh động, ghi chép sử liệu rất công phu, một quyển sách nghiên cứu có giá trị cao.

Năm 2002, Ông sang Miến Điện xuất gia và tu gieo duyên với thiền sư U Jejatiya. Tại thiền viện Shee 00 Min, Ông thực tập thiền Vipassāna hơn 3 tháng. ■

Với mục đích củng cố và phát triển lâu dài, nâng cao chất lượng về nội dung cũng như trình độ chuyên môn của các phòng – ban trực thuộc Tạp chí Phật giáo Nguyên thủy.

Chiều ngày 22 tháng 2 năm 2011, tại toà soạn Tạp chí Phật giáo Nguyên thủy, tọa lạc tại số 171/10, Quốc Lộ 1A, phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Tổ đình Bửu Quang đã khai mạc Hội nghị các phòng – ban trực thuộc Tạp chí Phật giáo Nguyên thủy; được biết đây là Hội nghị đầu tiên từ khi Tạp chí Phật giáo Nguyên thủy ra đời.

Đến tham dự Hội nghị gồm có: HT. Thiện Tâm - UV HĐTSTW GHPGVN Tổng Biên tập, TT. Bửu Chánh - UV HĐTSTW GHPGVN Phó Tổng Biên tập, ĐĐ. Thiện Minh UV HĐTSTW GHPGVN Phó Tổng Biên tập; bên cạnh còn có sự tham dự của các phòng ban như: TK. Phước Định Thư ký Hội nghị, Phòng Vi tính: Cô TN. Quang Minh, cư sĩ Khánh Dương; Phòng Phát hành: Lê Hiền Anh Tân, Lê Hiền Khánh; Phòng Tài vụ: TN. Quang Mỹ, TN. Quang Kiến, cư sĩ Nguyễn Văn Bính; Phòng Quảng cáo: cư sĩ Nguyễn Thị Thùy Linh; Cộng tác viên: TS. Thái Văn Chải, Nhà báo Phạm Thu Mai, Nhà báo Lê Khắc Chiếu, Biên tập viên Cẩm Hồng, Diệu Hoa - phóng viên báo Đạo Phật Ngày nay, Võ Tấn Phát - Phóng viên ảnh, Hà Trâm - nhân viên Đài truyền hình Đại Nam – Bình Dương.



HT Tổng Biên tập phát biểu trong buổi họp



Ban biên tập và các cộng tác viên Tạp chí

Buổi họp mặt đầu năm Tạp chí Phật Giáo Nguyên Thủy

ĐĐ Phước Định

Hòa thượng Thiện Tâm, Tổng Biên tập Tạp chí Phật giáo Nguyên thủy đã phát biểu khai mạc Hội nghị. Đại đức Thiện Minh, Phó Tổng biên tập báo cáo tình hình hoạt động của Tạp chí trong thời gian qua, đồng thời cũng đề xuất chiến lược phát triển lâu dài, làm cho Tạp chí ngày càng lớn mạnh, là một cơ quan ngôn luận đem chánh pháp đến với quần chúng nhân dân, bà con Phật tử. Đồng thời các phòng – ban trực thuộc cũng đề xuất những kế hoạch cụ thể nhằm nâng cao chất lượng nội dung bài viết, bổ sung các phòng – ban trực thuộc Tạp chí như Ban Từ thiện, Ban Phật học v.v... Hội nghị đã diễn ra một cách tốt đẹp, các đại biểu trực thuộc các phòng ban cũng đã nhất trí đệ trình đến Ban lãnh đạo những kế hoạch cụ thể, nhằm phát triển Tạp chí như: Tôn chỉ và mục đích hoạt động của Tạp chí, những quy định về nội dung bài viết; triển khai kế hoạch tác nghiệp lâu dài, thành lập Văn phòng chi nhánh 2 của Tạp chí. Kết thúc Hội nghị, Hòa thượng Thiện Tâm đã đúc kết những ý kiến quan trọng từ các phòng ban trực thuộc và lên kế hoạch phát triển bền vững để Tạp chí Phật giáo Nguyên thủy, mãi là cơ quan ngôn luận của quần chúng nhân dân nhằm phổ biến kinh điển Phật giáo và đường lối lãnh đạo của Đảng – Nhà Nước với tôn chỉ tốt đạo đẹp đời. ■

Ngài Viện chủ chi nhánh Thiền viện Pa Auk đến Việt Nam

Pv. PGNT



Ngày 25/02/2011 Ngài Ashin INDOBHĀSA Viện chủ của chi nhánh thiền Thanlyin thuộc dòng thiền Pa Auk đã đến Việt Nam theo lời thỉnh mời của gia đình Phật tử Thiện Hạnh – Tín Hỷ thông qua thiền sư Dhammapāda là thầy dạy thiền cho gia đình.

Trong thời gian Ngài ở tại Việt Nam, Ngài có chương trình đến các ngôi chùa để hướng dẫn thiền và giảng pháp cũng như chúc phúc đến cho Phật tử Việt Nam thuộc hệ phái Nam tông; thông dịch cho Ngài trong thời gian tại Việt Nam là sư Hương Định du học Tăng tại Miến Điện. Được biết chi phí do gia đình Thiện Hạnh – Tín Hỷ và các bạn đạo tài trợ. Dự định ngày 25/3/2011 Ngài Ashin Indobhāsa sẽ trở về Miến Điện.

Sáng ngày 28/2/2011 Ngài đã đến chùa Bửu Quang và có buổi nói chuyện, chúc phúc và thọ thực với tăng ni và Phật tử tại chùa. Được biết Ngài và phái đoàn sẽ đi viếng thăm một số chùa Nam tông như Kỳ Viên, Bửu Long, Phước Sơn v.v...

Dưới đây là đôi nét tóm tắt về Ngài

- Ngài tên là Ashin Indobhāsa sinh ngày Chủ nhật ngày 23/10/1933 tại làng Ywathit, Sagaing, song thân là U San Ba và Daw Pwa Ohn. Ngài được 79 tuổi, 59 hạ

- Ngài thọ giới sadi năm 1942 tại tự viện Ywathit với thầy Tejavanta và thọ giới tỳ kheo ngày thứ bảy ngày 9/2/1952

- Ngài được học dưới sự chỉ dẫn của thầy Tejavanta, Ngài học và tốt nghiệp cử nhân Pāli với thầy Mahanandisenarama tại Mandalay

- Năm 1951 Ngài nhận tước hiệu cao quý Pháp sư

- Ngày 4/1/2007 Ngài nhận tước hiệu cao quý “Đại trí thức” do chính phủ Miến Điện trao tặng cùng nhiều tước hiệu Phật giáo cao quý khác (Tạng luật) do Giáo hội Tăng già Miến Điện trao tặng

Những cống hiến của Ngài với sự nghiệp hoằng pháp

- Giữa năm 1980 – 1992 Ngài giảng dạy Luật tạng tại Khin Oo Township. Trong dịp này Ngài đã tổ chức giảng dạy những khóa thiền ngắn

- Năm 1993 – 1994 Ngài học và nghiên cứu thiền dưới sự hướng dẫn của Ngài đại thiền sư Pa Auk U Acinna; sau đó Ngài trở về Ye Oo Sagaing

- Từ năm 1995 – 1998 Ngài đã thực hành và giảng dạy thiền tại Trung tâm Thiền viện Pa Auk ở Mawlamyine. Năm 1998 Ngài được Giáo hội tấn phong làm Viện chủ và Thiền sư của chi nhánh thiền Thanlyin thuộc dòng thiền Pa Auk

Ngài đã hướng dẫn thiền Vipassana cho hơn 2800 thiền sinh ngoại trú và 19800 thiền sinh nội trú trong suốt 30 năm qua. ■



GD Thiện Hạnh - Tín Hỷ chụp hình lưu niệm cùng Ngài Indobhāsa và chủ tăng chùa Bửu Quang



Lễ Cúng Đèn Tại Thiền Viện Phước Sơn

ĐĐ Phước Định

Vào lúc 18g ngày 11- 02- 2011 (tức 16 tháng giêng âm lịch) tại Thiền viện Phước Sơn thuộc ấp Tân Cang, xã Phước Tân, huyện Long Thành, Đồng Nai đã long trọng cử hành lễ cúng đèn cầu an đầu năm.

Lễ cúng đèn nhân ngày rằm tháng giêng với ý nghĩa trọng đại trong truyền thống văn hóa Phật giáo, để kỷ niệm sự kiện đức Phật tuyên hứa với ma vương là ba tháng nữa Ngài sẽ nhập diệt và sự kiện 1250 vị Thánh Tăng tụ hội về thành Vương Xá để yết kiến đức Phật. Bên cạnh đó theo truyền thống văn hóa dân gian, đây là ngày tết Nguyên tiêu, mọi người cúng hoa đăng để cầu phúc nhân dịp đầu năm.

Được biết Thiền Viện Phước Sơn tổ chức Lễ cúng đèn vào các tối ngày 16 tháng giêng, 16 tháng 4, 16 tháng 7 và 16 tháng 10 Âm lịch trong năm.

Đến tham dự và chứng minh buổi lễ Cúng Đèn (Hoa đăng) có TT. Giác Chánh, Trưởng ban Văn hóa tỉnh Đồng Nai, TT. Bửu Chánh, Viện chủ Thiền viện Phước Sơn, Ủy viên Hội đồng Trị sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, ĐĐ. Tuệ Quyền, Trụ trì chùa Quảng Nghiêm, ĐĐ. Pháp Đăng Trụ trì chùa Từ Thiện, tỉnh Đồng nai, v.v...cùng chư Tôn đức Tăng, quý tu nữ và hơn 2500 Phật tử từ Tp.

Hồ Chí Minh và các tỉnh thành đến tham dự buổi lễ.

Trước khi bắt đầu buổi lễ trời đã trút một cơn mưa tẩy trần để cho buổi lễ càng trở nên trang nghiêm và thanh tịnh.

Sau phần giới thiệu chương trình và thành phần tham dự buổi lễ, ca sĩ Sỹ Luân đã cúng dường Tam bảo một ca khúc nhạc đạo, sau đó đại chúng được nghe Thượng tọa Giác Chánh, Trụ trì chùa Bửu Đức, Tp. Biên Hòa, giảng về ý nghĩa và lợi ích của Lễ cúng đèn, kể đến là phần tụng kinh cầu an đầu năm, và cuối cùng là nghi lễ cúng đèn.

Buổi lễ được diễn ra trong sự trang nghiêm, TT. Bửu Chánh, Trưởng Ban tổ chức hướng dẫn đại chúng nghi thức cúng đèn. Trên tay mỗi người cầm một ngọn đèn (hoa đăng) cúng Phật, sau đó Thượng tọa đã dẫn đầu đoàn rước đèn, tiếp theo là chư Tăng Ni và chư Phật tử; đoàn rước đèn bắt đầu từ chánh điện vòng qua lễ đài Phật lộ thiên, những khu di tích Phật cảnh mang ý nghĩa truyền thống Phật giáo và trở về nơi Phật điện.

Được biết buổi lễ cúng đèn do ông Đinh Văn Sơn, Phó TGD Công ty VHDL Suối Tiên (nhà tài trợ chính cúng đèn cho lễ hội), cùng sự đóng góp của chư Phật tử gần xa, kẻ công người của, làm cho buổi lễ thêm phần long trọng. ■

CHÙM ẢNH PHẬT SỰ

Ảnh: Lê Hà



TT Bửu Chánh - Phó Tổng Biên tập Tạp chí,
Phó ban Trị sự PG tỉnh Đồng Nai thăm và chúc tết lãnh đạo
Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh Đồng Nai



Ban PGNT viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam
hợp triển khai công tác nghiên cứu tại Tổ đình Bửu Long - Q. 9



Lễ tưởng niệm cố Đại lão Giác Pháp tại Thích Ca Phật Đài - Vũng Tàu



Lễ đặt bát hội đầu năm Tân Mão
tại Thiền viện Phước Sơn - Đồng Nai



Lễ đặt bát hội đầu năm Tân Mão
tại chùa Thích Ca Phật Đài - Vũng Tàu



Lễ đặt bát hội đầu năm Tân Mão
tại chùa Hộ Pháp - Vũng Tàu



Lễ cầu an rằm tháng giêng tại
chùa Hộ Pháp - Vũng Tàu



Phái đoàn 1000 Phật tử chùa Ấn Quang hành
hương đầu năm tại Thiền viện Phước Sơn



Lễ cầu an đầu năm tại Thiền đường Bửu Sơn - Vũng Tàu



Lễ cầu an đầu năm Tân Mão tại chùa Quảng Nghiêm - Đồng Nai



Lễ hội cúng đèn tối 16 tháng giêng tại Thiền viện Phước Sơn - Đồng Nai



Lễ hội hoa đăng tại chùa Phước Hải - Vũng Tàu



HT. Thiện Tâm tại buổi Đại lễ tưởng niệm anh linh các anh hùng liệt sĩ tại Nghĩa trang tỉnh Long An



Ông Nguyễn Văn Sang Trưởng BTG tỉnh Vĩnh Long đang phát biểu tại lễ khánh thành Thiền viện Thiện Minh - tỉnh Vĩnh Long



HT. Thiện Tâm tại buổi lễ



TT. Bửu Chánh đang phát biểu tại buổi họp mặt đầu năm của BBT Tạp chí với các phòng ban và Cộng tác viên

DANH SÁCH ỦNG HỘ TẠP CHÍ PGNT SỐ 6

01	Đại đức Minh Hạnh	100 quyển
02	Lương Dũng - Kiều Oanh	30 quyển
03	Trần Thị Bảy- Pháp danh Ngọc Đức	20 quyển
04	Nguyễn Thị Hạnh- Pháp danh Diệu Ngọc	10 quyển
05	Nguyễn Thị Mộng Lý	100 quyển
06	Mạch Tuyết Vĩ Quang	15 quyển
07	Lê Thị Xuân Lan PD Ngọc Tâm	20 quyển
08	Châu Thị Minh Trang Pháp danh Ngọc Liên	20 quyển
09	Trần Thị Hoan Pháp danh Nguyên Hương	10 quyển
10	Nguyễn Thị Tuyền pháp danh Ngọc Hoa	10 quyển
11	Võ Thị Túy	10 quyển
12	Trần Ngọc Bửu PD Như Huyền	50 quyển
13	Phan Thị Anh Thư	50 quyển
14	Trương Thị Nở	50 quyển
15	Gđ. Ái Hòa	100 quyển
16	Châu Nguyễn Anh Vũ	25 quyển
17	Châu Nguyễn Minh Trang	25 quyển
18	Sư Giác Khoan- Pháp viện Thánh Sơn	100 quyển
19	Bùi Nữ Thục Vy	60 quyển
20	Bùi Nữ Diễm Mi	60 quyển
21	Lê Ngọc Thiên An	50 quyển
22	Lê Thị Thùy Hương	50 quyển
23	Bùi Nữ Anh Thy	50 quyển
24	Huỳnh Thị Mẫn	33 quyển

25	GĐ Nguyễn Thị Cúc pháp danh Giác Bảo Hoa	400 quyển
26	Văng Phi Nga- Hà Thế Hưng	133 quyển
27	Hiền Khánh	133 quyển
28	Minh Đức	20 quyển
29	Nguyễn Thị Diễm	20 quyển
30	Đặng Kim Liên	13 quyển
31	Trần Thị Phết	60 quyển
32	Tổ Ngọc	6 quyển
33	Chu Kim Thạch- Pháp danh Thiện Pháp	10 quyển
34	GĐ Thiện Trí - Như Hạnh	10 quyển
35	TN Diệu Liên	4 quyển
36	GĐ Phạm Minh Hùng	4 quyển
37	TN Quang Hồng	20 quyển
38	GĐ Mười Trang	10 quyển

MỜI ĐĂNG QUẢNG CÁO TRÊN TẠP CHÍ PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY

- * Bìa bốn: 200 x 280mm = 8.000.000 đồng
- * Bìa hai: 200 x 280mm = 7.000.000 đồng
- * Bìa ba: 200 x 280mm = 6.500.000 đồng

* Trang quảng cáo

- 1/2 trang = 2.500.000 đồng
- 1/4 trang = 1.500.000 đồng
- 1/8 trang = 800.000 đồng

(Giá cho một lần đăng)

Tạp chí Phật giáo Nguyên Thủy